

NGHỆ THUẬT THƯ PHÁP THIỀN NHẬT BẢN

nguyên tác THE ESSENCE OF SHO
của ŌMORI SŌGEN và TERAYAMA KATSUJŌ

Biên dịch Anh ngữ: JOHN STEVENS

dịch sang tiếng Việt: MINH CHÂU

hiệu đính: Nguyễn Minh Tiến

GHI CHÚ VỀ BẢN ANH NGỮ

Tập sách này dựa vào tác phẩm *Thư pháp thiền*¹ của Ōmori Sōgen, và bộ sưu tập *Thiền và nghệ thuật*² của Terayama Katsujō trưng bày ở Cologne, Đức, trong năm 1979. Nội dung trong tập sách này đều đã được rà soát và biên tập lại, cùng nhiều tư liệu mới được bổ sung thêm: chương *thiền và nghệ thuật biểu hiện* là của Ōmori Sōgen; các chương khác là của Terayama Katsujō; và người dịch³ biên soạn phần *Tiểu sử các nghệ sĩ thiền*.

Vì tập sách này được viết trong bối cảnh truyền thống thiền Nhật Bản, nên các tên người bằng tiếng Hán đều được ghi qua dạng phát âm theo tiếng Nhật. Độc giả có thể đọc hiểu thư pháp tiếng Nhật theo dạng La tinh, ghi tên người theo phong tục Nhật Bản (họ đứng trước), và cách tính tuổi (vừa sinh ra là tính một tuổi). Các thuật ngữ tiếng Nhật và các ngoại ngữ khác được in nghiêng khi xuất hiện lần đầu, và sau đó đều được in theo dạng thường. Chữ *Kanji*⁴ và ngày tháng tương ứng với thời gian sáng tác được ghi vào phần minh họa.

Cũng nên lưu ý rằng “*calligraphy*” không phải hoàn

¹ Tiếng Nhật: *Sho to Zen*; tiếng Anh: *Calligraphy and Zen*

² Tiếng Đức: *Zen und die Künste*; tiếng Anh: *Zen and Art*

³ Người dịch bản Anh ngữ, tức là John Stevens

⁴ Tiếng Hán để ghi mẫu tự tiếng Nhật

Nghệ thuật thư pháp thiền Nhật Bản

toàn giống như biểu hiện qua thuật ngữ *Sho*¹ của Nhật Bản. Như “một bức họa từ tâm” và là hình thái nghệ thuật cao nhất của Viễn Đông, Sho khác hơn nhiều so với “lối viết bay bướm”. Sho là nền tảng của cả thư pháp và hội họa phương Đông, và sự khác biệt giữa hai phong cách không phải dễ nhận ra; đó là lý do có nhiều họa phẩm cũng như nhiều mẫu thư pháp trong tập sách này. Ước nguyện của chúng tôi là mong sao cuối cùng Sho sẽ trở thành một thuật ngữ được nhận biết rộng rãi ở phương Tây như các từ *satori*², *ki*³, *dō*⁴, và các ý niệm quan trọng khác.

John Stevens

¹ Chữ Hán là Thư (書) có nghĩa là viết, cách viết.

² Chữ Hán là ngộ 悟

³ Chữ Hán là khí 氣

⁴ Chữ Hán là đạo 道

LỜI NÓI ĐẦU

Trọng tâm của thiền là giác ngộ: tỉnh thức và nhận ra mọi việc, y như chúng đang là, ngay bây giờ và ở đây. Trọng tâm của thư pháp là đường nét: để đường nét được tạo ra một cách hoàn chỉnh, tâm phải được an tĩnh.

Những mẫu được trình bày trong tập sách này minh họa chiều hướng đặc biệt của sự chứng ngộ thiền và những yếu tố của một đường nét chân thật. Vì bản chất kinh nghiệm thiền không bao giờ có thể được định nghĩa một cách thoả đáng, nên sự giới thiệu vẫn tắt từ chuyên luận ngắn gọn này chỉ đưa ra một gợi ý, hơn là “giải thích” những nét đặc trưng về nghệ thuật thiền. Bàn luận dông dài về ý nghĩa và biểu tượng của một tác phẩm thì thật vô ích và phản tác dụng – sự vi diệu nằm trong những điều không thể diễn tả.

Thưởng thức những tác phẩm minh họa, nhưng cũng là để giải trừ sạch trong tâm thức những định kiến và thâm nhập tác phẩm một cách trọn vẹn. Dần dần, sức sống kỳ diệu và sự trong sáng của nghệ thuật thiền sẽ trở nên rõ ràng. Ý tưởng đó, nếu được phát triển sâu hơn, sẽ đưa đến điều

được gọi là quán chiếu bát nhã.¹

Đó là ước nguyện chân thành của chúng tôi, mong rằng ấn phẩm này sẽ cổ vũ mạnh mẽ hơn sự thưởng ngoạn thư pháp và hội họa thiền cùng chia sẻ sự nhận thức sâu hơn về mục tiêu chân xác của nghệ thuật – sự giải thoát và thành tựu trong tâm thức con người.

Ōmori Sōgen

Terayama Katsujō

Tokyo 1982

¹ *kansho hannya* – trí tuệ đạt được thông qua sự chiêm nghiệm.

CHƯƠNG I

GIỚI THIỆU

THIÊN VÀ NGHỆ THUẬT THỂ HIỆN

Thiên và sự thẩm định cá tính con người

Một hôm vị tăng hành cước Tư Mã Đầu Đà¹ viếng thăm Bá Trượng Hoài Hải,¹ một thiền sư Trung Hoa, nói chuyện về những nơi mình đã đi qua.

– Khi tôi còn ở Hồ Nam (Konan), có đi qua một nơi gọi là Quy Sơn (Isan, Tai-i), đó là một vùng núi rất đẹp, có khả năng quy tụ được ít nhất là 1500 học tăng

Bá Trượng liền đứng dậy, dáng điệu như sắp đi.

– Tôi có thể trụ ở đó chăng? Sư hỏi:

Tư Mã Đầu Đà đáp:

– Không! Ngài trông giống một lão tăng khổ hạnh gầy gò, trụ núi ấy phải cần một người có nhiều phong độ. Nếu Ngài trụ ở đó, học tăng sẽ không quá 500.

– Thế đệ tử trong chúng của ta, ai trụ ở đó được? Bá Trượng hỏi.

Tư Mã Đầu Đà trả lời:

– Đợi xem qua từng người mới biết.

Thiền sư Hoa Lâm,² thủ tọa trong chúng, được mời

¹ Tư Mã Đầu Đà 司馬頭陀 (Shiba Zuda): là một thiền sư tinh thông địa lý và tướng số.

¹ Hyakujō Ekai; 720 – 814

² Karin

đến trước tiên. Tư Mã Đầu Đà bảo:

– Đàng hẵng một tiếng rôi hãy đi vài bước.

Hoa Lâm làm theo lời yêu cầu. Tư Mã Đầu Đà trả lời ngay:

– Người này không được. Xin mời người kế tiếp.

Cứ theo cách như vậy, Tư Mã Đầu Đà lần lượt quan sát từng người, và thấy không ai đạt yêu cầu. Người cuối cùng là điển tọa Linh Hựu.² Khi Tư Mã Đầu Đà vừa thấy Linh Hựu, liền nói:

– Đây chính là người trụ núi đó!

Bá Trượng đồng ý, nhưng thủ chúng Hoa Lâm phản đối:

– Chọn người trú trì một trụ xứ mới mà lại dùng trò khám nghiệm trẻ con như thế!

Bá Trượng lại đưa ra một cuộc thử nghiệm khác. Sư lấy một tịnh bình, đặt trước mặt Hoa Lâm rồi hỏi:

– Không được gọi là tịnh bình. Đây là cái gì?

Hoa Lâm đáp ngay:

– Không thể nói là gốc cây vậy!

Khi hỏi đến Linh Hựu, sư đá văng tịnh bình rồi bỏ đi.

Bá Trượng cười nói:

² Quy Sơn Linh Hựu 為山靈祐 (tiếng Nhật: Reiy, 781 – 853). Sư giữ chức điển tọa trông coi việc nấu nướng, ăn uống trong thiền viện.

– Thủ tọa bị thua ngọn núi này rồi! ¹

Linh Hựu đảm nhiệm kiến lập thiền viện ở Quy Sơn và trở thành Tổ khai sáng tông Quy Ngưỡng² một trong năm tông phái thiền Trung Hoa. Chính Hoa Lâm cũng trở thành một thiền sư nổi tiếng nên chúng ta cũng không thể nói rằng sư hoàn toàn bị thua cuộc. Dĩ nhiên, cốt tủy của câu chuyện này là ở chỗ: với một người mẫn cảm, sẽ có khả năng thấu hiểu được cá tính hoặc khả năng của người khác thông qua phong cách ứng xử. Bất luận là ai, miễn là có được một năng lực đặc biệt, theo đúng nghĩa “xuất chúng”.

• • •

Một hôm, kiếm sĩ lừng danh Miyamoto Musashi (1584–1645) đang dạo qua đường phố Nagoya. Một võ sĩ³ đi qua, quay ngoắt lại nhìn ông và tự nhủ “Đây không phải là một người bình thường. Xưa nay ta chưa gặp người nào như thế này ở quanh đây”. Ông ta liền hỏi lớn:

¹ Chuyện này là nội dung chính của công án 40 trong Vô Môn Quan (無門關 – Mumonkan) gọi đủ là *Thiền tông Vô Môn Quan*, 1 quyển, do Vô Môn Huệ Khai soạn vào đời Tống, Di Diển Tông Thiệu biên, được ấn hành vào niên hiệu Thiệu Định thứ 1 (1228), đến niên hiệu Thuấn Hựu thứ 5 (1245) được in lại. Năm kế, cư sĩ An Vãng thêm vào sau sách tấc thứ 49, sau đó sách được xếp vào Đại Chính Tạng tập 48, trang 292.

² Igyō

³ samurai

– Có phải ông là samurai thuộc dòng Yagyu?

Musashi hét lên một tiếng sắc lẹm làm lạnh buốt vị samurai kia.

– Thế ngài là Miyamoto Musashi!

Vị samurai ấy đã nhận ra

Sự mẫn cảm có được nhờ vào sự tinh luyện nhiều năm của thân và tâm được biểu lộ ra thật tự nhiên trong chỉ một vài hành động nhất định của những con người như Quy Sơn và Musashi; chúng ta không nên ngạc nhiên vì đó chính là những bằng chứng rõ rệt cho cách ứng xử của họ.

Thiền và nghệ thuật thể hiện

Lâm Tế (? – 867), người sáng lập một tông phái thiền mang tên Sư, một hôm bảo đệ tử

“Trên khối thịt đỏ, có một vô vị chân nhân thường từ cửa mặt của quý vị ra vào, ai chưa nhận ra được, hãy xem đi!”⁴

Khối thịt đỏ nghĩa là thân thể vật chất mà ta bẩm thụ từ cha mẹ. Trên cái thân đó, có *một vị chân nhân*,

⁴ Lâm Tế Ngữ Lục (Đại 47, 496 hạ) ghi: 師上堂云: 赤肉團上有一無位真人。常從汝等諸人面門出入。未證據者看看 – Sư thượng đường vân: Xích nhục đoàn thượng hữu nhất vô vị chân nhân, thường tùng nhữ đẳng chư nhân diện môn xuất nhập, vị chứng cứ giả khán khán.

một con người chân thật không tên tuổi. Vị nghĩa là thứ bậc, chẳng hạn như “bộ trưởng”, “tướng công”, “quý tộc”, “thượng lưu” thật sự không tồn tại, cũng chẳng quan hệ mật thiết với “52 giai vị tu tập giác ngộ”, hay tiến trình tu tập theo thứ bậc của những tâm hồn hẹp hòi theo Phật giáo duy lý. Hơn thế nữa, tất cả những phân biệt thường tình, đàn ông đàn bà, người giàu kẻ nghèo, mê ngộ, trong ngoài, đều phải được vượt qua; rồi mới có được sự tự do vô chướng ngại, siêu việt tất cả những đối đãi.

Nhiều người tin rằng có một thật tại siêu việt nằm bên ngoài *khối thịt đỏ* này, rồi khoác cho nó một ý tưởng hoặc một hình thái hiện hữu trừu tượng nào đó. Nhằm lẫn này dẫn đến sự mơ hồ về thể tánh của *hữu* và *vô*, sự mâu thuẫn giữa tuyệt đối và tương đối, và sự chấp trước, ngược với tự tại.

Về câu nói của Lâm Tế, *vô vị chân nhân* thường từ cửa mặt của chúng ta ra vào; trong một pháp thoại khác, Sư nói: “... Ở mắt, nó được gọi là thấy; ở tai, nó được gọi là nghe; ở mũi, nó được gọi là ngửi; ở miệng, nó được gọi là nói; ở tay, nó được gọi là cầm nắm; ở chân, nó được gọi là đi.”

Chữ *cửa mặt*¹ của Lâm Tế là biểu tượng cho các giác quan mà *vô vị chân nhân* không ngừng qua lại trong *khối thịt đỏ* này.

Bằng cách vượt qua nghịch lý và giới hạn này, *khối thịt đỏ* đối đãi trở nên một chân thân tuyệt đối và vô ngại. Tuy nhiên, chúng ta không nên dính mắc vào tính

buông thả của mình. Mọi người nên thể hiện một cách sáng tạo, qua lại một cách ung dung giữa hữu hạn và vô cùng, giữa tuyệt đối và đối đãi. Chứng ngộ xảy ra ngay nơi thân xác này; sự chuyển hóa thân súc sinh thành bậc giác ngộ, thành sinh thể sống động tạo nên cái mà chúng ta gọi là *thiền*.

Một khi sự phong tỏa của quan niệm đối đãi bị giải trừ, thì chẳng còn *sắc lẫn tướng*. *Vô vị chân nhân* – bây giờ tự tại thoát khỏi mọi ngăn che, hoạt dụng tự do không chướng ngại – siêu việt thân vật chất nhưng không thiếu trách nhiệm với nó. Như D.T. Suzuki nói: “Người giác ngộ là người vượt qua được tính chất cá nhân nhưng vẫn còn giữ được nét kỳ đặc của riêng mình”.

Vô vị chân nhân cũng còn được gọi là *Phật tâm* hay *thiền tâm*. Dù không hình, không tướng nhưng chẳng phải không trở, mà nó động dụng thật sự ngay bây giờ và ở đây, là *thiền cơ*.¹

Bằng cách nghe tiếng và thấy hình, hành giả lão luyện có thể biết ngay *thiền cơ* sâu cạn của một người. Nếu bản chất của một người có thể hiển bày qua một vài cử chỉ nhỏ như đằng hắng hoặc bước đi, thì chắc chắn nó cũng có thể được biểu hiện bằng nghệ thuật. Bản chất rõ ràng của công phu thiền được hiển bày như là một nghệ thuật.

Thời xa xưa, Câu Chi⁵ thường đưa lên 1 ngón tay khi

¹ diện môn (面門)

¹ zenki

⁵ Gutei

có người đến hỏi thiền; Vân Môn⁶ khước từ kế thừa tu viện của thầy mình, sau đó chỉ một mình với cây gậy mà vuốt tron cả sơn hà đại địa; Thủ Sơn⁷ quất gậy tui bụi vào đệ tử; Động Sơn⁸ trả lời câu hỏi “Phật là gì?” với lời đáp “Ba cân gai!”. Tất cả những ứng xử này đều là những mảng đặc sắc của nghệ thuật.

Giác ngộ và kỹ thuật

Trong nghệ thuật thiền, kỹ thuật không thể hoàn toàn xem nhẹ, cũng như không thể dựa hoàn toàn vào cảm hứng sáng tạo. Có thể hành giả rất thông đạt thiền, nhưng nếu không được rèn luyện thư pháp và hội họa thì hành giả ấy không thể cho ra đời một tác phẩm nghệ thuật trong lần nỗ lực đầu tiên. Ngay cả đối với một thiền sư lỗi lạc nhất, chúng ta cũng không thể nào mong mỗi vị ấy lái được phần lực cơ mà không cần những chỉ dẫn thích hợp; nếu kiến thức kỹ thuật cơ bản bị bỏ qua, thì những việc như thế sẽ không thể nào thực hiện được, cho dù với người đã giác ngộ bất luận đến mức nào.

Một hôm Musashi được yêu cầu vẽ một bức tranh bằng mực trước uy lực của một lãnh chúa. Hiển nhiên là bị phân tán tư tưởng, anh ta không hài lòng về bức tranh. Sau khi về nhà, Musashi liền rút vào làm việc trong

⁶ Ummon – Vân Môn Văn Yển 雲門文偃; C: yúnmén wényǎn; tiếng Nhật: ummonbun'en 864 –949

⁷ Shuzan – Thủ Sơn Tỉnh Niệm 首山省念; C: shǒushān xǐngniàn; tiếng Nhật: shuzan shōnen; 925 –993;

⁸ Tozan – Động Sơn Lương Giới 洞山良价; C: dòngshān liángjiè; tiếng Nhật: tōzan ryōkai; 807 –869;

phòng riêng và đến sáng hôm sau thì anh cho ra đời một tuyệt tác. Sẽ sai lầm khi nghĩ rằng anh ta có thể làm như thế hoàn toàn chỉ vì anh là một kiếm sĩ tài ba – điều đó chẳng liên quan gì nhiều đến khả năng hội họa của anh. Musashi vốn đã quen thuộc với kỹ thuật vẽ bằng bút lông trước khi cho ra đời “tuyệt phẩm một đêm” ấy. Rất có thể là Musashi cảm thấy lúng túng bởi sự có mặt của vị lãnh chúa, nên đã mất đi sự tự tin. Ngay khi anh ta trở về nơi bình an xưa cũ là nhà của mình, anh ta mới tạo nên một kiệt tác. Không có gì để nói thêm về điều đó. Sự thật là, thiếu sự chín muồi tâm linh có thể làm hạn chế việc vận dụng năng lực kỹ thuật thích hợp, nhưng sẽ không đúng khi nghĩ rằng những ai thuộc dạng chín muồi tâm linh như Musashi đều có thể vẽ nên một kiệt tác mà không qua sự rèn luyện chính thức.

Trong *Phật Trí Hoàng Tế thiền Sư Pháp Ngũ*, tác phẩm ghi lại những bài giảng của Bàn Khuê Vĩnh Trác,⁹ có câu chuyện như sau

Hachinobe nói với Bàn Khuê:

– Vị tổ khai sáng Tịnh độ chân tông là Thân Loan¹ có lần viết dòng chữ “Nam mô A Di Đà Phật” lên không trung và những chữ ấy hiện lên trên một tờ giấy ở bên

⁹ Bàn Khuê Vĩnh Trác 盤珪永琢; tiếng Nhật: bankei yōtaku (Eitaku); 1622 –1693, cũng được gọi là Bàn Khuê Quốc sư (Bankei Kokushi); Ba năm trước khi viên tịch, Sư được Nhật hoàng phong danh hiệu Phật Trí Hoàng Tế thiền sư (tiếng Nhật: Butchi Kōsai Zenji). Về sau môn đệ sưu tập lại các bài giảng của sư thành tập Pháp Ngũ mang tên Butchi Kōsai Zenji Hōgo.

¹ Thân Loan 親鸞; tiếng Nhật: Shinran (1173 –1262)

kia bờ sông. Ngài có thể làm được việc ấy chăng?

Bàn Khuê cười bảo ông ta:

– Các phù thủy thậm chí còn thi thố nhiều ngón điều luyện hơn. Nói những chuyện như thế trong Phật pháp cũng giống như so sánh chó mèo với người!

Phật pháp chân chính thì chẳng có gì là huyền hoặc. Những vị được truyền thừa Phật pháp như Không Hải,¹ Thân Loan đều không phải là những phù thủy. Một số ít người có thể thấy khó chịu bởi thực tế là lửa thì nóng và nước thì lạnh, rồi cố gắng thay đổi thiên nhiên một cách vô lý. Không một vị chân sư nào lại khuyến khích đệ tử của mình nỗ lực thực hiện những điều không thể được; thay vì như thế, họ dạy những nhận thức đúng đắn và sự chấp nhận quy luật tự nhiên. Những tín đồ và các thân hữu của Hachinobe thường bị những ấn tượng mê lầm về “phép lạ”.

Khi còn bé, tôi có học không lâu với một vị cư sĩ tên Oda Tokusui. Ông ta là người nối pháp của Lão sư Katsumine Daitetsu, và là bậc thầy trong môn thư pháp và nhu đạo. Trong một bài viết của mình, Tokusui viết: “Thư pháp của các thiền sư luôn được viết ra với một nghị lực mạnh mẽ, cho dù là những bức thư pháp tồi. Đây là điều kỳ lạ”.

Dĩ nhiên trong các thiền sư loại niềm tin siêu xuất ấy không hiếm. Một số người hiểu sai về Phật pháp, giống như Hachinobe; một số khác quá tin vào câu nói:

“Thông đạt thiên là thông đạt tất cả”, trong khi đó, một số khác nữa lại tự đánh giá quá cao tài năng nghèo nàn của họ. Các thiền sư thời trước có lẽ không tránh khỏi sự đánh đồng với dạng người có niềm tin siêu xuất và hạ ng người tự dối mình, nhưng so với ngày nay thì dường như các mẫu thư pháp nghèo nàn không nhiều lắm. (Dĩ nhiên, chỉ những tuyệt phẩm thư pháp mới được lưu giữ.) Tokusui than phiền: “Ngày nay, các tuyệt phẩm thư pháp của các thiền sư vô cùng hiếm hoi”.

Nakabayashi Gochiku, bậc thánh về thư pháp thời Minh Trị,¹¹ nhận xét: “Thiên của những ai chưa đạt được Chính pháp nhãn tạng thì gọi là *dã hồ thiên*.¹² Thư pháp của những ai chưa thấu suốt phong thái các bậc cổ đức, lại đắm mình trong niềm kiêu hãnh kỳ quái, thì đó là *dã hồ thư pháp*. Phớt lờ những yếu tố về bố cục, phong cách sáng tạo và những nét thô cứng của các họa phẩm thư pháp loại tồi thì quả thật đó là lẽ thói của *dã hồ thư pháp* – đó chỉ là những nét chữ nguệch ngoạc.”

Trong việc học thư pháp, ban đầu mọi thứ đều phải được học tập cẩn thận; rất cần thiết phải nghiên cứu phong cách và phương pháp của các bậc thầy đi trước, lập một nền tảng vững chắc trên kỹ thuật cơ bản, và ghi nhớ những yếu tố cần thiết trong cách viết. Cho dù vậy, cũng không thể đảm bảo là sẽ cho ra được một tuyệt phẩm nghệ thuật nào, vì một nhà thư pháp đích thật không chỉ đơn thuần là một người thợ thủ công lành nghề.

¹ Kukai

¹¹ Meiji Era

¹² dã hồ: chồn hoang

Dù thực tế Gochiku là một nhà thư pháp chuyên nghiệp nổi tiếng, ông vẫn thường than vãn rằng thư pháp của ông kém hơn so với người bạn thời thơ ấu của mình là chính khách Soejima Taneomi. Nếu một nhà thư pháp tài tử vượt trội nhà thư pháp chuyên nghiệp nổi tiếng nhất thời nay, thì điều chắc chắn là do nơi bút pháp hơn là sự hoàn hảo về kỹ thuật. Cảm quan, kinh nghiệm, sự chín muồi tâm linh, tất cả đều có phần trong đó. Gochiku viết:

“Các nhà thư pháp biết cách rèn luyện ngọn bút, nhưng họ không biết cách rèn luyện tâm linh. Kỹ năng có được do từ rèn luyện với cây bút, trong khi linh hồn tác phẩm lại xuất phát từ sự chuyển hóa bản tâm.”

Trong nguồn cảm hứng tương tự Tokusui lưu ý:

“Chữ thảo của Nhất Hưu Tông Thuần¹ và Long Khoan² thì quá tuyệt, rất đa dạng và sáng tạo. Làm sao có thể mô tả được thư pháp của các vị ấy? Tuyệt diệu chẳng? Kỳ đặc chẳng? Tính độc đáo trong tác phẩm của họ là nhờ vào kinh nghiệm thiền. Chúng ta có thể cảm nhận được chân giá trị và ánh sáng rực rỡ từ vẻ đẹp tự nhiên hiện hữu trong tâm họ.

Ánh sáng rực rỡ từ vẻ đẹp tự nhiên hiện hữu trong tâm họ chính là cái dụng của vô vị chân nhân.

Để sáng tạo nghệ thuật thiền, tâm phải tĩnh tại, nhận ra *vô vị chân nhân*, giải trừ mọi chấp trước, và đạt

được tự tại. Không có những chuẩn bị này, thì không thể hướng tâm mình vào việc sáng tạo nghệ thuật. Lại nữa, chúng ta phải tự nhắc nhở rằng sự chín muồi tâm linh và chiều sâu của cá tính phải được hòa hợp với kỹ năng. Dù vậy, đào luyện tâm linh đóng vai trò quyết định hơn so với tập luyện ngọn bút.

Trong cuốn *Phương pháp hội họa và thư pháp*¹ Tsuda Seifu đã đưa ra một số điều thú vị trong tác phẩm của mình. Ông nhận định rằng những nét chữ thảo phóng túng hoang dại của Kaisu, một vị tăng kỳ đặc người Trung Hoa, “có một giai điệu lưu xuất trực tiếp từ bản tâm của con người; chúng tôi chẳng có cách nào để thành tựu điều ấy được”. Tsuda Seifu tiếp tục trình bày:

“Với những bút thư pháp được trưng bày trên bệ thờ, người xem ít cảm nhận tài năng của nghệ sĩ mà quan tâm nhiều hơn đến dấu ấn tâm linh bàng bạc trong bức họa a... Trong những kiệt tác mẫu mực của thư pháp và hội họa phương Đông, kinh nghiệm và sự đào luyện tâm linh được kết tinh trong từng nét bút.”

Kinh nghiệm và sự đào luyện tâm linh được kết tinh trong từng nét bút có nghĩa là nghệ sĩ thể hiện mỗi nét như thể đang đối diện với giây phút cuối cùng của cuộc đời mình – tâm hồn của mình được khắc họa trên trang giấy. Hầu hết thư pháp hiện đại thiếu phẩm chất này, chẳng toát lên được ý nghĩa hiện hữu của con người.

Cách đây vài năm, một lão tăng đột nhiên xuất hiện trong một cửa hiệu bán các đồ dùng viết thư pháp gần

¹ Ikkyu

² Ryokan

¹ The Way of Calligraphy and the Way of Painting

nhà ga Tokyo. Sư đòi giấy, bút, mực rồi phóng bút vẽ ngay một bức chân dung Bồ-đề Đạt-ma. Xong, Sư bỏ đi cũng đột ngột như khi đến. Một người bạn kể cho tôi nghe chuyện này, và hỏi thêm: “Anh có nghĩ rằng đó là Lão sư Furukawa Taiko không?”. Mới nhìn qua, bức tranh trông gần như là một bức vẽ của trẻ con, nhưng nhìn kỹ mới thấy những nét bút tràn đầy năng lực với một sức hấp dẫn không thể nào tả xiết. (Sau đó, tôi khám phá ra đó quả thật là tác phẩm của Lão sư Furukawa).

Một họa sĩ nhà nghề nhìn họa phẩm ấy có thể nghĩ rằng nó do trẻ con vẽ, những nét bút hồn nhiên và thanh thản làm sao. Không ai có thể phủ nhận sự an tĩnh tuyệt đối trong bức họa đó. Về uy nghi lồng lộng của Lão sư Furukawa hiện hữu trong từng nét mực. Thư pháp và hội họa là sự nối dài cá tính và năng lực nội quán của người sáng tạo.

Nhưng *ai* là người tạo ra nghệ thuật thiền? Làm thế nào để chúng ta phân định được giữa tướng và thể, mê lầm và chính kiến, khối thịt đò và con người chân thật, thư pháp tuyệt chiêu và thư pháp tồi? Câu trả lời cho những công án (koan) này chỉ được hiển bày cho những ai thực hành một cách chân chính.

Trong phòng tập, ngoài pháp *tọa thiền*,¹ chúng tôi còn học thêm kiếm thuật và thư pháp. Tôi gọi đó là “dùng những phương tiện khác nhau để tập thiền”. Thiền là nhận ra chân tánh của mình, nhận ra *vô vị chân nhân*, có thể được tìm thấy trong mọi ngõ ngách của đời sống.

Có rất nhiều phương tiện để tập thiền; có nhiều môn học mang tính nghi thức, chẳng hạn như trà đạo và nghệ thuật cắm hoa, nhưng bất kỳ mọi hành vi hằng ngày – nấu cơm, dạy trẻ, lao động chân tay hoặc viết lách, đi, đứng, nằm, ngồi đều có thể là phương tiện để đào luyện tâm linh. Về phần mình, tôi chọn những môn mà tôi thích nhất, đó là thiền, kiếm thuật và thư pháp để rèn luyện trong phòng tập của mình. Kiếm thuật là tập thiền với một thanh gươm, thư pháp là tập thiền qua ngọn bút lông. Nếu chúng ta thực tập tinh cần, một ngày nào đó *vị chân nhân* sẽ giáp mặt với lưỡi kiếm, và *cái ta vô ngã* sẽ tuôn trào theo ngọn bút.

Khí hợp¹ và nghệ thuật

Vị thầy dạy thư pháp đã quá vắng của tôi là Yokoyama Setsudō (1883 – 1966), một hôm nói với các môn sinh:

“Ba việc cần thiết để thông đạt đạo của thư pháp là: niềm tin mạnh mẽ, tư thế vững chặc, và tiết chế việc ăn uống”.

Sẽ không có ai bàn cãi, đạo² nào cũng đòi hỏi một niềm tin mạnh mẽ, cũng chẳng có ai chối bỏ tư thế đúng là thiết yếu cho phong cách sáng tạo. Lời khuyên nhủ của Setsudō tiến xa hơn:

“Phong thái biểu hiện khi tọa thiền và tập luyện thư

¹ Tiếng Nhật: Zazen; tiếng Anh: Seated meditation.

¹ Kiai

² đò

pháp phải được duy trì qua việc đi, đứng, ngồi, nằm trong sinh hoạt hằng ngày. Lúc nào người học cũng phải duy trì sự tập trung toàn tâm ý. Đó là ý nghĩa không nên có tư thế sai lệch. Đừng cho rằng nghệ thuật thư pháp đơn giản chỉ là sao chép những nét chữ Hán.”

Vào những năm cuối đời, kiếm sư nổi danh Yamada Jirokichi (1863 –1930) dạy ở trường thương mại Tokyo. Một trường doanh thương cũng không khác với một trường võ thuật, và Yamada đặc biệt nghiêm khắc với học viên. Thỉnh thoảng, Yamada cầm thanh kiếm gỗ đứng trước cửa phòng tập. Bất kỳ ai đến gần phòng tập mà kéo lê gót chân khi bước đi, hoặc hành động thiếu ý tứ, thì họ liền bị ông quất mạnh vào ống quyển. Tiếng Yamada sẽ vang lên như sấm: “Một kiếm sĩ không bắt đầu và kết thúc (đời mình) ngay trước cửa phòng tập”. Đến hôm nay, tôi còn nhớ lại rõ ràng âm hưởng đầy khinh miệt của ông và vẫn còn cảm thấy đau nơi ấy (mặc dù không phải là học viên chính thức, tôi đã được dự khóa huấn luyện ở đó).

Ngày nay, chẳng có mấy bậc thầy dạy theo phong cách của Yokoyama và Yamada; đối với các vị ấy, đạo là phương pháp tinh luyện bản tính con người và thanh tịnh hóa tâm thức; sự cầu thả không được cho phép trong bất kỳ nỗ lực nào.

Tuy vậy, về yêu cầu cuối trong lý thuyết của Yokoyama Setsudō, có lẽ còn đòi chút khó khăn. “Có thể nào có sự liên quan giữa sự tiết chế ăn uống và tập luyện thư pháp chăng?” Đây không phải là một câu hỏi vô lý. Chính tôi đã viết trong lời bạt cho một quyển sách tập hợp những lời giảng của Setsudō: “Thầy chúng ta thấy

rằng nền tảng sức khỏe nằm ở trong thật phẩm ta dùng hằng ngày, nên một chế độ ăn uống thích hợp là rất quan trọng. Tuy nhiên, thật phẩm mà thầy đề nghị chúng ta dùng (gạo lứt và rau quả) không phải là đã đủ.” Rốt lại thì, mỗi người phải tự tìm cho mình một chế độ ăn uống thích hợp nhất sau khi đã cân nhắc mọi khía cạnh khác nhau

Vào mỗi ngày Chủ nhật, có một lớp thư pháp bắt đầu lúc 10 giờ tại thiền đường của Setsudō. Trước tiên là ba thời khóa tọa thiền, mỗi thời 45 phút kế tiếp nhau. Là học viên mới, tôi không quen ngồi một mạch hơn hai tiếng đồng hồ. Chân mỗi nhừ, đầu óc choáng váng. Thay vì được an tĩnh trong tâm, tôi chỉ thấy toàn sự bực bội – dường như không chịu đựng nổi. Sau thời tọa thiền, các học viên mới chúng tôi còn phải mài rất nhiều mực, rõ lại là thêm một chuyện bực mình hơn nữa.

Khi thực hành, Setsudō ngồi trong tư thế tọa thiền, lưng quay vào bệ thờ, và mỗi học viên cúi lạy thầy trước khi nâng bút lông lên, y hệt như khi tham vấn một thiền sư. *Vô tự bóng*,¹ một nét thẳng đơn độc, luôn luôn được tập viết trước tiên. Nơi lớp học của Setsudō, đó là vẽ một đường chéo từ dưới góc bên trái kéo lên phía trên góc phải tờ giấy. Rồi sau đó mới có thể sao chép các thiền ngữ gồm ba từ theo dạng thư pháp chữ thảo của các bậc thầy tiền bối. Dường như Setsudō theo thủ pháp của sư phụ mình là Chodō Jakushun, một tăng sĩ tông Thiên thai.

¹ Mujibō : 無字棒 vô tự bóng

Setsudō dạy chúng tôi rằng, theo Hoàng Pháp Đại Sư,¹ khi một ngọn bút vung lên, nó phải được hoàn toàn xuất phát từ *hỗn độn khai cơ*.² Hỗn độn là trạng thái trước khi đất trời chưa phân, trước đó có một sự phân cách giữa *vật* và *thể*. *Hỗn độn khai cơ* là nơi mà mọi vật lưu xuất, là nơi của mặt mũi mình trước khi cha mẹ sinh ra. *Vô vị chân nhân* trú nơi đây. Nét bút xuất phát và trở về trong *hỗn độn khai cơ*; nét bút đi từ *không* và cái *không* ấy được tụ thành một cách vô thức trong nét bút. Khi dòng chữ tuôn trào từ *hỗn độn khai cơ*, thì ảnh hưởng của nó rất diệu kỳ – Gochiku gọi phẩm tính đó là *năng lực ỹnh hằng*³ vì nó có thể được cảm nhận ngay cả trong một mẫu thư pháp cách đây hàng trăm năm.

Nhấc ngọn bút lên trong thế giới của *vô*, chúng ta được chỉ dẫn vẽ một vòng tròn nhẹ nhàng trong không trung trước khi hạ bút xuống, *dịu dàng như sương rơi*, trên trang giấy. Để có kết quả tốt nhất, vị sư dạy chúng tôi phải kéo ngọn bút qua trang giấy như thể có một tảng đá nặng được buộc vào đó bằng một sợi dây. Tóm lại, toàn bộ tiến trình, được diễn tả là *viết một cách có chủ tâm mà không tác ý*.

¹ Hoàng Pháp đại sư 弘法大師 (tiếng Nhật: Kōbō Daishi) 774 – 835; còn được gọi là Không Hải 空海; tiếng Nhật: Kūkai. Cao tăng Nhật Bản, người sáng lập Chân ngôn tông (tiếng Nhật: shingon) – dạng Mật tông tại Nhật. Sư tu học Mật tông tại Trung Quốc và về Nhật mở đạo trường tại núi Cao Dã (tiếng Nhật: kya), về sau trở thành trung tâm của Chân ngôn tông.

² Pristine existence (tiếng Nhật: konton kaiki)

³ 遠勢 viên thế; tiếng Nhật: ensei; tiếng Anh: eternal energy

Ở Viễn Đông, thư pháp chưa từng được đánh giá cao chỉ dựa vào vẻ đẹp có tính kỹ thuật hoặc như một tác phẩm nghệ thuật. Không một nhà thư pháp lừng danh nào ở Trung Hoa, Cao Ly, Nhật Bản là thuần túy chuyên nghiệp – họ đều là các triết gia, tăng sĩ, học giả, chính khách, thi sĩ, chiến sĩ .v.v... Vì sao vậy? Một người quan tâm trước hết đến việc tạo ra một tác phẩm giá trị để kiếm tiền hoặc để được nổi danh thì không thể đặt hết tâm ý của mình vào đấy; nên đương nhiên, nó thiếu sức sống. Tác phẩm của một nghệ sĩ thiền, trái lại, thấm đẫm tinh thần mà Bạch Ẩn Huệ Hạc¹ gọi là: *trần ngập năng lực từ cái nhìn giác ngộ*. Năng lực đó là *khí hợp* (kiai). *Khí* là năng lực của vũ trụ, luôn luôn hiện hữu nhưng vẫn ngủ yên nếu không được tu dưỡng. *Khí hợp* là trở nên sung mãn năng lực vũ trụ này; nó được hợp nhất vào trong nét mực, gọi là *mặc khí*.²

Setsudō nói về điều này như sau

“Mặc khí không phải như một số người tưởng là màu sắc của mực, nó chẳng tùy thuộc vào chất lượng của bút, mực và giấy. Nếu *khí* của người viết không trải rộng đến tác phẩm, thì *mặc khí* tiêu ma”. Sự lưu hiện rõ ràng của *mặc khí* biểu thị năng lực nội chứng. Mặc khí không chỉ thấy bằng mắt, mà còn được cảm nhận qua bụng,³ điểm trung tâm của thân và tâm trong cơ thể con người. *Mặc khí* biểu hiện sự giác ngộ trong nội tâm của nhà thư pháp.

Mặc khí không đồng nhất, mà cũng không phải không phụ thuộc vào nét bút – không thể chia chẻ ra hay

¹ 隱鶴; tiếng Nhật: hakuiin ekaku; 1686 – 1769; thiền sư Nhật Bản, một trong những thiền sư quan trọng nhất của tông Lâm Tế (tiếng Nhật: rinzai).

² bokki: mặc khí – khí trong mực

³ hara

sắp xếp lại trong cùng phạm trù. Khi một nhà thư pháp thiền trút hết tâm hồn của mình qua từng nét bút, thì mỗi nét đều trở thành xung lực đầy sức sống. Thiền là nghệ thuật của *hợp khí*.

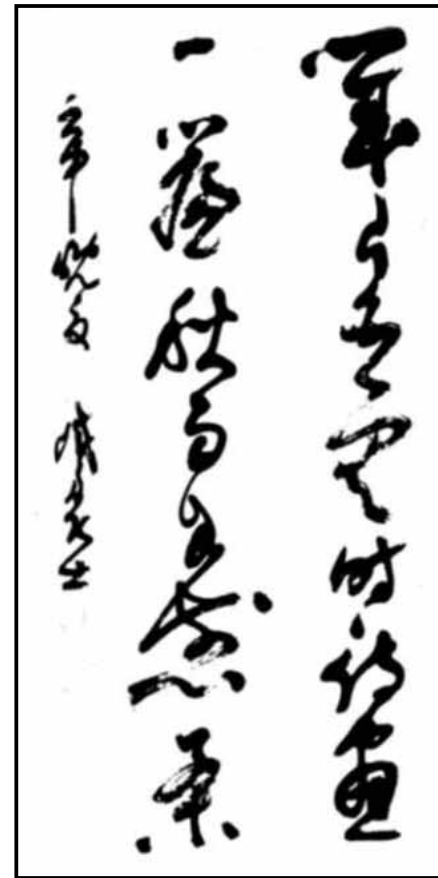
Thiền và nghệ thuật tương quan với nhau một cách mật thiết. Thiền, sự khước từ mọi giới hạn, được biểu tượng qua Đức Phật, tự tại trong mọi hạn cuộc. Nghệ thuật thiền là biểu hiện của Phật tâm.

MẶC KHÍ VÀ SỰ CHUYỂN BIẾN TRONG THƯ PHÁP

Hồi còn nhỏ, Tesshū¹ đã là môn sinh của Iwasa Ittei, thượng thủ thứ 51 của trường phái thư pháp Jubokudō. Tesshū nhận được ấn chứng từ thầy mình rất sớm, vào lúc 15 tuổi. Tesshū tiếp tục rèn luyện tận lực thêm nhiều năm sau. Nhưng phải đợi đến khi sự giác ngộ sâu thẳm đến với ông vào ngày 30 tháng 3 năm 1880, thì nghệ thuật thư pháp của ông mới thật sự chín mồi. Năm 45 tuổi, ý nghĩa sâu sắc nhiệm màu của thiền, kiếm đạo và nghệ thuật thư pháp trong ông đã trở nên bùng chiếu. Sau đó không lâu, Tesshū được nhận sự truyền thừa từ thiền sư Tekisui, rồi khai sáng phái kiếm đạo Vô Đao² và hoàn chỉnh nghệ thuật thư pháp của mình.

¹ Yamaoka Tesshū: 鐵舟 Sơn Cương Thiết Chu (1836–1888), thường ký bút hiệu Thiết Chu cư sĩ.

² 無刀流 Vô Đao lưu, tiếng Nhật: Mutō Ryū; tiếng Anh: No-sword



Hình 1

幾片白雲時待畫
一簾秋雨自煎茶
壬申晚復
鐵舟居士

*Kỹ phiến bạch vân
thời đãi họa*

*Nhất liêm thu vũ
tự tiên trà*

Nhâm thân văn hạ
Thiết Chu Cư sĩ

Ikuen no hakuun toki ni
ga o machi
ichi ren no shū mi zukara
cha o ni ru.
Jinshin banka Tesshū koji

*Mây trời dăm phiến
chờ tay vẽ*

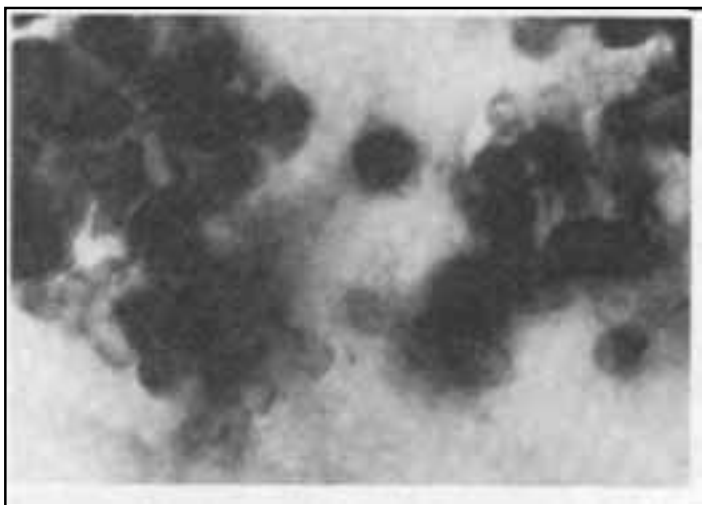
*Mưa thu giăng nhẹ,
tự pha trà.*

Do vì ngày giác ngộ của Tesshū được ghi nhận chính xác, người ta mới có thể thẩm định giá trị các tác phẩm thư pháp của ông cả trước và sau sự chứng nghiệm tâm linh ấy. Dùng một kính hiển vi điện tử để phóng lớn một nét chữ ký của ông gấp 50.000 lần, chúng ta có thể khảo

Ngệ thuật thư pháp thiên Nhật Bản

sát 5 bức thư pháp được viết trong từng quãng đời khác nhau của ông để thấy được sự chuyển biến rất tinh vi của các hạt mực li ti cực nhỏ (mặc khí – bokki).

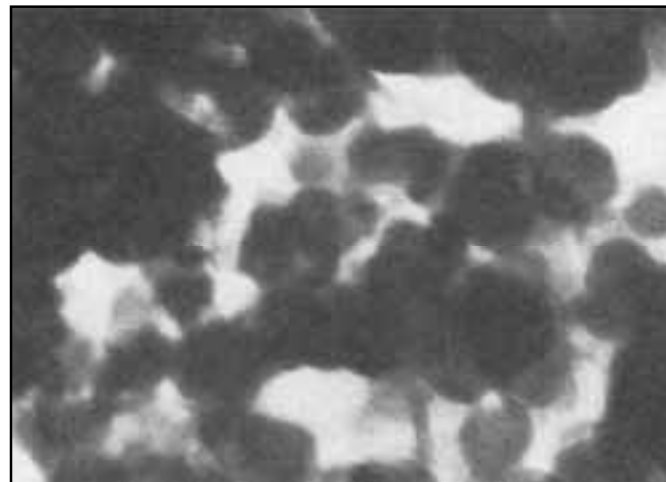
Thư pháp này (hình 1) được thực hiện năm 1872, khi Thiết Chu (Tesshū) 37 tuổi, kỹ thuật còn chưa chín muồi. Nét chữ bị gò bó và rời rạc. Ngay cả chữ ký cũng luộm thuộm, rõ ràng chẳng có chút gì kiên định. Như có thể thấy được qua ảnh phóng đại (Xem hình 2), những hạt mực trông rất lơ dờ và yếu ớt.



Hình 2

Những hạt mực khi phóng đại trông rất lơ dờ và yếu ớt...

MẶC KHÍ VÀ SỰ CHUYỂN BIẾN TRONG THƯ PHÁP



Hình 3

... ảnh phóng đại cho thấy một sự chuyển biến sâu sắc trong tâm người viết

Những bức thư pháp tiếp theo đây (hình 4 và hình 5) được thực hiện năm 1880, khi Thiết Chu triệt ngộ vào năm 45 tuổi. Tâm linh viên mãn, năng lực tràn đầy, nên mặc khí tràn đầy sức sống. Chữ ký Thiết Chu đầy vẻ tự tin. Ảnh phóng đại nét mực (Hình 3) cho biết một sự chuyển biến sâu sắc trong tâm người viết đã xảy ra – mặc khí rất kiên định, năng động và giàu sinh lực. Dòng chữ bên cạnh ghi:

明治庚辰秋日為

鐵舟居士書

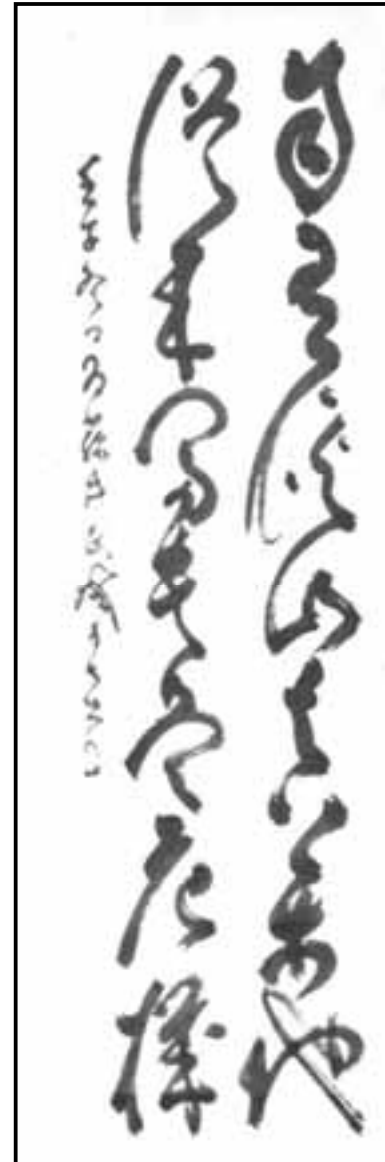
Minh Trị Canh Thìn thu nhật vị
Thiết Chu cư sĩ thư



Hình 4 虎 (Hổ)

Hình 5 龍 (Long)

Thư pháp tiếp theo (hình 6) được viết vào năm Thiết Chu 47 tuổi, nét chữ uyển chuyển như nước chảy tràn lên xống trên mặt giấy. Chữ ký Thiết Chu đặc biệt tinh tế và thanh thoát.



Hình 6

自有溪山真樂地
從來富貴是危機
壬午冬日為
松平君囑鐵舟居士書

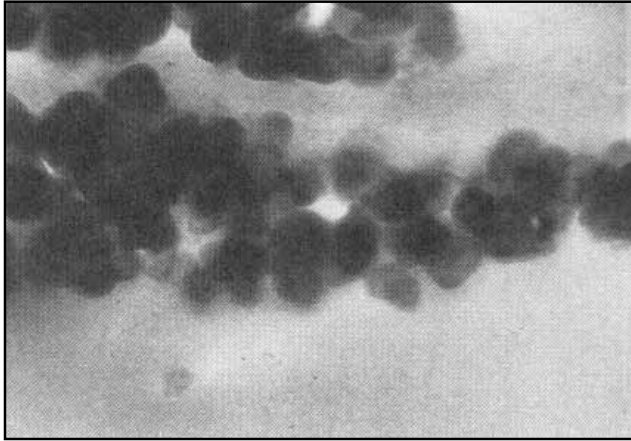
*Tự hữu khe sơn chân lạc địa,
Tùng lai phú quý thị nguy cơ.*

Nhâm ngọc đồng nhật vi
– Tùng bình quân chúc Thiết
Chu cư sĩ thư

*Khe trường chân thật
quê nhà,
Giàu sang muôn thưở
chỉ là gian nguy.*

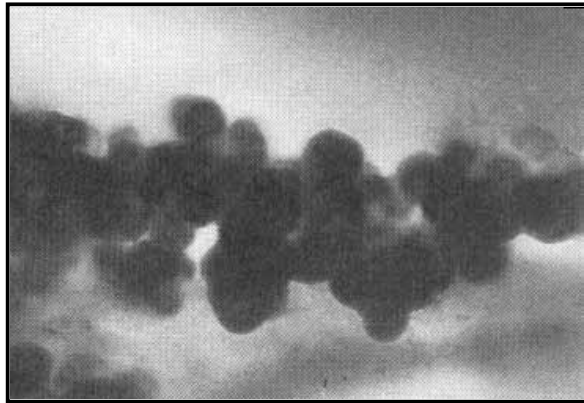
Onozukara keizan atte shin no
rakuchi jūrai fūki wa korekiki.
Jingo tōjitsu Fuji shi no tame ni
Tesshū koji kaku

Dòng chảy nhịp nhàng
của mực rất rõ ràng trong
sự lớn mạnh của mặc khí
(hình 7).



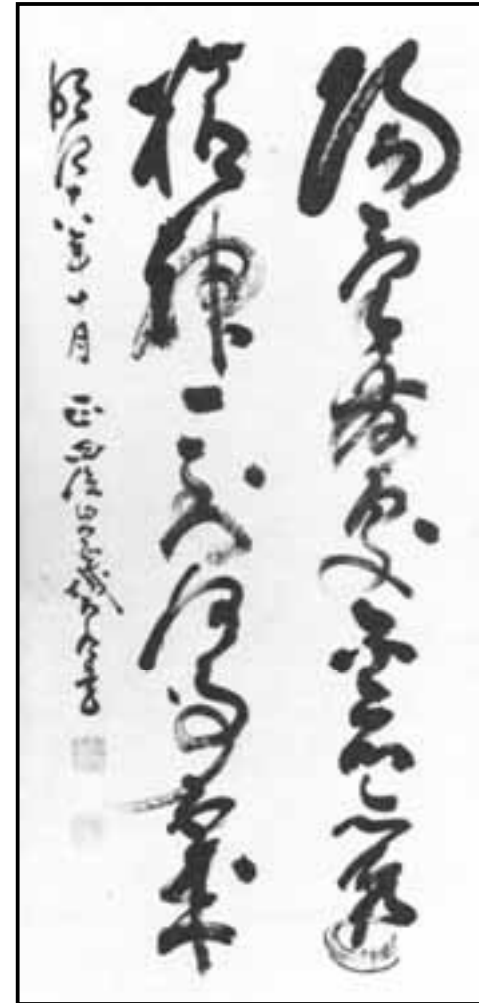
Hình 7

Dòng chảy nhịp nhàng của mực rất rõ ràng trong sự lớn mạnh của mực khi...



Hình 8

Nét mực đậm đặc được thấy qua ảnh phóng đại biểu hiện năng lực sinh động và sức sống...



Hình 9

陽氣發處
金石亦透
精神一到
何事不成
明治十六年十月
正四位山岡 鐵太郎書

*Dương khí phát xử
Kim thạch diệp thấu
Tinh thần nhất đáo
Hà sự bất thành*

Minh Trị thập lục
niên thập nguyệt
Chính tứ vị Sơn
Cương Thiết Thái
Lang thư

*Khi dương khí phát
ra, đá vàng cũng
xuyên suốt.
Khi tinh thần đã
hợp nhất cùng tự thể
Thì việc gì cũng
thành tựu.*

Yōki hassur u tokoro kinseki mo mata tori seishin ittō nanigoto
ka narazaran.

Meiji jūhachin en jūgatsu Shōshii Yamakoka Tetsutarō sho

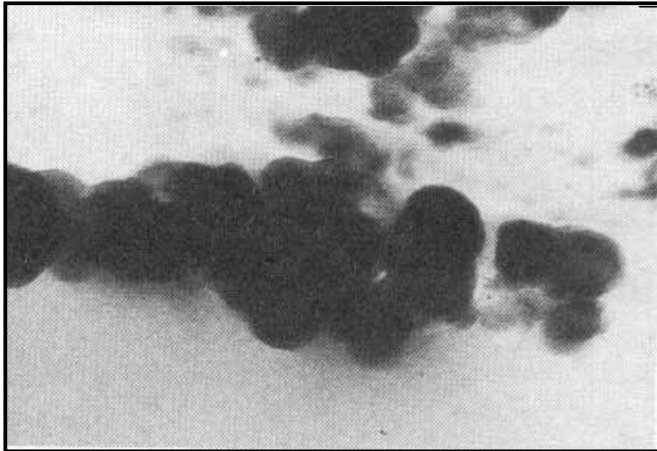
So sánh với mẫu trước, thư pháp này (hình 9) được

Nghệ thuật thư pháp thiền Nhật Bản

thực hiện vào năm Thiết Chu 50 tuổi (1885), mặc khi càng kiên định và sâu thẳm hơn.

Bình thản và trang nghiêm, nét chữ đạt được sự thu hút và soi sáng. Chữ thân, chữ thứ 2 trong dòng thứ nhì, tiêu biểu cho tự do không ngăn mé của nét bút.

Chữ ký Thiết Chu, nét thảo hơn bao giờ hết, nhưng vẫn tràn đầy sức mạnh. Nét mực đậm đặc được thấy qua ảnh phóng đại biểu hiện năng lực sinh động và sức sống (hình 8).



Hình 10

...một năm trước khi ông mất, mặc khi cực kỳ sống động...

MẶC KHÍ VÀ SỰ CHUYỂN BIẾN TRONG THƯ PHÁP



Hình 11

羯諦羯諦波羅羯諦
波羅僧羯諦菩提沙波訶
明治二十年十月鐵舟山岡 高步書

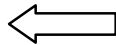
*Yét đế, yét đế, ba la yét đế, ba la
tăng yét đế, bồ đề, sa bà ha.*

Minh Trị nhị thập niên thập
nguyệt
Thiết Chu Sơn Cương Cao Bộ thư

Gyatei gyatei hara gyatei hara so
gyatei boji sowaka
*Meiji nijūnen jūgatsu Tesshū
Yamaoka Kōho sho*

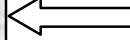
Thư pháp thể hiện thần chú trong Bát nhã Tâm kinh trên lụa, hoàn toàn tự tại đối với mọi câu thúc; như thể bút và mực đang “thượng võ” trên mặt giấy. Uyển chuyển và phóng khoáng, thư pháp diễn đạt tuệ giác (prajñā) từ Tâm kinh. Thiết Chu thực hiện thư pháp này khi 52 tuổi (1887), một năm trước khi ông mất. Mặc khi cực kỳ sống động (hình 10).

Sự chuyển biến trong chữ ký của Thiết Chu



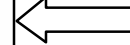
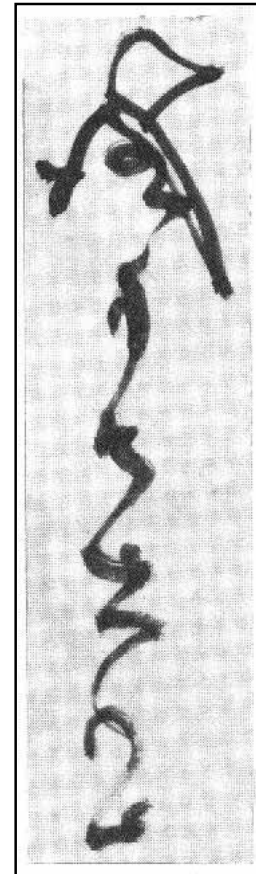
Năm 42 tuổi. Những nét này được ký trước khi ông chứng ngộ, rất đúng theo yêu cầu kỹ thuật, rất rõ ràng; nhưng nét chữ thì ếu sức sống và sự lôi cuốn.

Hình 12



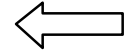
Năm 45 tuổi. Đây là chữ ký của Thiết Chu ngay sau khi chứng ngộ. Nét chữ sống động và đầy năng lực; có một sự tăng trưởng đáng kể về chiều sâu và sự an định từ tâm.

Hình 13



Năm 47 tuổi. Phong thái dần dần thanh thoát và tinh tế hơn, chữ ký có một nét trang trọng tự nhiên.

Hình 14



Năm 50 tuổi. Nét tinh tế vẫn còn, cùng với cảm quan hấp dẫn rất đậm sâu.

Hình 15



Năm 52 tuổi.

Nét chữ uyển chuyển chảy tràn như nước, thanh thoát và tự chủ, một chữ ký tuyệt đẹp.

Hình 16



Năm 53 tuổi.

Chữ ký trước khi qua đời. Như thể được tự tạo bởi một năng lực vượt qua sức người, việc này rất gần với sự tạo tác của một vị thần (kami).

Hình 17

Thật hay giả

Các tác phẩm của các nghệ sĩ thiền danh tiếng luôn luôn có giá trị và việc giả mạo là đương nhiên. Rất nhiều sự mô phỏng được bắt chước một cách tinh vi, phải cần con mắt tinh đời mới biết được sự giả mạo.



Hình 18: Thật

Hình 19: Giả

Nghệ thuật thư pháp thiền Nhật Bản

Hình 18 là một bức tranh thật của Thiết Chu và hình 19 là một bản sao chép. Bức tranh có nội dung về chiếc thuyền Thất thánh tài (Shichifukijin) có ghi dòng chữ:

世を王たる道へととへ者と尔かこる
よく能財せを行と古たへる
鐵舟高歩書

Yo o wataru michi to toeba tonikaku ni
yoku no asase o yuku to kotaeru

Tesshū Kōho sho

Nếu ai hỏi bằng cách nào để vượt qua thế giới phiền toái này, nên bảo với họ rằng: hãy đi xuyên qua những chỗ nông cạn của đăm mê.

Nét bút trong bức tranh thật thì tinh tảo, đều đặn và mạnh mẽ; còn trong tranh giả thì luẩn quẩn và thiếu khí hợp (kiai). Chữ ký, hình dáng chiếc thuyền, và gợn nước trong bức tranh giả thì sắc cạnh hơn. So sánh từ ảnh phóng đại, ta thấy nét mực trong tranh thật thì mềm mại và sống động trong khi ở tranh giả thì quăn queo và phân tán (hình 20 và 21).

MẶC KHÍ VÀ SỰ CHUYỂN BIẾN TRONG THƯ PHÁP



Hình 20: Mặc khí tranh giả



Hình 21: Mặc khí tranh thật



Hình 22: Giả Hình 23: Thật

Trong hai bức thư pháp này (hình 22 và 23), thật khó mà xác định được đâu là nét bút thật của Thiết Chu.

處士風流水石間
鐵舟居士書

Xử sĩ phong lưu
thủy thạch gian
Thiết Chu cư sĩ thư

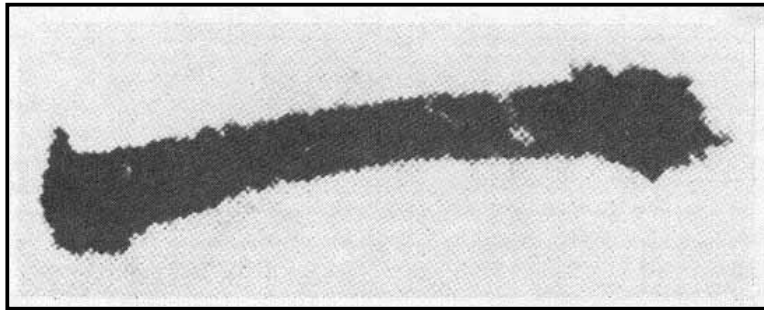
Shoshi no fūryū wa suiseki no
kan ari.
Tesshū koji sho

*Kẻ sĩ sống ở đời, thông dong
như nước chảy qua đá.*

CHỮ NHẤT

"Thư pháp là tâm họa". Ý này xuất phát từ một ngôn ngữ của người Trung Hoa thời xưa; yếu tính của thư pháp chỉ nằm trong một nét chữ nhất (一).¹

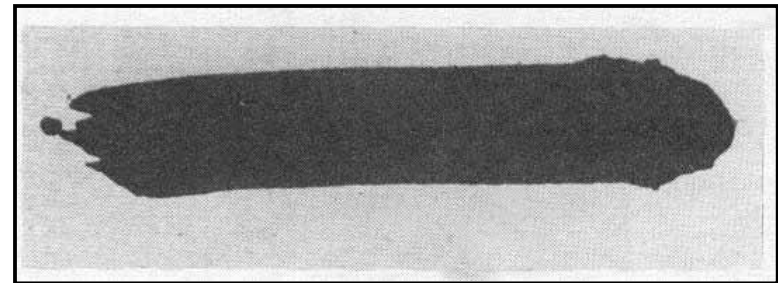
Dưới đây là những chữ nhất của 5 gương mặt kiệt xuất trong Phật giáo Nhật Bản thấm đượm phong cách thiền. Sự khác nhau giữa các tác giả được biểu lộ rõ trong chữ nhất của họ.



Hình 24: Tông Phong Diệu Siêu (Shūho Myōchō)

Nét bút trong chữ nhất này sắc sảo với khí hợp, xuất hiện như muốn xuyên thủng trang giấy. Nét mực trong kiểu chữ một nét mạnh mẽ tràn ngập khí lực, rất bình thản và trang trọng.

¹ Ichi



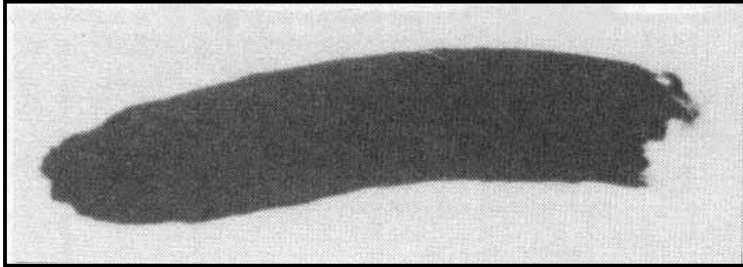
Hình 25: Nhất Hữu Tông Thuần (Ikkyū)

Khó có thể tìm thấy một thư pháp chữ nhất nào trong sáng như chữ này. Không có một dấu vết tù hãm hay hơi hợ; nét chữ mạnh mẽ và trong sáng. Sáng sủa và rõ ràng, đây thật sự là một chữ nhất tràn đầy sinh lực.



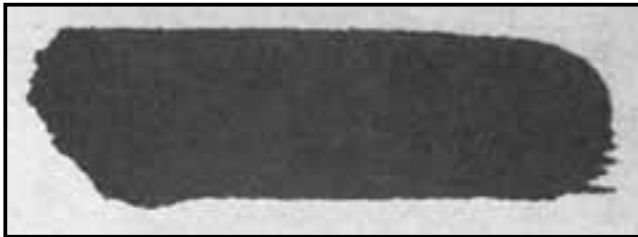
Hình 26: Bạch Ẩn

Nét chữ nhất lớn mạnh, không gò ép trong toàn thể cấu trúc của thư pháp, cùng sức mạnh phóng xuất từ nét mực khiến ta có thể cảm nhận được. Mặc dù hình dáng gồ ghề, nhưng nó rất tự nhiên, thấm đẫm chất an tĩnh.



Hình 27: Từ Vân Ấm Quang

Tác phẩm của Ấm Quang có thể mô tả là "nghệ thuật phi nghệ thuật". Nét bút đã vận dụng bằng một sự tự tin tối thượng, nét mực thấm sâu vào trong trang giấy. Chữ nhất này rõ ràng là được thể hiện bởi một tâm hồn thanh cao tràn đầy kinh nghiệm sống, nên phóng xuất ra một nét tài hoa nhẹ nhàng.



Hình 28: Thiết Chu

Đây là minh họa cho câu nói: "Để cho một tác phẩm thật sự sống động thì mỗi một trong ngàn sợi lông của ngọn bút phải thấm tràn năng lực". Nét chữ mạnh mẽ khác thường và cũng chứa đầy sự ấm áp và tình thương

Chương 2

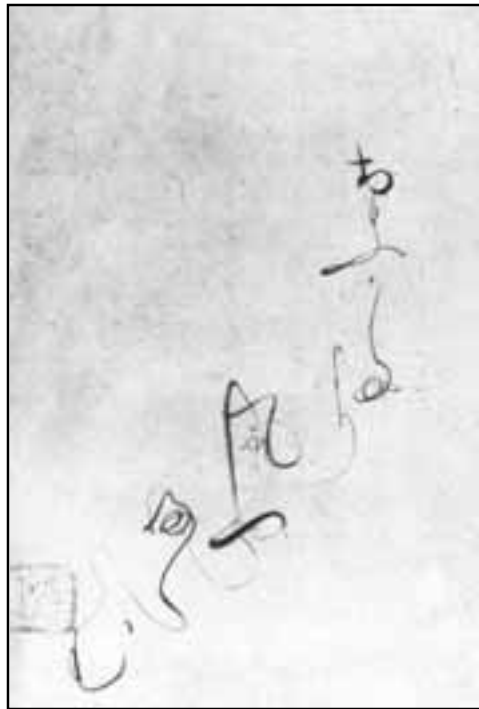
MINH HỌA

NHỮNG MẪU THƯ PHÁP THIỀN

Thư pháp thiền không phụ thuộc vào số nét hay số chữ; ngay cả chỉ một nét cũng có thể chứa đầy ý nghĩa và có một lực tác động rất mạnh đến người thưởng ngoạn. Những mẫu trình bày ở đây gồm nhiều thành phần nhưng vẫn phản ánh hoạt dụng sống động tư tưởng thiền.

1. Nhất Hưư Tông Thuấn (Ikkyū Sōjun)

1480, 30,5 x 50,8cm, Tokyo; bộ sưu tập tư nhân



おもふ可多
ら 婦 風 より
む く や り

Omou ka
tayori
kaze ya
fuku ramu

Có hình bóng tôi
trong tim em?
Đường như gió
mang tình yêu đến.

Nét bút trong

thư pháp này tinh tế khác thường; nét chữ mảnh nhưng tràn đầy khí lực, sôi nổi nhảy nhót xuyên qua trang giấy. Mặc dù các thiền sư chuyên viết thư pháp bằng chữ Hán, nhưng tác phẩm này là một mẫu tuyệt mỹ độc đáo vô song bằng mẫu tự Nhật¹ uyển chuyển, vô ngại, bay bổng, trang nhã và thướt tha.

2. Cung Bản Nhĩ Tàng (Miyamoto Musashi)

1640, kích thước không rõ, bản gốc bị thiêu hủy trong Thế chiến thứ 2



直指人心
武蔵書

Trực chỉ
nhân tâm

Vũ Tàng thư
Jikishi
ninshin
Musashi sho

Nội dung của thư pháp là dòng thứ 3 trong bài kệ sau đây của Bồ-đề Đạt-ma:

Bất lập văn tự

Giáo ngoại biệt truyền

Trực chỉ nhân tâm

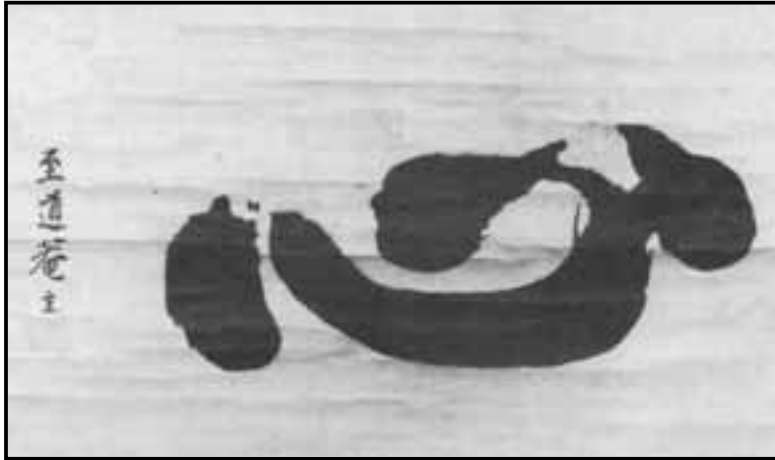
Kiến tánh thành Phật.

Mặc dù tình trạng ố vàng của giấy, 4 chữ *Trực chỉ nhân tâm* của Musashi vẫn mạnh và sắc. Chữ ký cũng thẳng thắn và mạnh mẽ khác thường.

¹ kana

3. Chí Đạo Vô Nan (Shi dō Munan)

1670, 34.5 x 53cm, Viện Bảo tàng Kongōin



Một chữ tâm (心) mạnh mẽ, uy nghi; hiển hiện trong sáng và rục rỡ. Chúng ta nên duy trì cái tâm diệu kỳ như thế trong đời sống hằng ngày.

Dòng chữ bên cạnh ghi:

至道庵主

Chí đạo am chủ

Kokoro Shi dō Anju

4. Bàn Khuê Vĩnh Trác (Banki Eitaku),

1690, 89 x 42cm,

Viện Bảo tàng

Kongin

通身眼

盤珪叟書

Thông thân nhãn

Bàn Khuê tẩu thư

Tsu shin gen

Banki ō sho



Pháp thân nhận ra được những gì mắt thường không thể thấy, và nghe được những gì tai không thể nghe – đó là cái thấy chân thật. Thể hiện một cách uyển chuyển và rất sôi nổi, ba chữ này không thể cho là được viết nhuần nhuyễn nhờ kỹ thuật. Tuy nhiên, cảm nhận bao quát là một thể hài hoà thống nhất.

5. Bạch Ẩn Huệ Hạc (Hakuin Ekaku)



1760, 81,5 x 31cm, Esei
Bun ko



Hāmman

Chủng tự Tất-đàn viết cho
Fudō Myōō.¹

Mặc dù dạng thư pháp này nhiều người không đọc được, nhưng vẫn không giảm đi hấp lực của nó. (Thật vậy, nếu đọc được là một yếu tố, thì sự thưởng ngoạn thư pháp thiền sẽ vô cùng hạn chế). Điều thu hút người xem là nét chữ đẹp, trong sáng và mạnh mẽ, chứa đựng toàn bộ bản chất của thư pháp.

NHẤT CÚ CỦA CÁC THIÊN SƯ

¹ Về giải thích chi tiết thư pháp chữ Tất-đàn (Siddham), xin xem Sacred Calligraphy of the East (Shambhala).



Vào thời đại Murata, thế kỷ thứ 15, người ta cho rằng trưng bày các tuyệt phẩm hội họa trong một buổi trà đạo cũng có ý nghĩa tương đương thư pháp của thiên sư; trong thời đại Edo (1603-1867), nhất cú (ichigyō mono) đặc biệt trở nên thông dụng.

Thay vì dùng nhiều từ như trong bài kệ (gō) hay pháp ngữ (hōgo), nhất cú chỉ cần vài chữ để diễn đạt ý nghĩa sâu mầu. Hợp lý khi cho rằng nhất cú là toàn thể, nó như là một bức tranh hơn là một cụm chữ đơn thuần.

1. Nhất Hư Tông Thuấn (Ikkyū Sōjun)

1480, 125 x 32cm, Eisei Bun ko



諸惡莫作
眾善奉行

Chư ác mạc tác
Chúng thiện phụng hành

Sho aku maku sashu zen bu gyō

Không làm các điều ác
Siêng làm các việc lành

Bức thư pháp này chẳng kém gì so với bức thư pháp gồm cặp câu đối được trưng bày và lưu giữ tại chùa Shinjuan, chi nhánh của Daitokuji. Từ sự sắp xếp chữ đầu

tiên *chư* 諸, cho đến chữ *thiện* 善 nhỏ hơn được xếp vào dòng cuối, vẫn có một cảm giác chắc chắn về tính vững chãi, gần như dữ dội và tràn đầy sinh khí trong nét mực.

Đó là hai câu đầu trong bài kệ của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.¹ Hai câu cuối là:

自淨其意
是諸佛教

Tự tịnh kỳ ý
Thị chư Phật giáo.

Tự thanh tịnh tâm ý

Đó là lời chư Phật dạy.

Một cách nghịch lý, mọi việc đều không thể thành tựu nếu người ta còn dính mắc vào ý niệm thiện và ác.

Thư pháp của Nhất Hư Tông Thuần thể hiện hoạt dụng tự tại của cảnh giới vô niệm.

¹ Theo *Tỉ-khưu giới kinh*, đó là bài kệ của Đức Phật Ca-diếp.

2. Phong Ngoại Huệ Huân

(Fūgai Ekun)

1645, 85 x 30cm, Eisei Bun ko

回惠東園一顆桃

風外書

Hồi huệ đông viên

nhất khoả đào

Phong Ngoại thư

Tōen o kai kei sū ni

ikka no momo

Fūgai sho

Trở bước qua vườn đông

Một trái đào vừa chín

Vững chãi nhưng ôn hoà, kết cấu tinh tế mà tràn đầy năng lực tinh thần, đây là thư pháp một nhất cú mạnh mẽ. Với phạm vi rộng lớn, dòng chữ tuôn chảy trong dòng thiền sinh động. Dòng chữ này hơi thiếu cân đối một chút, nhưng quân bình nhờ chữ ký được thêm vào phía dưới bên trái. Chúng ta có thể hiểu câu trên theo nghĩa: mặc dù có nhiều phaps môn công phu tu tập khác nhau, nhưng chỉ có một Phật tánh.

Thư pháp, cũng vậy, bất luận dài ngắn hay nội dung ra sao, cũng chỉ là biểu hiện của Phật tánh.





3. Bạch Ẩn Huệ Hạc (Hakuin Ekaku)
1775, 126,4 x 28,2cm, Eisei Bun ko

一鑿破三關

Nhất thốc phá tam quan

Một mũi tên hạ ba ải

Ichi zo ku ha sankan

Đây là một mẫu thư pháp dạng khối tuyệt đẹp của Bạch Ẩn; nét chữ cấu trúc mạnh mẽ bằng nét bút đậm mực. Chữ phá và chữ tam trong sáng và đầy năng lực khác thường

Bức thư pháp này đích thật là một trong những tuyệt tác của Bạch Ẩn. Câu này xuất phát từ tác thứ 56 trong Bích nham lục (Hekiganroku), như thể rất hiện thật trong chính từng nét chữ – tánh giác thuần chân có thể phá tan mọi chướng ngại.

4. Ẩn Sơn Duy Điển

1810, 127 x 27cm, Eisei Bun ko

雨過山色多

Vũ quá sơn sắc đa

Mưa tạnh, núi xanh hơn

Ame sugi te sanshoku oshi

Mặc dù các chữ không đi liền với nhau, nhưng không thể cho rằng không có sự gắn bó. Nét bút trong sáng như thể câu thơ được miêu tả một cách sinh động bằng nét chữ.

Không có tính cách nghiệp dư nơi đây, chỉ thuần túy tính tao nhã hiển hiện. Thư pháp này biểu hiện phong thái nhiệt tình và thanh thoát của Ẩn Sơn.





5. Tiên Nhai Nghĩa Phạm (Sengai Gibon)

1830, 86,5 x 23cm, Eisa Bunko

眾生心中諸佛應現

Chúng sinh tâm trung chư Phật ứng hiện.

Chư Phật ứng hiện ngay trong tâm mỗi chúng sinh.

Shujo schinchu shobutsu masa ni genzu beshi.

Một nhất cú sinh động của thiền sư vô ngại Tiên Nhai. Nét chữ như xuất hiện tự nhiên trên trang giấy không cần nỗ lực của ý thức, nhưng chúng không hề rối rắm và luộm thuộm. "Tất cả chúng sinh đều thành Phật" biểu hiện quan niệm của Tiên Nhai trong việc giải thoát cho mọi hữu tình.

NHẤT CÚ CỦA CÁC VÕ SĨ

Tất nhiên tinh thần thiền được tiếp cận dễ dàng nhất qua chư tăng ni, nhưng sự sáng tạo nghệ thuật thiền không chỉ giới hạn trong giới tăng sĩ.

Trong bất kỳ trận chiến nào, các chiến sĩ đều đối diện trực tiếp với sinh tử; thế nên ai đã làm sáng tỏ "đại sự" trong đời thì người ấy thật là một bậc thầy của Võ đạo (būdō), của phương pháp quân sự.

Tính năng động, thẳng thắn, liên quan đến vấn đề tồn tại hay không tồn tại được phản ánh rất rõ trong thư pháp của các võ sĩ.

Mặc dù một vài võ sĩ có thư pháp được giới thiệu ở đây rất nghiêm túc trong công phu tọa thiền – như Thuyên Bản Chánh Tam,¹ đã trở thành thiền sư vào những năm cuối đời mình – nhưng sự rèn luyện cốt yếu của họ là Võ đạo.

Vậy thì, thư pháp của võ sĩ và của thiền sư khác nhau như thế nào?

¹ 鈴木正三 (Suzuki Shōsan)

1. Thuyên Bản Chánh Tam (Su zuki Shōsan)
1650, 46,4 x 12,2cm, Eisei Bunko



南無大強精進勇猛佛

Nam mô đại cường tinh tấn dũng mãnh Phật

Namu taigō shōjin yūmyō butsu
Shōsan (kao)

Dù Thuyên Bản Chánh Tam có gọi pháp tu tập của mình là Ni Zen (Nhân vương thiền hay Hộ pháp thiền), nghĩa là noi theo các vị Hộ pháp thường bảo hộ chốn già lam, nhưng mẫu thư pháp này xuất phát từ tâm nỗ lực không ngừng trong việc cứu độ chúng sinh của Bồ-tát Quán Thế Âm.

Nét chữ đều đặn, mềm mại trong phong thái rất nghiêm trang, mặc khí an tịnh sâu thẳm, không gượng ép và rất phóng khoáng. "Mọi việc đang nỗ lực phải được thực hiện bằng một tinh thần chín chắn và không gò bó" là châm ngôn của Thuyên Bản Chánh Tam.

Bất kỳ ai xem thư pháp này rồi dường như đều cảm thấy dâng tràn một ý định làm mới lại mình.

2. Bình Sơn Tử Long (Hiroyama Shiryū)
1820, 131 x 57,5cm, Viện Bảo tàng Tesshū Kai

怒 龍 運 籌 眞 人

Nộ oa

Vận Trù Chân Nhân
(Một tên gọi khác của Bình Sơn Tử Long)

Con ếch nổi giận

Do-a

Unchū Shinjin

"Do-a" là âm thanh phát ra từ một con ếch nổi giận. Thuở xưa, có vị vua nước Trung Hoa thống lĩnh quân lính tham dự một cuộc chiến ác liệt, ông ta gặp phải một con ếch nhỏ xíu đang phồng lớn thân hình, sẵn sàng chống lại đội quân hùng hậu xâm phạm vào lãnh thổ của mình. Sững sốt trước tinh thần bất khuất của con ếch, vị vua động viên binh lính hãy thể hiện tinh thần dũng mãnh tương tự như thế trong khi chiến đấu với quân thù.



Bình Sơn Tử Long ném hết sức bình sinh của mình vào hai chữ này. Tương truyền mỗi khi Tử Long vung ngọn bút lên, mực bắn tung toé khắp trần nhà; khi viết thư pháp tuyệt phẩm này, chắc hẳn căn phòng phủ đầy mực. Đúng là khí hợp (kiai) chảy tràn từ ngọn bút ra trang giấy. Không như các thiền sư, Tử Long không bao giờ ám chỉ đến "thiền" hay "giải thoát" trong thư pháp của mình, nhưng tác phẩm của ông không hề thiếu tinh thần thiền.

3. Sơn Cương Thiết Chu (Yaomaka Tesshū)

1890, 110 x 38,5cm, Viện Bảo tàng Tessh Kai



自然風月情無盡

鐵舟居士書舟

Tự nhiên phong nguyệt tình vô tận
Thiết Chu cư sĩ thư

Đất trời gió mát trăng thanh
Thong dong vô hạn thoải tình quê xưa.
Jinen fūgetsu jō mujin
Tesshū koji sho

Ý câu thơ này được thể hiện rõ trong từng nét chữ. Đối với Thiết Chu, thư pháp không phải chỉ là biểu hiện của "vô niệm"; mà còn là một phương tiện thiện xảo để giúp chúng sinh giải trừ đau khổ. Do vậy, thư pháp của Thiết Chu cởi mở và rất nồng nhiệt.



4. Thắng Hải Chu (Katsu Kaishū)

1890, 110 x 38,5, Viện Bảo tàng Tessh Kai

心遠忘事理

海舟

Tâm viễn vong sự lý

Hải Chu

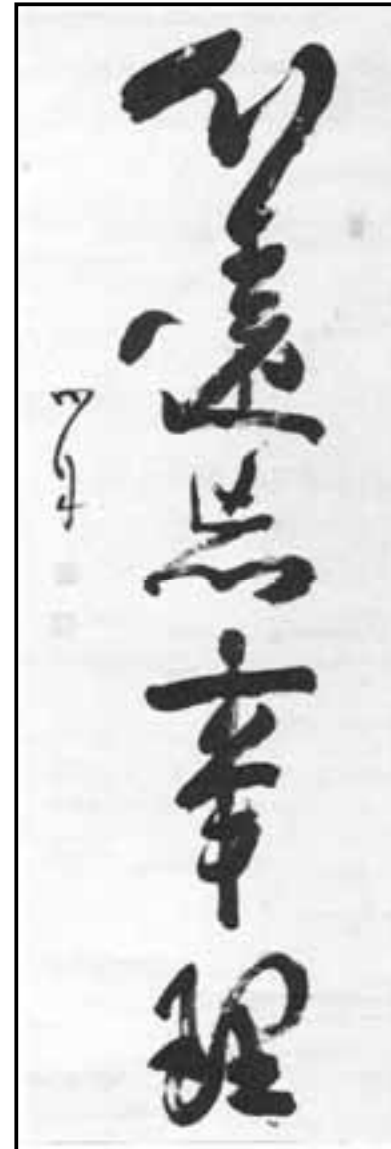
Kokoro tōku jiri o bōsu

Kaishū

Vọng tâm không còn

Sự lý tiêu vong

Đây là một tác phẩm gồm những chữ mạnh mẽ, thẳng thắn. Chữ thứ 3 (vong - 忘), có vẻ không thanh thoát, nhưng những chữ tiếp theo lại thể hiện nét tinh tế riêng trong thư pháp của Kaishū. Sự tỉnh táo, an nhiên, và vững chãi là bằng chứng cho những nét chữ bay bướm. Kết cấu hơi thô ráp của mực có lẽ do giấy xấu. Như ý trong câu thơ, một khi sự phân biệt giữa "cái này" và "cái kia" được giải trừ, thì tự do chân thật sẽ hiển bày.





5. Cao Kiểu Né Chu (Takahashi Deishū)

1900, 134 x 63,7cm,
bộ sưu tập tư nhân

武士道
泥舟老人書

Võ sĩ đạo
Né Chu
lão nhân thư

Bushidō
Deishū rōjin sho

Tự thư pháp này biểu hiện những tính chất của Võ sĩ đạo – đó là trầm tĩnh, mạnh mẽ, dứt khoát và chân thành. Mặc khí rất trong sáng. Deishū học thư pháp chữ thảo với một vị tăng kỳ đặc người Trung Hoa tên Kaisu trong nhiều năm, cũng như học nghệ thuật sử dụng giáo (spear); ảnh hưởng của hai môn học đều có thể thấy rõ trong nét bút lông. Chữ ký

tuyệt đẹp – hết thảy đều là một tác phẩm toàn mỹ.

NHỮNG PHÁP KHÍ TRONG THIỀN TÔNG



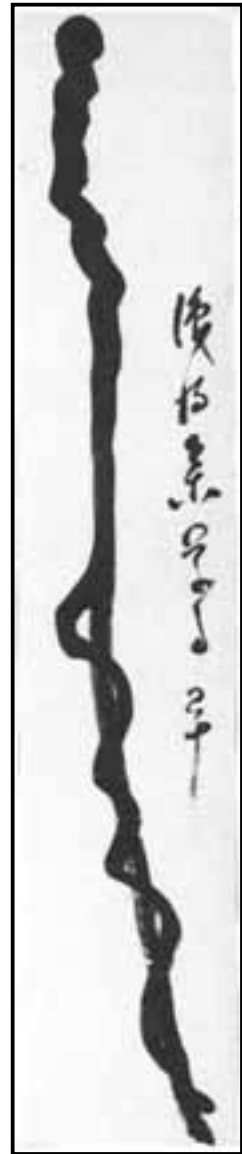
Trụ trượng, gậy trúc, trúc bẻ là những pháp khí dùng để dạy người một cách nghiêm túc. Nó biểu tượng cho công phu tu tập nghiêm mật và hoạt dụng không ngừng ngại. Khi thể hiện trên trang giấy, nhiều yếu tố được kết hợp chặt chẽ trong một nét dài, và trong đó, ta có thể nhận ra được năng lực thấu thoát tâm linh lớn lao của người nghệ sĩ.

1. Bạch Ẩn Huệ Hạc (Hakuin Ekaku)
1760, 128,8 x 29,1cm, Eisei Bunko

此王路
恐ろしく
人極樂江
Kono waro
osoruru hito wa gokuraku e

Người nào biết sợ cây gậy thần này thì người ấy đang ở trên đường đến niết-bàn.

Đây là cây gậy thần hiếm có với năng lực mạnh vô cùng. Người ta tin rằng thần linh dùng cây gậy sắt này để trừng phạt những người ác trong các địa ngục. Khi còn thơ ấu, Bạch Ẩn rất sợ khi nghe giảng kinh về cảnh giới đau khổ ở địa ngục nên đã hiến đời mình trong việc tu tập. Cây gậy sắt thật là đáng sợ, nhưng nó thúc đẩy ta trên con đường tạo thiện nghiệp.



2. Toai Ōng Nguyễn n Lư (Suiō Genro)
1780, 132 x 26,5cm, Eisei Bunko

識得參學事畢

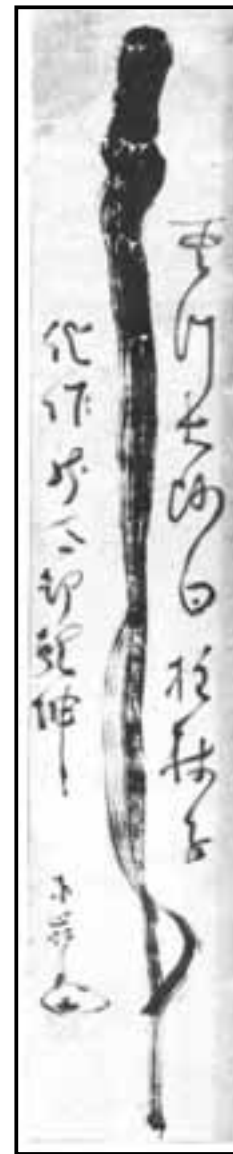
Thức đắc tham học sự tất.

Shikitoku sureba sangaku no koro owaru

*Khi thông đạt sự lý rồi,
Tham thiền học đạo cho trời chẳng màng.*

Nếu nắm được cây gậy đi đường đơn giản này, thì ngay tức khắc, người học thiền xem như xong việc.

Mặc kệ ở đây phản ánh sự liễu ngộ sâu thẳm và trong sáng ấy.



3. Đông Lãnh Việ n Tử (Tōrei Enji)
1790, 126 x 23,5cm, Eisei Bunko

雲門大師曰拄杖子
化作龍吞却乾坤

東嶺

Vân môn đại sư viết trụ trượng tử
hoá tác long thôn nuốt càn khôn.
Đông Lãnh

*Đại sư Vân Môn nói:
Cây trụ trượng biến thành rồng,
nuốt trọn cả trời đất.*

Ummon taishi iwaku
shujōsu kashite ryū to nari kenkon donkyaku su.
Tōrei (kao)

Câu này được trích từ tác thứ 60 trong Bích nham lục (Hekigankoru). Một cây gậy vô tri hoá thành một chúng sinh giác ngộ, tự mình chứa trọn cả sơn hà đại địa. Tác phẩm này dịu dàng hơn các thư pháp thông thường của Tōrei, và nét tỉ mỉ của ông càng hiển nhiên hơn.



4 Từ Vân Âm Quang (Jūn Onkō)

明頭來也明頭打

Minh đầu lai dã minh đầu đả

Sáng đến, đánh theo sáng

Myōtō rai yamyōtō da

Đây là cây gậy của Phổ Hoá (Fuke), một vị tăng nổi tiếng kỳ đặc đời Đường. Sư thường lặng lẽ đến gần bên các thị dân rồi làm họ giật mình bởi lời nói bí ẩn này:

Sáng đến ta đánh

Tối đến ta cũng đẹp

*Bốn phương tám hướng đến ta đánh
tả tả như gió lốc.*

Hư không đến ta cũng đánh luôn

Cây gậy này có nghĩa là sự đột nhiên; nó được viết xuống giấy bằng một nét bút kiên định và dứt khoát như sấm chớp.

Bất luận nói như thế nào, hoặc ta có đến từ cõi giới nào đi nữa, thì một trận mưa đòn sẽ ngăn chúng ta an nghỉ ở một nơi quá đầy đủ tiện nghi.



5 Tượng Bào Văn Nhã (Zōhō Bung a)

1840, 132,5 x 29,2cm, sưu tập của Belinda Sweet

拈出山形主丈子

打開十二玉芙蓉
象貌書

Niêm xuất sơn hình chủ trượng tử
Đã khai thập nhị ngọc phù dung.

Tượng Bào thư

Nhật cây gậy ở núi về

Đập ra nở rộ đoá sen sáng ngời.

Nenshutsu su sangyo no shujōsu dakai su
jūni gyoku fuyō.

Zōhō sho

Ở đây, cây gậy là biểu tượng của tự tại vô ngại, có thể biểu hiện trong bất kỳ dạng thức nào. Nét bút có vẻ hơi cứng một chút, nhưng có thể do tính chất của giấy.



6. Nghi Sơn Thiện Lai (Ginsan Zenrai)
1860, 122 x 28cm. Viện Bảo tàng
Kongōin

道得三十棒
道不得三十棒
教住妙心儀山道

Đạo đắc tam thập bổng
Đạo bất đắc tam thập bổng.
Sắc trú Diệu Tâm Nghi Sơn

*Nói được ba mươi gậy
Nói không được ba mươi gậy.*

li eru mo sanjū (bō)
ii erazu mo sanjū (bō)
Chokujū Myōshin Gisan

“Dù ông có nói được hay không, cũng lãnh ba mươi gậy” là khẩu quyết của Đức Sơn (Tokusan), một thiền sư Trung Hoa. Sư thường dạy đệ tử bằng cách cho họ thường xuyên ném mùi vị của cây gậy “bất nhị”.

Đây là cây gậy của Đức Sơn – mạnh mẽ, bất ngờ, thẳng tắp.



7. Nghĩa Đường Xương Thạch (Gido Shoseki)
1860, 122,5 x 29cm, Zen Bunka
Kenkyō

天下老和尚縮却頭

Thiên hạ lão hoà thượng súc khước đầu.

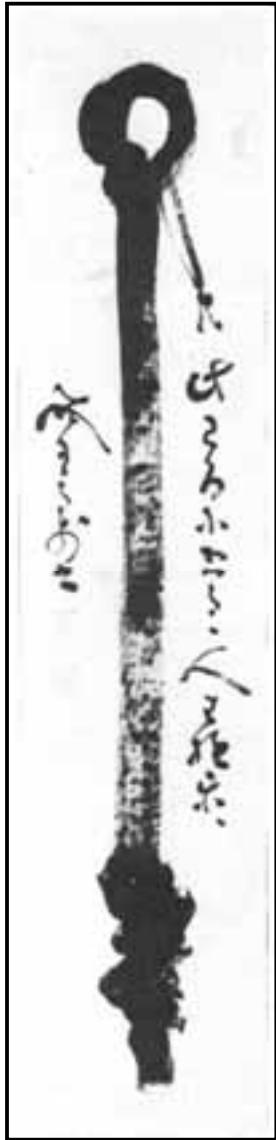
*Lão hoà thượng trong thiên hạ
cũng phải cúi đầu trước cây gậy này.*

Tenka no rō shō no
kōbe o shukukyaku su.

Cây gậy sắt này được tạo nên bằng sức mạnh toàn diện của thư pháp, một nét đơn độc chứa trọn thân, tâm và ngọn bút.

Một pháp khí kinh khiếp như thế sẽ khiến ngay cả những vị thiền sư tận tâm nhất cũng phải khép nép.

Nghĩa Đường là đệ tử của Nghi Sơn (Gisan), nhưng thư pháp của sư vượt xa cả thầy mình.



8. Sơn Cương Thiết Chu (Yao maka Tesshū)

此乃尔恐人者極樂へ
鐵舟高步書

Kono waro ni
osoruru hito
wa gokuraku e.

鐵舟高步書

Thiết Chu Cao Bộ thư

*Người nào biết sợ cây gậy thần này
Thì người ấy đang ở trên đường đến
niết-bàn.*

Cây gậy sắt mạnh mẽ được vẽ bằng mực rất đậm. Nét mực như thể bị loãng ở giữa thân, nhưng ta vẫn có cảm giác phong phú thắm đượm không hề suy giảm.

Cây gậy sắt năng động đầy khí thế này hiển hiện trong cả ba chiều.



9. Nam Thiên Bổng - Đặng Châu (Nantembō - Tōjū Zenchū)

1910, 148,6 x 37,5cm, sưu tập của Rubinfen.

道得南天棒
道不得南天棒
南天棒 鄧州

Đạo đắc Nam Thiên bổng,
Đạo bất đắc Nam Thiên bổng.
Nam Thiên Bổng Đặng Châu

*Nói được, lành gậy Nam Thiên,
Nói không được,*

cũng lành gậy Nam Thiên.

Ii eru nantembō ii ezazu nantem(bō)

Nantembō Tōjū

Đặng Châu (Tōjū), được biết đến nhiều với tên Nam Thiên Bổng sau khi sư đeo cây gậy bằng cây *nanten* (nam thiên). Sư đi hành cước khắp nơi với cây gậy lôi kéo nhiều pháp sư vào việc tranh luận Phật pháp. Những tác phẩm tước của sư không gậy được nhiều ấn tượng, nhưng tác phẩm thực hiện vào cuối đời thì rất có ý nghĩa. Mặc dù thư pháp của Nam Thiên Bổng không có gì đặc biệt sâu sắc, nhưng nó luôn có nét tao nhã.

10. Sơn Bản Huyền Phong

(Yamamoto Gempō)

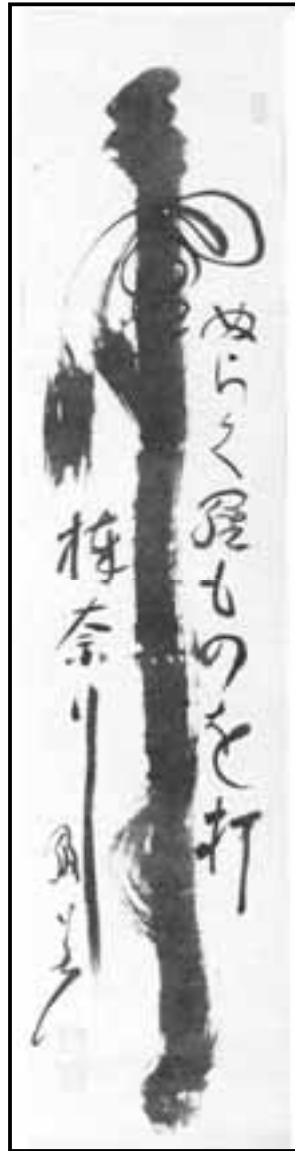
1960, 131 x 31cm, Zen Bunka Kenkyūjo

Nurakura mono o otsu
 bō nari
 Hannya
 般若
 Bát Nhã

(Bát Nhã là pháp danh của Sơn Bản Huyền Phong.)

Kẻ lười biếng sẽ bị đánh bởi cây gậy này

Một cây gậy đầy sinh lực khác nữa; nghệ sĩ sáng tạo ra nó dĩ nhiên là một nhân vật sống động. Thư pháp này thanh thần và đầy ấn tượng; mặc kệ trong mờ. Cây gậy như thế sẽ làm cho mọi người tỉnh mộng.

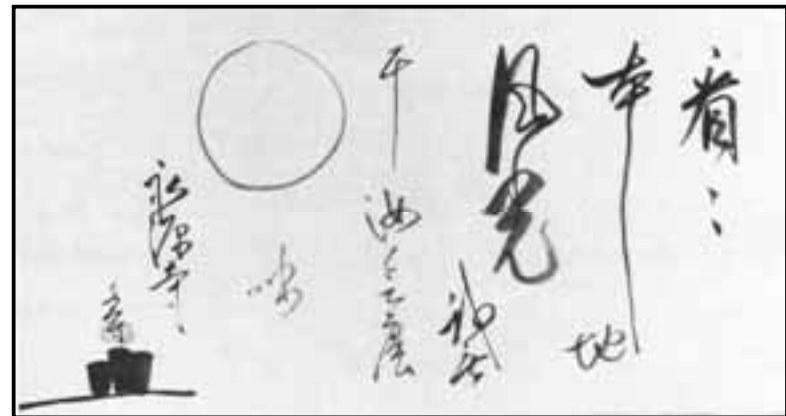


VIÊN TƯỚNG

Làm sao để diễn bày, khi Phật tánh không thể nhìn thấy hay sờ mó được? Thư pháp thiền dùng một vòng tròn (viên tướng – Ensō), dạng đơn giản nhất trong tất cả hình ảnh, để biểu lộ sự đa dạng của đạo Phật – trống không nhưng tròn đầy, vô tận, rõ ràng, trọn vẹn.

1. Nhất Ti Văn Thủ (Isshi Monju)

1640, 33 X 55,5cm, Eisei Bunko



看看!

本地風光我無干,

汝會麼?

咄!

永源寺文守

Khán, khán!
Bản địa phong quang
Ngã vô can.
Nhữ hộ ma ?
Đốt!
Vĩnh Nguyên tự Văn Thủ

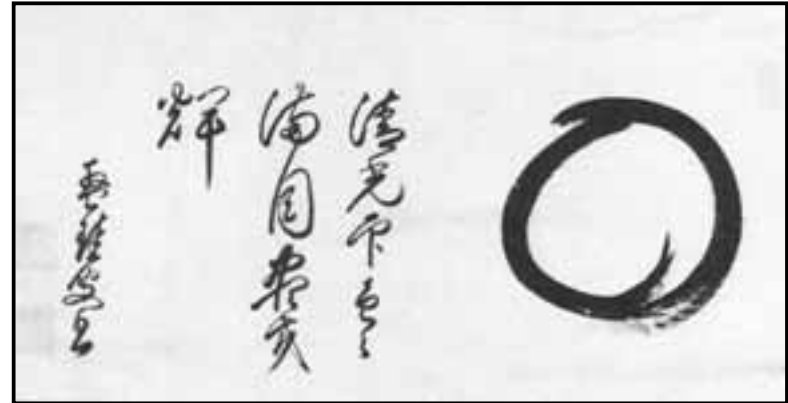
Miyo miyo honchi no fūkō ware
ranji ni somoku nashi etsuya totsu
Eigenji
Monju (kao)

Nhìn xem! Nhìn xem!
Phật tánh rạng ngời.
Ta chẳng dính dáng
Người hiểu chăng?
Ồi!

Phật tánh cũng chính là bản tánh của chúng ta và chẳng hề ẩn dấu nơi đâu. Nó ngay ở đây, chỉ cần ta nhận ra.

Dù vòng tròn rõ ràng và trong sáng, nhưng tính chất gay cấn thường hiện hữu trong viên tướng hiển nhiên không có. Có lẽ sự so sánh này thiếu chiều sâu vì xuất thân của người viết thư pháp trong suốt thời thanh niên là một quý tộc cung đình – và sư viên tịch vào năm chỉ có 39 tuổi.

2. Bàn Khuê Vĩnh Trác (Bank ei Eitaku)
1690, 30 x 56cm, Eisei Bun ko



清光即色色
滿目盡交輝
般珪叟書般

Thanh quang tức sắc sắc
Mãn mục tận giao huy
Bàn Khuê tấu thư
Ánh sáng khắp mọi nơi
Chói ngời trong đôi mắt.
Sei kō shikiji ki o inshite,
mam moku kōki o tsukusu
Bank ei sō sho

Khi chúng ta nhận ra Phật tánh, tất cả mọi hiện tượng sai biệt đều hiện hữu như chúng đang là, dường như toả chiếu bằng vẻ đẹp rực rỡ huy hoàng vô hạn. Một nửa vòng tròn bên trái được vẽ trước tiên, rồi đến một nửa bên phải. Hai nét bút rất trong sáng với một cảm nhận phóng khoáng và sâu thẳm.

2. Bạch Ẩn Huệ Hạc (Hakuin Ekaku)



Enshū Hamamatsu yoi cha no dedoko
musume yaritaya iyocho o tsumi ni
Hamamatsu là vùng nổi tiếng trà ngon
Các thôn nữ đang hái những đọt non.

Viên tướng này không phải được tạo thành bằng một phong cách giản đơn; nó trải ra như đám mây cuộn cuộn trong một không gian ba chiều sống động. Nội lực biểu hiện trong nét bút tự chủ một cách thanh thản, nhưng mạnh mẽ và đầy năng lực, không có dấu vết tắc nghẽn. Suy xét về phong cách thư pháp trong dòng thơ bên cạnh, thì tác phẩm này được thực hiện vào những năm bảy mươi của Bạch Ẩn. Câu thơ đề trên tranh biểu thị Phật pháp vi diệu không ngoài cuộc sống hằng ngày.

3. Đông Lãnh Việ n Từ (Tōrei Enji)

1790, 50 x 76cm, Eisei Bun ko



天上天下堪笑堪悲
東嶺書

Thiên thượng thiên hạ kham tiếu kham bi.

Đông Lãnh thư

Tenjō tenge warau ni
taetari, kanashimu taetari.

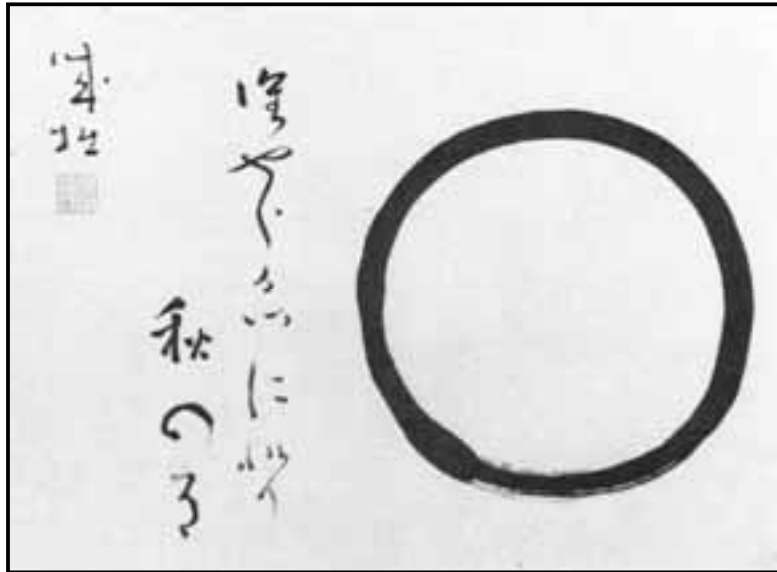
Tōrei sho (kao)

Nhãn chịu hết mọi niềm vui nỗi buồn trong thiên hạ.

Dù thực tế là sư được mệnh danh là "Đông Lãnh tử mĩ", nhưng chẳng có chút tử mĩ nào trong viên tướng và dòng chữ này. Đó là một nét rất đậm như thể vung một thanh kiếm nặng và chẳng có gì hơn là tính chất trong sáng ở đó – những gì ẩn mật dường như đều chứa đựng bên trong có lẽ phản ánh niềm say mê Mật tông của Đông Lãnh. Không ngạc nhiên khi một nhà thư pháp trong dòng Bạch Ẩn vẽ nên một viên tướng sinh động cùng với một thông điệp mạnh mẽ như thế – tiếng cười hay nước mắt, ngoài Phật tánh ra thì không là cái gì cả.

4. Thành Chuyết Châu Xư (Seisetsu Shūcho)

1818, 35 x 46,6cm, Eisei Bunko



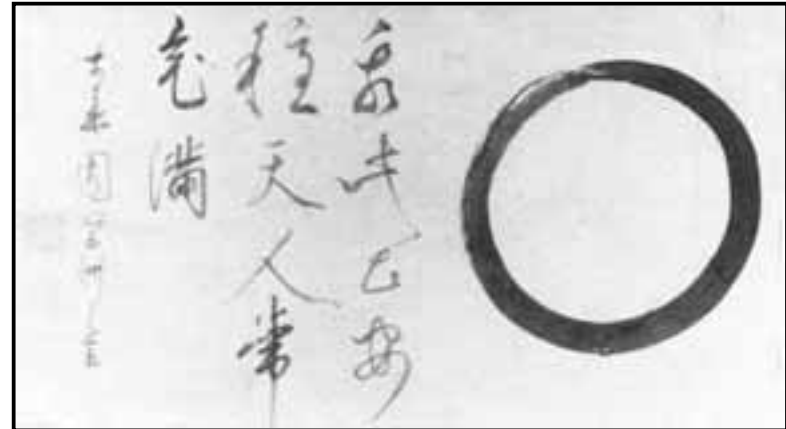
Tareyara gako koro ni nitari aki no tsuki
Seisetsu

Ai bảo, “lòng ta tợ trăng thu”?

“Lòng ta tợ trăng thu” là một câu trong thơ của Hàn San (Kanzan). Vẫn còn toả chiếu một cách tịch lặng, vắng trăng – viên tướng lặng lẽ, trang nghiêm này là một tác phẩm của Thành Chuyết trong những năm cuối đời.

5. Trúc Châu Hồ Thiên (Takuju Kosen)

1830, 29 x 50,5cm, Viện Bảo tàng Kongin



我 此土安穩

天人常充滿

前華園洲書

Ngã thử độ an ổn

Thiên nhân thường sung mãn.

Tiền Hoa viên Trúc Châu thư

Cảnh giới ta an ổn

Trời người thường sung mãn.

Wareshi do ni an- non shi tenni tsuneni jūman su

Zen Hanazono Takuju sho

Đây là một câu trong kinh Pháp Hoa. Trong viên tướng này, Trúc Châu chỉ bày cho chúng ta cõi Tịnh độ, cõi Cực lạc. Tịnh độ chẳng phải là nơi nào khác – chính là thế giới này, với tất cả khổ đau và phiền não, là cõi Cực lạc khi nhìn bằng nhãn quan giác ngộ. Viên tướng này hàm chứa trong phạm vi của nó, có thể được hình dung là “mọc mọc và thẳng tắt”.

6. Thái Nguyên Tư Nguyên (Taigen Shigen)

1830, 87,5 x 28cm, Eisei Bunko



是十麼

Thị thập ma

Là cái gì?

Kore nan zo

Khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nhìn thấy sao Mai mọc vào sáng mùng 8 tháng 12, ngài thốt lên rằng: “*Kỳ diệu thay! Kỳ diệu thay! Tất cả chúng sinh đều có trí tuệ và đức tướng Như Lai.*” “Thị thập ma” không phải đơn thuần là câu hỏi, mà là lời nói biểu lộ sự ngạc nhiên và tán thán vào lúc chúng ngộ như vậy.

Trong suốt 18 năm, mỗi ngày Vân Môn (Ummon) đều hỏi đệ tử mình: “Thị thập ma?” mãi cho đến khi vị tăng ấy thốt nhiên trả lời: “Con nhận ra rồi!”

Khi có hai vị tăng đến thăm Tuyết Phong Nghĩa Tôn, sư hỏi họ: “Thị thập ma?” (Tắc thứ 51 trong Bích nham lục).

Có một chút gì dữ dội và nghiêm túc, thẳng thắn trong viên tướng này, nhưng đồng thời cũng còn là một chút ấm lòng.

7. Sơn Cương Thiết Chu (Yaomaka Tesshū)

Jorō no makoto to tamago no shikaku areba misoka ni kake ga kuru

Tesshū koji

*Nếu có kỹ nữ chân thật và quả trứng vương, hãy treo nó lên vào đêm 30 mỗi tháng.*¹



Kỹ nữ thì không chân thật và trứng thì không bao giờ vương – đây là thực tế cuộc đời. Thế giới này, đúng là như, biểu hiện của Phật tánh, chẳng có gì huyền diệu hay lạ thường khi công phu tu tập đã viên mãn.

Mặt trăng – viên tướng này, được vẽ theo chiều kim đồng hồ từ phía trên đỉnh, mềm mại và tròn đầy, không một chút đứt đoạn. Nó được tạo ra bằng khí hợp và vô niệm.

¹ Câu này nằm trong một bài ca cổ xuất phát khu ăn chơi Yoshiwara: “Nếu có kỹ nữ chân thật và quả trứng vương, thì trăng tròn sẽ xuất hiện vào đêm ba mươi.”

8. Gia Đăng Canh Sơn (Katō Kōzan)

1970, 33 x 25,5cm, Viện Bảo tàng Tesshū Kai



箇箇圓成 — 九十五翁耕山

Cá cá viên thành – Cửu thập ngũ ông Canh Sơn

Mỗi mỗi đều thành tựu

Koko enjō – Kyūjūgō Kōzan

Mặc khí trong viên tướng này sâu thẳm và phân minh. Vào lứa tuổi trưởng thành, thư pháp của những ai dù không trải qua công phu tu tập cũng có nét an định, nhưng dĩ nhiên không có ấn tượng như tác phẩm của một người trải qua 80 năm công phu khổ luyện. Tặng đá nào được mài giữa lâu ngày rồi cũng thành gương soi.

9. Sơn Điền Nghiên Trai (Yamada Kensai)

1970, 33 x 43,8cm, Viện Bảo tàng Chūō Tōken Kai



研齋居士書

Nghiên Trai cư sĩ thư

Kensai koji sho

Trần đầy năng lực, viên tướng này rõ ràng là tác phẩm của một người tinh tế và nhuần nhuyễn công phu. Mặc khí sáng tỏ, rất giống vẻ lấp lánh trên những thanh kiếm cổ mà Nghiên Trai đã phục hồi.

BỒ-ĐỀ ĐẠT-MA VÀ BỐ ĐẠI

Bồ-đề Đạt-ma, đại tổ sư của Phật giáo thiền, vừa là một biểu tượng thể tính Phật pháp, vừa là một nhân vật lịch sử. Ngài nhấn mạnh với Lương Võ đế rằng chẳng có công đức gì trong việc dựng chùa, thuyết pháp, độ tăng, và ý nghĩa siêu tuyệt nhất của Phật pháp là “quách nhiên vô thánh”. Triệt để không khoan nhượng với Lương Võ đế, ngài dành trọn 9 năm thiền định chẳng thốt một lời. Huệ Khả, người kế vị làm Tổ thứ 2, đã chặt tay để biểu lộ tấm lòng nhiệt thành cầu pháp của mình.

Giáo pháp của Bồ-đề Đạt-ma siêu việt ngôn từ, không thể lĩnh hội qua nghiên cứu học hỏi, mà phải qua chứng nghiệm trực tiếp.

Trong khi Bồ-đề Đạt-ma cô đọng tinh túy công phu thiền, thì Bồ Đại, nhân vật kỳ đặc theo truyền thuyết Trung Hoa, với hình dáng cái bụng lớn như nổi đồng để chứa trọn cả thế gian trong đó, biểu tượng cho quan niệm “ban phát niềm vui giữa chợ đời”.

Đã hàng phục con trâu buông lung trong tâm ý, và đã quên hẳn nó. Bồ Đại hòa nhập với mọi hạng người, phân phát vô số vật quý cho họ từ trong chiếc bị không đáy của mình. Đói ăn, mệt ngủ, và trong bất kỳ tình huống nào ngài cũng không bị câu thúc.

Do sự chứng nghiệm và liễu giải Phật pháp có nhiều mức độ khác nhau đối với mỗi nghệ sĩ thiền, nên tất nhiên theo đó, kiến giải riêng về Bồ-đề Đạt-ma và Bồ Đại của họ sẽ khác nhau trong một số đường nét thú vị.

1. Cung Bản Nhĩ Tàng (Miyamoto Musashi)

1640, 91 x 39cm, Eisei Bun ko



Chân dung chính diện của Bồ-đề Đạt-ma rất hiếm thấy, có lẽ vì khó tập trung tâm ý vào đó. Bằng kỹ thuật thượng thặng, nét bút trong bức họa này mềm mại và phóng khoáng, thể hiện ý tưởng một cách tự tại với phong thái trầm tĩnh vô cùng

Chân dung đặc sắc này nổi tiếng với tên gọi “*Nhìn vào tám hướng*”. Cái nhìn trùng trùng siêu việt của Bồ-đề Đạt-ma bao trùm khắp chốn, và bộ râu cho thấy một sự tập trung thâm hậu cả thân lẫn tâm. Đây có lẽ là một dạng chân dung tự họa của Cung Bản trong những năm cuối đời.

2. Phong Ngoại Huệ Huân (Fūgai Ekun)

1650, 43 x 31,5cm, Eisei Bunko



風外圖之

Phong Ngoại đồ chi
Fūgai kore o zusu

Vẽ chân dung Bồ-đề Đạt-ma là sở trường của Phong Ngoại. Trong tranh của ông có tinh thần sôi nổi và phá chấp với mức độ phi thường. Mặc kệ trong tranh cũng như trong chữ ký rất sáng và đều với cảm giác mạnh mẽ không lay chuyển. Ấn tượng mạnh đến nỗi những người xem tranh này có cảm giác như vừa trút gánh nặng khỏi vai. Một vài bức chân dung Bồ-đề Đạt-ma khác cũng có nét đặc biệt như vậy.

3. Bạch Ẩn Huệ Hạc (Hakuin Ekaku)

1797, 131 x 57,5cm, Eisei Bunko



直指人心
見性成佛

沙羅樹下八十三歲
老衲白隱叟目鏡書

Trực chỉ nhân tâm,
Kiến tánh thành Phật.

Sa la thụ hạ bát thập tam tuế
lão nạp Bạch Ẩn tẩu mục kính thư

Chỉ thẳng tâm người,
Thấy tánh thành Phật.

Jikishi
jinshin
kenshō
jōbutsu
Sarajuge 83 sai rōnō
Hakuin sō megane nashi ni kaku.

Không có chút hơi hợt trong bức tranh này. Nét bút đậm và dày dặn; nét mực phân minh, phản ánh sự trong sáng trong tâm người vẽ.

Đôi mắt lớn của Bồ-đề Đạt-ma chiếu sáng một tia nhìn nồng nhiệt. Thành quả của bức tranh này, thực hiện vào những năm cuối đời của Bạch Ẩn, không chỉ nhờ vào sự hoàn chỉnh của kỹ thuật. Còn có tố chất của trí tuệ vô trước trong đó để hiển lộ một “Đức Phật sống động”. Có người cho rằng một thiền sư như Bạch Ẩn 500 năm mới xuất hiện một lần.

4. Linh Nguyên Từ Diệu (Reigen Etō)

1780, 53,3 x 39,3cm, bộ sưu tập của Belinda Sweet



達磨面壁之處

Đạt ma điện bích chi xứ

Nơi Đạt-ma ngồi quay mặt vào tường.

Daruma mempeki no tokoro.

Mặc dù trong bức chân dung điện bích (*mempeki*) này, Bồ-đề Đạt-ma ngồi quay mặt vào tường trong hang đá trên chùa Thiếu Lâm, có nét vẽ hơi mờ nhạt, nhưng vẫn có ấn tượng rất lớn. Đường nét chiếc y của Bồ-đề Đạt-ma, được cấu tạo một cách mạnh mẽ, và những nét vẽ còn lại như tỏa sáng hào quang. Tuy nhiên, tác phẩm của Linh Nguyên thiếu chiều sâu như Từ Văn và sức mạnh như Bạch Ẩn. Sư cho ra đời nhiều tác phẩm, nhưng không bức nào được toàn mỹ như thầy mình là Bạch Ẩn.

5. Toại Ông Nguyên Lữ (Suiō Genrō)

1785, 133 x 57cm, Viện Bảo tàng Kōhoin



見性成佛

浮島老衲

Kiến tánh thành Phật

Phù Đảo lão nạp

(một tên khác của Suiō)

Thấy tánh thành Phật

Kenshō Jōbutsu

Futō iōnō

Chân dung tổ Bồ-đề

Đạt-ma nhìn nghiêng rất đẹp và đầy sinh lực.

Được vẽ bằng những nét chính xác đến từng chi tiết nhỏ, bức chân dung biểu lộ tính quả quyết dứt tợn. Thật sự là một tác phẩm tinh tế của một nghệ sĩ thiền thuần nhuyễn. Toại Ông, đệ tử của Bạch Ẩn, là một người rất kỳ đặc. Biệt danh của sư là “*Suiō lang bạt*”. Sư không bao giờ toạ thiền hay đọc kinh, chỉ thích rượu sake – khi uống say rồi, sư nằm xuống bất kỳ chỗ nào và ngủ. Tuy nhiên,

không thể phủ nhận tinh thần thiền cao độ và sự phá chấp trong tranh của Sư.

6. Từ Vân Âm Quang (Jiun Onkō)

1800, 112 x 26cm, Eisei Bunko

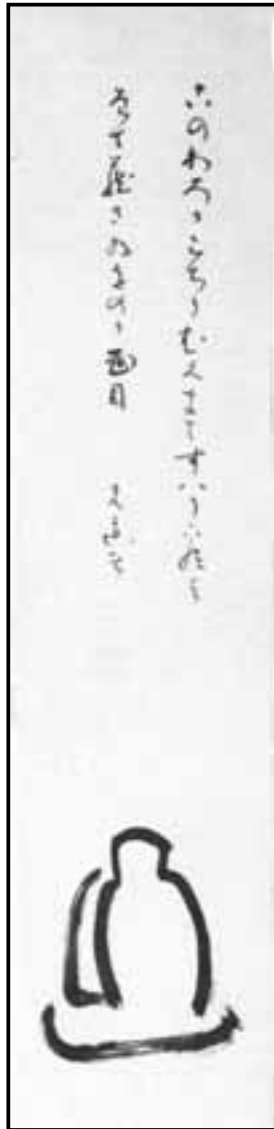
Kono waro ga kochira
muku made suwari miyo
katte kakusanu
ono ga memboku.

Hãy nhìn:

*Gã ngồi đây đã bao năm,
Bản lai đấng có biệt tâm ngày nào.*

Mặc dù đây chỉ là dáng dấp của Bồ-đề Đạt-ma, nhưng vẫn vững chãi và đầy năng lực. Nét bút mềm mại, trong sáng và chiếu diệu.

“*Bản lai diện mục*” có thể chẳng phải bị che, chẳng phải không bị che – nó cũng không phải là cái gì có thể nắm bắt được. Nếu chẳng bị che khuất, thì nó phải luôn hiển bày – phải chăng đó là điều mà Bồ-đề Đạt-ma muốn nói với chúng ta?



7. Trác Châu Hồ Tiên (Takujū Kosen)

1830, 68,8 x 29cm, Viện Bảo tàng Kongōin

廓然無聖

前華園卓洲僊書

Quách nhiên vô thánh

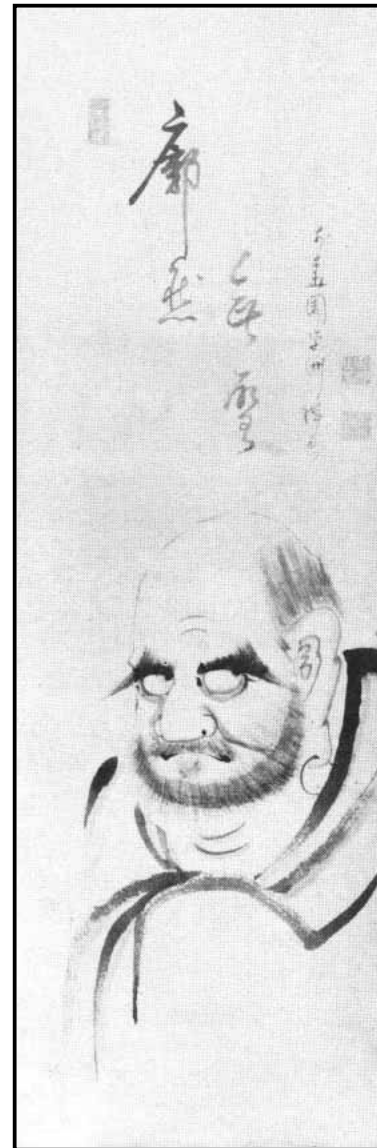
Tiền hoa viên Trác Châu tiên thư

Rỗng rang không thánh

Kakunen

mushō

Châm ngôn của Trác Châu là: “Tu đạo cốt ở chỗ cần trọng ngay cả những điều vi tế, phong cách của người tu hành là ở giới luật Phật chế”. Trong họa phẩm chân dung Bồ-đề Đạt-ma của Sư, có nhiều chi tiết rất tinh tế, và cặp mắt trừng trừng cùng cái nhìn đăm đăm của ngài biểu lộ tính nghiêm túc và dứt khoát của Trác Châu





8. Tiên Nhai Nghĩa

Phạm (Sengai Gibon)
1830, 123 x 45cm, Eisei
Bunko

Daruma ni yoseru koi
inochi yawa nani sowa
tsuyu no
adamono o
ai ni shi kaesu
oshi karanaku ni
Gai

*Giao phó thân mạng
cho Đạt-ma*

Đời là gì?

Giọt sương!

Khi gặp kẻ bất lương ấy

*Hãy quăng nó lại đằng sau
đừng thương tiếc.*

Tiên Nhai

Tương truyền một bức tranh của Tiên Nhai đã khiến cho một người lái buôn chuyển biến đời mình. Không nghi ngờ gì, tâm hồn thuần khiết và tự tại trong tác phẩm của Tiên Nhai đã làm

chuyển động cả lòng người. Chân dung Bồ-đề Đạt-ma này có một giá trị tương tự. Nét bút mạnh và nhẹ trong bức họa không hề tương phản với phong thái tự tại và mạnh mẽ. Dù những chữ viết mềm mại nhưng chứa đầy sức mạnh.

9. Sơn Cương Thiết

Chu (Yaomaka Tesshū)
1886, 86,3 x 33,8cm, bộ
sưu tập tư nhân

廓然無聖
鐵舟高步書

Quách nhiên vô thánh
Thiết Chu Cao bộ thư

*Rỗng rang
không thánh*

Kakunen
mushō

Chủ nhân bức tranh này cho biết: “Bất cứ lúc nào nhìn vào tranh, tôi liền cảm thấy khoẻ khoắn và cố nghị lực hơn.” Nét bút rắn rỏi tạo nên hình dáng chiếc y của Bồ-đề Đạt-ma, nét bút càng tinh tế hơn qua bộ râu của Ngài. Dòng thư pháp bên cạnh hùng dũng và đầy sinh lực không có sự tự dối mình ở đây. Cũng như tác phẩm của Cung Bản Nhĩ Tầng (Mushashi), ở đây thể hiện ngay tính cách của một võ sĩ: không một khoảng trống, một kẻ hờ nào để thư thế; sự thiếu tập trung sẽ được phát hiện ngay.





10. Gia Đẳng Canh Sơn (Katō Kōzan)

1970, 134 x 34,5cm, Viện Bảo tàng
Teshū Kai

九十五翁耕山

Cửu thập ngũ ông Canh Sơn

Lão Canh Sơn 95 tuổi

Kyūjūgo o Kōzan

Mặc dù tầm vóc của bức chân dung này không gây ấn tượng mạnh mẽ như tác phẩm của Thiết Chu, nhưng cũng không có tác phẩm đương thời nào có thể theo kịp. Mặc kệ vô cùng thanh khiết – đặc biệt chú ý đến hai đồng tử trong đôi mắt.



11. Cung Bản Nhĩ Tàng
(Miyamoto Musashi)

1640, 91 x 39cm, Eisei Bunko

Đây là họa phẩm Bồ-đề Đạt-ma song trùng của Cung Bản Nhĩ Tàng. Thay vì sự quắc mắt của Bồ-đề Đạt-ma, ta có nụ cười thân mật của Bồ Đại.

Chú ý tư thế tự nhiên mà bàn tay của Bồ Đại đặt trên cái bụng to lớn của ngài. Sau thời gian cuồng nộ của tuổi thanh niên, có lẽ bức tranh này biểu lộ rằng Cung Bản Nhĩ Tàng đã tìm thấy được sự trầm tĩnh vào lúc gần cuối đời.

12. Phong Ngoại Huệ Huân (Fūgai Ekun)

1645, 85 x 30cm, Eisei Bunko



世間誰可論
大福有餘身
何笑老賓客途中
只一人讚共
風外圖之

Thế gian thù khả luận
đại phúc hữu dư thân
Hà tiếu lão tân khách đồ trung
Chỉ nhất nhân tán cộng
Phong Ngoại đồ chi

*Ai trong đời có thể bàn đến cái thân
hữu dư có phúc lớn của ngài.
Sao lại cười lão khách trên đường
Chỉ một người tán thán.*

Phong Ngoại
Seken tare ga ronzu beshi tai fuku mi ni
amari ari
nanzo warawan rhin no kyaku to chū
tada ichinin. San tomo Fūgai kore o
zusu.

Một chân dung Bồ Đại trông có vẻ sôi nổi, tươi vui, thể hiện sự hài lòng một cách tuyệt diệu.

Phong Ngoại, người đã trải phần lớn cuộc đời lang thang nơi hang động, là một thiền sư cuồng không khác gì Bồ Đại; đây chắc hẳn là một chân dung xứng đáng tiêu biểu cho đề tài này.

13. Bạch Ẩn Huệ Hạc

(Hakui Ekaku)

1766, 92, 5 x 29cm, Eisei Bunko



Wakai monodomoya
nani o iutemo na
sekishu no oto o
kikancha mi na tawagoto
no kawa da zo yo
Saru tokoro no
hachinijusai no oyati.

*Này các bạn trẻ,
Dù nói gì đi nữa,
trừ phi nghe được
tiếng vỗ của một bàn tay
thì mọi nỗ lực của bạn
đều là vô ích.
Ông già 82 tuổi ở xứ này.*

Đây là chân dung tự họa với hình dáng Bồ Đại 82 tuổi. Lòng từ bi tăng dần theo tuổi tác của Bạch Ẩn, nhưng sự vẫn rắn đe các đệ tử trẻ hãy tham công án “*tiếng vỗ của một bàn tay*”.

14. Toại Ông Nguyên Lư (Suiō Genrō)¹
1780, 39,5 x 53cm, *Eisei Bunko*



Đây là một bức tranh có bố cục hoàn chỉnh, được trình bày rất hóm hỉnh. Những nét bút chắc chắn, tự nhiên, đường nét rất đẹp. Suiō đã nắm bắt được tinh thần hoan hỷ của Bồ Đại rất nhuần nhuyễn.

¹ Cũng đọc là Túy Ông Nguyên Lư

15. Xuân Tùng Thiệu Châu
(Shunsō Shōju)
1830, 35 x 53cm, *sưu tập của Belinda Sweet*

春叢

Xuân tùng



Ngài Bồ Đại này tạm thời bỏ quên bị gậy và đang toạ thiền. Được vẽ theo dạng phác thảo, Bồ Đại dường như có đôi chút tinh nghịch trong tâm ý. Chân dung này hơi nghịch lý, không cần thiết thể hiện Bồ Đại cứng nhắc như vậy, trong tư thế toạ thiền trang trọng và sự biểu lộ trên gương mặt không được đúng lắm. So với bức chân dung trước của Toại Ông Nguyên Lư (Suiō), thì bức này dường như thiếu chiều sâu, nhưng đây vẫn là một tác phẩm đặc sắc của Xuân Tùng.

NÚI PHÚ SĨ

Còn hơn cả chiều cao ngất trời của nó, núi Phú Sĩ vốn dĩ nổi tiếng nhờ cái dáng đẹp tĩnh lặng, cùng sự hiện hữu kinh hoàng của nó. Dáng dấp an tịnh của đỉnh núi là tư thế tọa thiền lý tưởng. Vì chẳng có ngọn núi nào so được với nó, nên chữ Phú Sĩ (Fuji) đôi khi được viết là “bất nhị”. Trong mức độ sâu thẳm, Phú Sĩ biểu thị ý nghĩa bất nhị của Phật tánh. Ngọn núi đứng sừng sững ở quận Shizuoka là biểu tượng về trật tự nguy nga của thiên nhiên lần thực tại siêu việt của Phật đà.

1. Bạch Ẩn Huệ Hạc (Hakuin Ekaku)

1830, 94 x 28,5cm, Eisei Bunko.



Nani wa no tabi...
koi bito wa kumo no ue
ni maru ofujisan
harate au ni wa yuki no hada miru

Chuyến du ngoạn đến Naniwa...
(đoạn này là mấy dòng kể vắn tắt về chuyến đi đến quận Osaka)
Phú Sĩ, người yêu của tôi, nàng vươn mình trên mây từng mây,
Khi trời quang mây tạnh, ta thấy được làn da trắng của em.

Đây là quang cảnh núi Phú Sĩ nhìn từ rừng thông Miho. Một mẫu đẹp về dạng tháp và sự cân đối có duyên của ngọn núi.

2. Tiên Nhai Nghĩa Phạm (Sengai Gibon)

1820, 120 x 56cm, Eisei Bunko



仰而觀天
伏而察地
有物如珠
一而不一
仙崖

Ngưỡng nhi quan thiên
Phục nhi sát địa
Hữu vật như châu
Nhất nhi bất nhị
Tiên Nhai

*Ngẩng lên nhìn trời,
Lại nhìn khắp đất,
Có viên ngọc quý,
Chỉ một không hai.*
Tiên Nhai

Aoideten o mi
fushite chi o sasu
mono ari tama no gotoku
ichi ni shite fūji
ametsuchi no aida ni hitotsu
yuki no yama
Gai

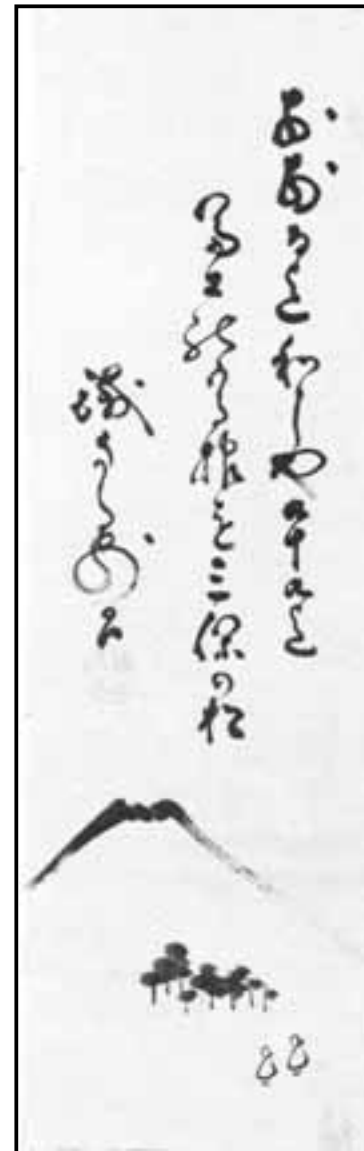
Cận ảnh từ lần gợn trên
dãi núi dài. Nó được phủ bởi

mây hay hơi nước? Đường chân trời đẹp tuyệt vời, và câu thơ
đề rực sáng. Trong họa phẩm này, cả hai đức tính của Phú Sĩ
đều được ca ngợi: như một kỳ quan thiên nhiên và biểu tượng
của Phật tánh. Tuy nhiên Phú Sĩ không những là một biểu
tượng – mà còn chỉ giản dị là núi Phú Sĩ.

3. Sơn Cương Thiết Chu

(Yaomaka Tesshū)

1886, 109 x 29,5cm, Viện Bảo
tàng Tesshū Kai



お前百近和ーや九九近
富士能高根を三保の松
鐵舟高歩書

鐵舟高歩書

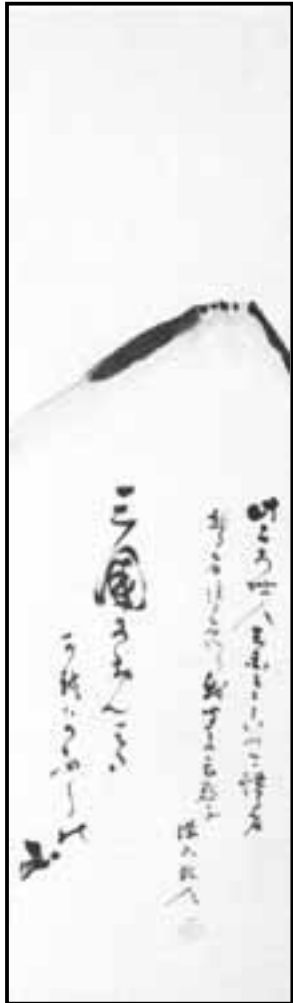
Thiết Chu cao bộ thư

Omae hyaku made
washa kyūkyū made
fūji no takane o
Miho no mats u
Tesshū Kōho sho

*Bạn đến một trăm
Tôi đến chín mươi chín
Đỉnh núi Phú Sĩ
Rừng thông Miho*
Thiết Chu

4. Thắng Hải Chu (Katsu Kaishū)

1895, 115,5 x 31,5cm, Viện Bảo tàng Chuo Token Kai



Konogoro sejin sangoru ununto itte
 ikidoru mono ureeru mono naku mono
 ari ware kite hanahada madou moroku
 sanjin
 sangoku ni funbata
 kareyo fuji no
 yama

*Ngày nay người đời thường hay than
 phiền về thời đại "Tam quốc" đây
 đầy những thù oán, lo âu, và nước
 mắt; khi lão già này nghe được điều
 vô lý như vậy, nên bối rối trả lời
 "Tam quốc" với tinh thần của núi
 Phú Sĩ.*

Bức tranh này miêu tả một đồi
 lão già đang ngắm rừng thông đẹp
 Miho và đỉnh núi Phú Sĩ "Câu mong
 cho sự thịnh vượng trường tồn như
 rừng thông trên núi Phú Sĩ" là một
 lời chúc tụng thú vị. Ngọn núi, rừng
 thông, hai cụ già, và dòng chữ đề
 thật hài hòa. Ý tưởng về cái đẹp
 Nhật Bản hoàn toàn được nắm bắt
 rất trọn vẹn trong cái nhìn về núi
 Phú Sĩ này.

Nga, Pháp và Đức- các quốc gia
 trong "Liên minh ba nước" mưu toan
 ngăn chặn sự chiếm đóng một số
 vùng đất Trung Hoa sau chiến thắng
 của Nhật Bản trong chiến tranh

Trung-Nhật năm 1895. Chính khách đã về hưu Thắng Hải Chu

đường như muốn cảnh báo cho người dân nước mình: "Đừng
 quan tâm đến tình hình chính trị thế giới; hãy nhớ sự an tĩnh
 và chân giá trị ngọn núi thiêng liêng của chúng ta." Dòng chữ
 đề lạ thường, có lẽ dành cho một bức tranh thiên; mặc khí tịch
 lặng, vô ngại cho thấy không một chút dao động, và công phu
 thiên không bao giờ có thể thực hành khi xa rời cuộc sống.

5. Khuyển Dưỡng Mộc Đường (Inukai Bokudō)

1925, 24,5 x 34cm, Viện Bảo tàng Tessh Kai



天下第
 峰 - 木

一
 堂

Thiên hạ đệ nhất phong – Mộc Đường

Ngọn núi tuyết vời nhất trong thiên hạ.

Tenkadai ippō Bokudō

Vút cao trên mấy tầng mây, dáng uy nghi của "ngọn núi đệ
 nhất trong thiên hạ" chắc chắn truyền cảm hứng và thúc dục
 người ngưỡng mộ đến sự hành động. Bất luận tài năng của họa
 sĩ thể hiện hình dáng của núi Phú Sĩ như thế nào, thì vẫn
 không thể có tình trạng mềm yếu hoặc lan man trong tác phẩm
 của nghệ sĩ nếu tác phẩm thành công. Mặc dù Mộc Đường- Thủ
 tướng Nhật Bản và bị ám sát bởi một kẻ quá khích năm 1931 –
 không chính thức tu thiền, nhưng ông biểu hiện tinh thần
 thiên rất nhuần nhuyễn trong bức tranh núi Phú Sĩ này.

Chương 3

THƯ PHÁP THIÊN

PHƯƠNG PHÁP CỦA THIÊN HỌA

Mới đây, tôi được dự một cuộc triển lãm thư pháp đương thời của các nghệ sĩ danh tiếng người Trung Hoa và Nhật Bản. Không có một tác phẩm nào trong cuộc triển lãm ấy được coi là tuyệt tác. Lý do: sự thiếu kém khí lực trong từng nét bút.

Thư pháp thường được xem là một nghệ thuật dựa trên hình thể, cấu trúc, và bố cục của chữ viết. Các nhà thư pháp chuyên nghiệp nghiên cứu tỉ mỉ kỹ thuật, phong cách, và sống với chúng để sáng tạo ra những tác phẩm mới lạ, khác thường và đáng hài lòng về mặt thẩm mỹ.

Các hành giả thiên thì khác hẳn, không quan tâm nhiều đến diện mạo cấu trúc hào nhoáng. Vấn đề lớn nhất là sự vận dụng toàn bộ thân tâm ngay trong giây phút hiện tại và ở nơi này. Vấn đề không phải là “làm thế nào để viết cho đẹp”, mà đúng hơn là “viết như thế nào để đạt được sự tỉnh thức”.

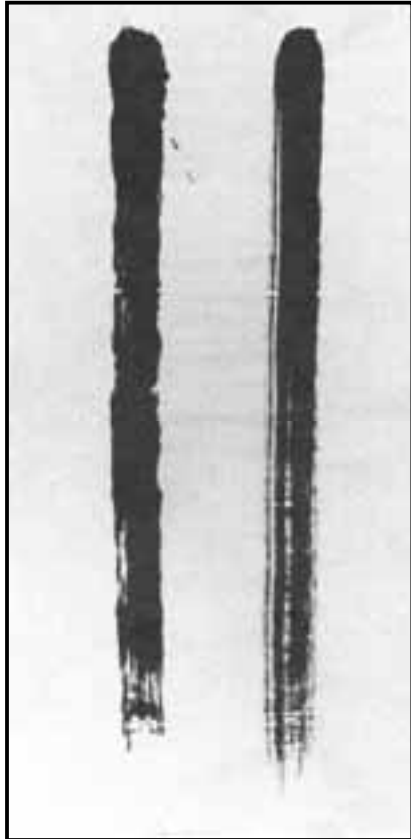
Một khi các sự rối loạn và xung đột bị dẹp bỏ, thì vô vị chân nhân – con người chân thật sẽ hiển lộ. Hầu như trong tất cả những mẫu thư pháp đẹp nhất (và cả các nghệ thuật khác) ở vùng Viễn Đông đều

hàm chứa một cảm thức siêu việt tự ngã. Bỏ qua kiến thức, thời đại của nghệ sĩ thư pháp, người thưởng ngoạn hẳn cảm có thể nhận biết ngay độ sâu của thiên định và nội quán siêu việt thật tại trong các tác phẩm này.

Tính chất mãnh liệt - viết bằng toàn thể thân xác và sức mạnh tâm linh của con người, chuyển từ tinh thần phủ nhận tuyệt đối sang khẳng định tuyệt đối - là trọng tâm của thư pháp thiên.

Thuật ngữ Hitsuzendō – tạm dịch là Thư thiên đạo – bao gồm cả thư pháp và thực tập thiền tọa. Hitsu là nét bút hấp thu và phóng chiếu cảnh giới tâm của hành giả; Zen là sự vận hành của tâm một cách toàn triệt trong thời gian và hoàn cảnh hiện tại, thoát khỏi tâm lượng hẹp hòi; và dō là sự vận hành tương tục của Đạo. Hợp nhất 3 yếu tố này mới có thể đạt được sự thành tựu.

VÔ TỰ BỔNG: ĐƯỜNG NÉT THIỀN HOẠ



Hình 29

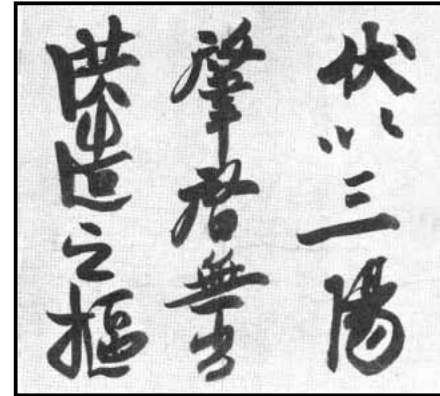
Nét bên phải, được vẽ bởi một người mới học thư pháp nhưng đã tập thiền và võ thuật trong nhiều năm, đã đạt được sức mạnh trầm tĩnh từ đầu đến cuối; rõ ràng như nước chảy

Nền tảng của thư pháp và hội họa Viên Đông là đường nét. Theo truyền thống, học viên của cả hai môn trên đều được yêu cầu phải trải qua ít nhất 3 năm tập trung vào bài tập vẽ một nét thẳng.

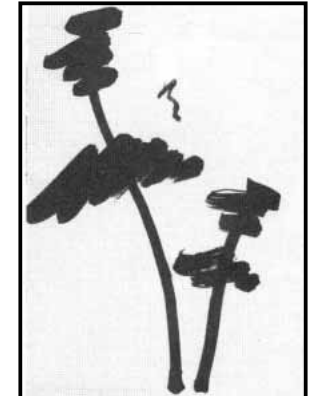
Một nét, theo nguyên tắc, là một loạt gồm những điểm riêng biệt nhưng nối kết liên tục với nhau. Để cho nét thẳng này được hoàn hảo, thì mỗi điểm phải hoàn hảo; mỗi sợi lông của ngọn bút phải thấm tràn năng lực của khí, nếu không, nét vẽ sẽ không có sức sống.

So sánh hai nét thẳng biểu hiện trong hình bên cạnh, được vẽ bằng một loại bút, cùng một loại mực, trên cùng một loại giấy.

bằng những sợi lông của ngòi bút, phóng chiếu ra khí lực, sinh động; nét bên trái, được vẽ bởi một nhà thư pháp nhưng không qua kinh nghiệm thiền, thoạt nhìn như thể tràn đầy sinh lực; tuy nhiên, khảo sát kỹ sẽ thấy nét vẽ không đều và rời rạc, như hồ nước ứ đọng – có quá nhiều nỗ lực của ý thức trong nét bút.



Hình 30



Hình 31

Những đường nét thẳng trong thư pháp thiền chân thật bao giờ cũng đậm, rõ và tỏa sáng. Hãy chú ý tính thẳng tắp và vững chãi như thế nào trong hai mẫu thư pháp của Daitō (Đại Đăng Quốc Sư – hình 30) và Tesshū (Thiết Chu – hình 31). Những nét bút của họ hoàn toàn tự chủ và kiên định. Đó là những nét chân thật, không như những nét thư pháp yếu ớt và tản mạn mà tôi đã thấy trong cuộc triển lãm nói trên.

Nói tóm lại, nét bút chân thật là sự hiển bày của chính niệm;¹ chính niệm chân thật là vô niệm,² và các nét vẽ là công việc của vô tâm.³ Một nét thẳng, là cơ sở của thư pháp, được kết hợp với vô (無 – mu), là công án sâu thẳm nhất của thiền, để hình thành nên vô tự bỗng, – đường nét thư họa thiền.

Vô là cái không tuyệt đối trong công phu thiền; nó đòi hỏi vận dụng triệt để mọi nỗ lực của chúng ta:

“Để vượt qua cửa ải này, phải gom 360 khớp xương và 84.000 lỗ chân lông trong thân mà đặt vào một chữ vó này, mỗi một chút sức lực mà ông còn có được đều phải tiêu ma trong một chữ này.” (Trích lời bình công án vó trong Vô môn quan)⁴

¹ Tiếng Nhật: shnen ; tiếng Trung quốc: 正念 ; tiếng Anh: true thought

² tiếng Nhật: mumen; tiếng Trung quốc: 無念 ; tiếng Anh: no thought

³ j; mushin; tiếng Trung quốc: 無心 ; tiếng Anh: no-mind

⁴ Mu monkan, của thiền sư Vô Môn Huệ Khai.



Hình 32. Tĩnh tọa

THỰC TẬP HITSUZENDŌ

Dụng cụ

Do vì khi sử dụng toàn thân tâm và hơi thở thật sâu khi viết lên một cỡ giấy lớn sẽ dễ dàng hơn, nên ngòi bút lông có đường kính phải to chừng trên dưới 5cm là tốt nhất. Nghiên mực phải có độ sâu thích hợp để nhúng ngòi bút. Tốt nhất, mực nên được mài ra theo cách truyền thống từ một thỏi mực, nhưng mực đã nghiên trước và pha chế sẵn dạng nước (bokuj, thông dụng ở Hoa Kỳ và Châu Âu) cũng có thể dùng được. Để thực tập thường xuyên, có thể dùng giấy báo không gấp khổ rộng tuy nhiên, nếu được thì thỉnh thoảng nên dùng giấy dó khổ lớn để đạt hiệu quả chuẩn mực hơn. Một miếng nilon hay chất liệu dễ thấm đặt dưới giấy để khỏi dính mực xuống nền nhà. Cần có những chặn giấy nặng để đè lên các góc, giữ cho giấy không bị xê dịch khi viết. Nghiên mực và bút lông đặt phía bên phải.

Lễ bái



Hình 33. Lễ bái

Sau khi mọi dụng cụ được chuẩn bị đầy đủ, ngồi ngay thẳng trước tờ giấy trong tư thế tĩnh tọa,¹ theo nghi thức trang trọng của người Nhật Bản. Khi thở ra, lay xuống bằng cách hai tay đặt trên sàn nhà, hợp thành một hình tam giác, rồi hạ thấp đầu dần xuống chạm sàn nhà. Lễ bái không chỉ là để tỏ lòng cung kính đối với bút, mực, giấy, mà còn thể hiện sự phủ nhận tự ngã, một cú nhảy tới hậu đến bờ Tuyệt đối. Khi hơi thở ra đã trọn vẹn, hít vào chậm chậm và từ từ ngồi lên, trở lại tư thế ban đầu. Những gì “tồn tại” trước khi lễ bái không còn ở đây nữa – chỉ có Đức Phật hiện tiền.



Cầm bút

Thở ra và nhắc ngón bút lên bằng tay phải. Cầm bút thật chắc, nhưng không phải nắm chặt lại mà dồn sức mạnh chỉ vào ngón cái và ngón giữa. Luôn luôn giữ ngón út trên cán bút. Ở giữa lòng bàn tay và cán bút là khoảng trống có thể đặt vừa khít một quả trứng.

Hình 34. Cầm bút

¹ Seiza: tư thế ngồi với toàn thân đặt trên hai chân xếp gập lại.

Giữ ngòi bút bằng toàn thân của mình, không phải chỉ bằng các ngón tay. Sau khi nhúng bút vào mực, hít vào như thể đang nuốt trọn cả đất trời, đồng thời từ từ nâng ngòi bút lên; ngay khi hơi thở vào đã tròn, thì cánh tay cầm bút phải duỗi ra hết mức. Khoảnh khắc này gọi là hỗn độ khai cơ (konton kaiki). Thở ra rất chậm, đưa ngòi bút xuống tự nhiên như thể sương mù đang phủ xuống, rồi hạ bút trên góc trái của tờ giấy. Tay trái phải đặt vững chãi trên sàn nhà để làm điểm tựa.

Vẽ nhất tự bồng (Mujibō)

Với sự tập trung cao độ toàn thân tâm, hạ bút xuống cách phía dưới mép trái tờ giấy vài phân. Di chuyển nhẹ nhàng ngòi bút lên phía trên góc kia của tờ giấy, rồi đảo ngược lên phía góc phải. Tiếp tục thở ra chậm chậm, di chuyển ngòi bút ngang qua trang giấy như thể một tảng đá nặng dính liền với ngòi bút bằng một sợi dây. Nghiêng mình về phía trước để kéo ngòi bút đến góc đối diện rồi tự nhiên nhắc ngòi bút khỏi trang giấy mà không phá vỡ dòng chảy của khí. Trong võ thuật, động tác cuối cùng này gọi là *tàn tâm*,¹ có thể dịch là “không mất định lực”. Rồi nhanh nhẹn trở lại tư thế ban đầu

Bất cứ điều gì hiện hữu trong tâm hành giả đều hiển hiện trong *nhất tự bồng*. Trừ phi có sự hiển mình toàn bộ và thực tập chân chính, đường nét chân thật sẽ không bao giờ xuất hiện trên trang giấy. Một *nhất tự bồng* giống như một nhất kiếm định đoạt mạng sống

¹ zanshin

trong trận đấu chung cuộc; nó tách vũ trụ thành hai mảnh. Như Hagakure, một võ sĩ thời xưa từng nói: “*Làm võ tan tờ giấy bằng ngòi bút khi viết.*” Nếu có điều gì còn ngập ngừng do dự thì đó không thể là *nhất tự bồng*. Thời xưa, một bậc thầy từ chối thâu nhận bất kỳ ai chưa ướm sững mồ hôi khi tập viết nhất tự bồng.

Vì tính chất tối hậu của nó, mà chỉ một nét nhất tự bồng có thể phải viết trong suốt một khoá học. Sau khi tập phương pháp viết nhất tự bồng vòng tròn và các chữ khác có thể dùng làm bài tập qua các thư pháp thiền nổi tiếng như là kiểu mẫu. Các khoá học luôn luôn kết thúc bằng lễ bái.

Minh họa – Thực hiện một bức thư pháp



1. Tĩnh tọa



2. Lễ bái



3. Cầm bút



4. Giương bút



5. Hạ bút



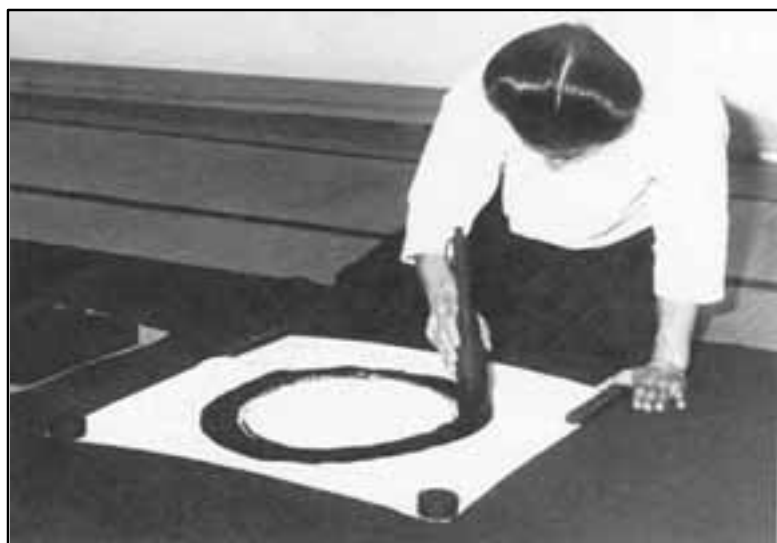
6. Đưa bút - 1



7. Đưa bút - 2



8 Đưa bút - 3



9. Viên tướng



10. Thư pháp

CHƯƠNG 4

TIỂU SỬ CÁC NGHỆ SĨ THIỀN

1. TÔNG PHONG DIỆU SIÊU 宗 峰 妙 超 - Shūho Myōchō (Daitō Kokushi - Đại Đăng Quốc Sư) (1282-1337)

Sinh ở Harima, Daitō ban đầu nghiên cứu triết lý tông Thiên Thai; thấy không thể thâm nhập Phật giáo qua trí năng, sư chuyển sang thiền tông. Trở thành đệ tử của Nam Phố Thiệu Minh (Nampo, tức Đại Ứng Quốc sư - Daiō Kokushi), người đã sang Trung Hoa học với thiền sư Hư Đường Trí Ngu (Kidō Chigu). Daitō theo thầy đến chùa Kenchōji ở Kamakura. Sau khi ấn chứng truyền thừa pháp hệ Hư Đường (Kidō) cho Daitō, Nam Phố khuyên người đệ tử 27 tuổi của mình nên trưởng dưỡng công phu trong 20 năm trước khi ra dạy người. Daitō đi đến Kyoto, sư sống nơi ẩn cư Ungo một thời gian, trà trộn với kẻ hành khất dưới chân cầu Gojō buổi sáng và tọa thiền ban đêm. Khoảng năm 1315, Daitō chuyển đến Murasakino, gọi là vùng Daitokuan; dần dần Daitokuan phát triển thành Daitokuji (Đại Đức tự), một trong những quần thể đại tự ở Nhật Bản.

Daitō là người được Thiên hoàng Hanazona và Thiên hoàng Godaigo mến chuộng. Có lần sư giảng pháp cho Thiên hoàng Hanazona: “Vì Phật tánh của chúng ta vốn bình đẳng, hãy miễn trừ các nghi thức và nên cùng ngồi ngang nhau”. Daitō kết thúc một cuộc tranh biện quan trọng với đại diện các tông phái Phật giáo khác theo cách như sau: Một vị trú trì thuộc tông Thiên Thai bước lên phía trước với một cái khay và tuyên bố: “Cái khay này chứa trọn cả vũ trụ”. Daitō lấy gậy đập tan cái khay và

hỏi: “Chuyện gì sẽ xảy ra khi vũ trụ ấy tan hoại?”

Hồi tưởng lại lời khuyên của thầy, Daitō lại cho Kanzan, đệ tử có năng lực nhất của mình, sống như một người chăn bò suốt 20 năm. Cuốn Di Giới (Yuikai) của sư ngày nay vẫn còn được đọc tụng trong các thiền viện Lâm Tế. Nội dung sách này có thể tóm tắt là: “Hãy làm việc chăm chỉ và tỉnh thức!”

2 NHẤT HỮU TÔNG THUẦN 一休宗純 – Ikkyū Sojun (1394-1481)

Ikkyū là con không hợp pháp của hoàng đế Gokomatsu, mẹ là một thể nữ, bị ép buộc phải rời hoàng cung khi mang thai sư. Sau này, Ikkyū được người cha làm lành, tương truyền là có vài cơ hội để sư được kế vị ngôi vua. Lên 5 tuổi, Ikkyū được gửi đến thiền viện Ankokuji làm một chú điếu nhỏ. Thông minh xuất chúng, Ikkyū nhanh chóng thông thạo phần cơ bản Hán tự, thư pháp, hội họa và âm nhạc. Về cư ngụ ở chùa Kennji, Ikkyū sống với ẩn sĩ độc cư Kenō; khi vị thầy quy tịch vào năm 1414, Ikkyū lại quá thất vọng, phải tự mình hết sức vượt qua tình thế này.

Trong lúc cùng đường, Ikkyū thỉnh cầu Kasō (Hoa Tẩu Tông Đàm), một vị tăng nổi tiếng nghiêm khắc, nhận mình làm đệ tử. Sau một thời gian dài nỗ lực để chứng tỏ mình xứng đáng, Ikkyū được nhận vào ngôi chùa hết sức nghèo của Kasō. Ở đó, sư quen ngôi thiền qua đêm trong thuyền trên hồ Biwa. Năm 1420, sư ngộ đạo nhân khi nghe tiếng quạ kêu. Khi thầy Kasō trao vật ấn khả, Ikkyū ném xuống đất – sư không cần ai ấn chứng cho kinh

nghiệm giác ngộ của mình.

Trong những năm cuối đời, Ikkyū có biệt danh “Cuồng Vân”. Sư đả phá “thiền cuồng” của những vị “tăng giả danh” sống một đời “*phóng túng trong các quán rượu, hàng thịt, nhà chứa*”. Chẳng tự cao tự đại gì trong mục đích dẹp bỏ sự phân cách giữa ý niệm thiêng liêng và phàm trần, Ikkyū có nhiều người yêu, có một đứa con và làm rất nhiều thơ tình.

Nỗ lực phục hưng lại giáo pháp của Lâm Tế “chân nhân”, Ikkyū đi khắp nơi trong chiếc áo rách tả tơi và đôi giày cỏ, khước từ tham dự những nghi lễ tốn kém và nhiều chi tiết rườm rà.

Mặc dù sư chấn ngán đường lối của chùa Daitokuji, ngôi chùa của mẹ sư, nhưng Ikkyū vẫn bị hoàng đế Gotsuchimikado thuyết phục đảm nhiệm vai trò trú trì và trùng tu toàn thể công trình đã bị phá hủy trong những cuộc chiến tranh Onin, cho dù lúc ấy Ikkyū đã 80 tuổi. Ikkyū cảm thấy mình không thể từ chối lời cầu thỉnh ấy, và mãn nguyện khi thấy dự án được hoàn thành trước khi viên tịch vào năm 87 tuổi.

Đích thật là một thiên tài, ảnh hưởng của Ikkyū trong sự phát triển mọi sắc thái văn hóa thiền – thư pháp, hội họa, thi ca, trà đạo, cắm hoa, kịch *Noh*, vườn cảnh... là không sao kể hết được.

3 PHONG NGOẠI HUỆ HUẤN 風外蕙薰 – Fūgai Ekun (1568-1655)

Sinh ở Hiji-shio, một ngôi làng thuộc vùng Kōzuke

(Gumma), sư xuất gia ở chùa Kansoji khi chưa tròn 10 tuổi. Sau đó, Fūgai được tu tập như 1 thiền sư tông Tào động tại Chogenji. Fūgai trải qua nhiều năm tham phương qua các vùng ngoại ô Odawara và Atami. Hình như sư không hề đi qua các vùng trung tâm thủ đô. Vào năm 50 tuổi, sư được thỉnh làm trú trì tu viện Seiganji ở Kanagawa, nhưng sau đó, không thích công việc quản lý phiên toái nên sư lánh về vùng núi. Trong suốt 20 năm cuối cùng của cuộc đời, Fūgai cư ngụ chủ yếu là ở Manazuru, gần Atami, ngoại trừ thời gian ngắn ngủi ở tại lâu đài Odawara theo yêu cầu của lãnh chúa vùng đó. Thấy rằng không có gì thú vị hơn cuộc sống trong tu viện, năm 83 tuổi sư lại lánh mình ở ẩn một lần nữa.

Khi không còn sống du phương, sư thích ẩn mình trong hang động, nên sư được mang biệt danh “Fūgai Hang Động”. Nếu hôm nào hết thức ăn, sư treo một bức tranh vẽ chân dung Bồ-đề Đạt-ma phía ngoài lối vào hang, dân làng thấy vậy liền mang gạo và rau đến đổi lấy tranh. Sư làm nản lòng những kẻ lăm chèo bằng cách mời họ dùng bữa trong chiếc bát bằng đất lâu. Vào những ngày cuối đời, Fūgai lại lên đường rong ruổi, sư đem hết số tiền mình có cho người đã giúp sư đào hang. Fūgai lại trở về, bước vào hang và ra đi trong tư thế đứng. Có rất ít chi tiết về tâm hồn tự tại này, một nghệ sĩ thiền sư siêu tuyệt.

4. THUYỀN BẢN CHÁNH TAM 鈴木正三 - Suzuki Shōsan (1579-1655)

Shōsan là dân xứ Mikawa (Aichi), làng ông gần lâu

đài Okazaki, nơi sinh của Ieyasu, người sáng lập dòng Tướng quân Đức Xuyên (Tokugawa). Khi lên 12 tuổi, ông gia nhập quân đội của Đức Xuyên, sau đó được biệt phái sang mặt trận Sekigahara và chiến dịch hè-đông chiếm thành Osaka. Trong kỳ nghỉ phép, Shōsan nghiên cứu Phật pháp, tập thiền và viếng thăm nhiều thiền sư. Năm 1620, lúc 42 tuổi, Shōsan từ chức rồi xuất gia. Ông làm tăng hành cước và sống đúng giới luật trong một thời gian dài, sau bị bệnh vì theo đuổi lối tu khổ hạnh, rồi được hồi phục và lập nơi ẩn cư Sekihei trong vùng núi gần Okazaki. Sau đó không lâu, một ngôi chùa tên Onshinji được dựng lên ở đó.

Pháp tu của Shōsan được diễn tả như là *Ni Zen* – một tinh thần sung mãn tấn công vào những phiền tạp của đời sống với sự dũng mãnh của một võ sĩ. Cương nghị, thực tế, Shōsan kéo gần lại sự cách biệt giữa tăng sĩ và cư sĩ, và không thích những gì vô ích, ít thiết thực cho kinh nghiệm giác ngộ “*giác ngộ mà không phải giác ngộ mới là giác ngộ*”.

Shōsan cùng với Bàn Khuê (Bankei) và Shidō đã tách khỏi dạng thiền hình thức thời đại ấy, dùng ngôn ngữ đơn giản và thẳng tắt nhấn mạnh vào sự thực hành Phật pháp trong đời sống hàng ngày.

5. CUNG BẢN NHĨ TÀNG 宮本耳藏 - Miyamoto Musashi (1584-1645)

Được biết Musashi sinh ở làng Miyamoto, nhưng có

vài sự nhầm lẫn về địa danh Miyamoto này; không rõ quê của Musashi là ở vùng Harima (Hyōgo) hay thuộc vùng Mimasaka (Okayama). Phả hệ chính xác của ông cũng không được rõ ràng. Dù sao đi nữa, Musashi đã được sinh trưởng trong một gia đình võ sĩ đạo, nghĩa là trong thời buổi khắc nghiệt, chỉ biết học cách chém giết – ông đã giết một đối thủ khi ông chỉ mới 13 tuổi. Một gương mặt non nớt, hầu như hoang dã với đầu tóc và quần áo tơi tả, Musashi đã chiến thắng hơn 60 địch thủ.

Đến khi 30 tuổi, Musashi nhận ra rằng dù mình không thua trong bất kỳ trận đấu nào, thì mình vẫn không thật sự hiểu được kiếm đạo là gì; nhân đó, từ bỏ việc đánh nhau để hiến mình trong công phu nghiên cứu và thực hành kiếm đạo. Gần cuối đời, Musashi sống ở lâu đài Kumamoto vùng Kyūshū như một người khách của Hosokawa Chūri, rồi ẩn mình trong một hang động gọi là Reigendō. Ở đó, trước khi lìa đời, Musashi cô đọng hết suy nghĩ của mình thành “phương pháp chiến lược” trong tác phẩm *Gorin no sho* (Book of Five Rings).

Là một kiếm sĩ võ song một nhà điêu khắc tài ba, một họa sĩ vẽ mực nước nổi tiếng, một nhà thư pháp tuyệt luân, một thợ thủ công điêu luyện, và cũng là một nhà thơ, nhà sáng tác, Musashi là một nghệ sĩ kiếm thuật vĩ đại nhất của Nhật Bản.

6 CHỈ ĐẠO VÔ NAN 至道無難 – Shidō Munan (1603-1676)

Thân phụ của Shidō điều hành một lữ quán ở Sekigahara (Gifu) trên trục đường Tokaidō. Khi còn trẻ

Shidō chú tâm sâu sắc vào Phật học và muốn trở thành tăng sĩ, nhưng ông phải kế thừa gia nghiệp. Ngẫu nhiên, thiền sư Ngu Đường Đông Thật (Gūdo) là một người bảo trợ thường xuyên cho lữ quán và Shidō được tham học với thiền sư với tư cách một cư sĩ. Đến 50 tuổi, Shidō từ bỏ mọi ràng buộc của thế gian và xuất gia. Sau những chuyến hành cước, sư trụ ở Tōhokuan (sau gọi là Shidōan), quận Azabu thuộc Edo. Là một bậc thầy nghiêm khắc, Shidō chỉ ấn khả cho một đệ tử – Shōju Etan, một trong các vị thầy của Bạch Ẩn.

Cũng như Bàn Khuê và Tướng Sơn (Shōsan), Shidō chống đối việc quá chú trọng đến hình thức công phu thiền và dựa vào chữ Hán; nên các tác phẩm của sư đều viết bằng tiếng Nhật thông dụng. Shidō thường khuyến khích môn đệ phải nhận ra bản tâm – tâm mình là Phật, vốn thanh tịnh và vô ngại.

Shidō đặc biệt sở trường về mẫu tự tiếng Nhật, thư pháp của sư đơn giản, tươi mát và trực tiếp.

7. NHẤT TI VĂN THỦ 一絲文守 – Isshi Monju (1608-1646)

Isshi là con một dòng họ quý tộc ở Kyoto và có bà con xa với thiền sư nổi tiếng Đạo Nguyên (Dōgen). Isshi làm việc như một viên chức tòa án một thời gian ngắn rồi từ chức năm 19 tuổi để theo học thiền với thầy Takuan ở chùa Nanshūji tại Sakai. Isshi đi theo thầy Takuan trong năm đầu tiên thầy bị lưu đày tại Dewa (Yamagata), sau đó trở về Kyoto. Isshi ngộ đạo nhân khi đọc một đoạn văn trong Đại Huệ Ngữ Lục, và được ấn chứng bởi thiền sư Gūdo ở chùa Myōshinji. Sư thường thay đổi nơi cư trú từ thành phố rồi đến ẩn cư trong vùng núi. Isshi nổi tiếng như một giáo thọ sư, trú trì chùa Reigenji rồi chùa Eigenji theo lời thỉnh cầu của hoàng đế Gomizuno-o. Không may, sức khỏe Isshi không được tốt nên viên tịch rất sớm vào năm 39 tuổi.

Là một thiền sư mẫu mực, Isshi tuyệt đối nghiêm trì giới luật suốt đời tu của mình. Sư rất thần thiết với nhiều nghệ sĩ nổi tiếng đương thời, như Shōkadō Shōjō và Kōbori Enshū. Một cách nghiêm túc, sư là một trong những nghệ sĩ tài ba nhất, bức tranh Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và bức tranh Bồ-đề Đạt-ma của Isshi gây ấn tượng rất đặc biệt.

8. BÀN KHUÊ VĨNH TRÁC (盤珪永詠 – Bankei Eitaku) (1622- 1693)

Sinh ở Harima (Hyōgo), Bankei học tập Nho giáo lúc còn trẻ và đặc biệt bối rối khi đọc câu này trong Luận ngữ: “*Đại học chi đạo tại minh minh đức*” (大學之道在明明德). Không hiểu nổi ý nghĩa của *minh minh đức*, Bankei xuất gia với 1 thiền sư vào năm 17 tuổi; 9 năm sau ý nghĩa của câu trên mới được sáng tỏ trong tâm. Sau đó, Bankei hiến mình trong việc đi khắp nơi để dạy đạo và kiến lập tự viện, ngôi chùa chính là Ryūmonji ở làng quê của sư và chùa Kōrinji ở Edo (Tokyo). Vào năm 1672, sư nhanh chóng được cử trú trì chùa Myōshinji, là 1 trong các trung tâm lớn nhất thuộc dòng thiền Lâm Tế.

Như các thiền sư đương thời Shosan và Shido, Bankei tránh dùng những công án của thiền Trung Hoa và những thuật ngữ trong lúc dạy thiền. Trong các pháp thoại, sư dùng ngôn ngữ đơn giản từ sinh hoạt hằng ngày, dễ tiếp nhận cho mọi căn cơ và các trường phái khác nhau. Bankei từ chối lối dụng công quá mức khi ngồi thiền và mọi biểu hiện thô cứng của thiền, nhấn mạnh nhiều hơn vào thể tính bất sinh, thanh tịnh tuyệt đối của Phật tánh vốn có trong tâm mỗi chúng sinh. Sư dạy các môn đệ: “*Hãy an trú trong Phật tâm bất sinh. Đó là điều thiết yếu nhất. Nếu ngồi thiền trong Phật tánh bất sinh, có nghĩa là luôn luôn tọa thiền, bất luận đang làm việc gì.*”

Thiền Bất sinh của Bankei đối chọi hẳn với thiền công án dữ dội của Bạch Ẩn (Hakuin). Trong 300 năm,

phương pháp truyền thụ của Bạch Ẩn chiếm ưu thế trong dòng thiền Lâm Tế, nhưng D. T. Suzuki cũng đã giới thiệu khá nhiều về pháp thiền Bất sinh của một bậc thầy Nhật Bản được ông kính trọng cho hành giả thiền trong thế kỷ 20.

9. BẠCH ẨN HUỆ HẠC 白隱慧鶴 – Hakuin Ekaku (1685-1768)

Sinh ở Hara, gần núi Phú Sĩ, khi còn bé ngài khiếp sợ cảnh kinh hoàng ở địa ngục qua một bài kinh nên quyết định xuất gia. Vào năm 15 tuổi, xuất gia tại chùa Shōinji, một thiền viện ở địa phương, ngay sau đó sư bắt đầu một thời kỳ tu tập mãnh liệt và đi tham vấn, sư thường quên cả ăn và ngủ.

Vào năm 23 tuổi, sư đạt được kinh nghiệm chứng ngộ đầu tiên, nhưng sự triệt ngộ của sư phải nhờ đến cây gậy của thầy Shōju và nhất chổi giạn dữ từ bà vợ của thầy. Shōju thường dùng gậy đánh cho tới tả tính tự phụ chứng ngộ của Bạch Ẩn, và cây chổi của người đàn bà quét vào đầu của vị nạt tăng để “mở mắt” cho ông ta sau khi đã ý thức rõ tập khí của mình.

Bạch Ẩn là một thiền sư dễ xúc cảm khác thường. Thời trước, hoặc là sư ở trong trạng thái chứng ngộ xuất thần, hoặc là ở trong tình trạng đau khổ tột cùng do suy nhược thần kinh. Sư gần bỏ mạng vì một cơn “thiền bệnh” – cả lao phổi và thần kinh – trước khi tự chữa trị bằng “liệu pháp bản tâm”.

Năm 1717, bắt đầu được cử trú trì chùa Myoshinji,

nhưng chẳng bao lâu sư lại từ chối để trở về thường trú tại thiền viện địa phương Shōinji. Ở đó sư bắt đầu nỗ lực tạo sinh khí mới và ổn định lại công phu tu tập của thiền Lâm Tế, đề ra một hệ thống công án tinh vi phải tham cứu và tính chất thiết yếu của *kiến tánh*.¹ Khi sự năng động của vị sư nổi tiếng này lan xa, một số đông đảo khác thường gồm các tăng sĩ lợi căn được thu hút về thiền viện Shōinji. Mặc dù Bạch Ẩn rất nghiêm khắc với các đệ tử xuất gia, nhưng sư lại rất thông cảm và yêu mến giới cư sĩ.

Bạch Ẩn không thật sự vẽ cho đến năm 60 tuổi, nhưng sư đã cho ra đời một loạt tác phẩm đồ sộ và đa dạng về các đề tài – Hiến tông và Mật tông Phật giáo, Thần đạo, Khổng giáo, Lão giáo, dân gian, được học, y học... Sư dùng nhiều bút pháp, nhưng đặc biệt sự nhuần nhuyễn trong nét vẽ *vô tự quan*² của sư là vô song Bên cạnh thư pháp và hội họa, sư còn biên soạn nhiều sách, làm thơ và sáng tác nhạc.

10. TOẠI ÔNG NGUYỄN LƯ 遂翁元廬 – Suiō Genro (1717-1789)

Không biết được gì nhiều về nghề nghiệp trước đây của Suiō, người ta cho rằng ông xuất thân từ Shimotsuke (Tochigi), có lẽ là con bất hợp pháp của một lãnh chúa, và

¹ Kiến tánh (見性, tiếng Nhật:kensho): nhận ra bản tánh của chính mình.

² Vô tự quan (無字關, tiếng Nhật: ichijikan): Tác phẩm có bố cục chỉ một nét.

là một kẻ nghiện rượu, mê gái. Ngay sau khi trở thành đệ tử của Bạch Ẩn vào tuổi 30, Suiō chẳng thèm đọc kinh và toạ thiền, ông chỉ đến chùa Shōinji để nghe Bạch Ẩn giảng pháp, ông biến ngay khi Bạch Ẩn kết thúc thời pháp, chẳng bận tâm đến việc tham vấn với thầy. Đòi khi Bạch Ẩn phái thị giả của mình đến thăm Suiō; Suiō thật tình bảo họ: “Đừng đến thăm tôi, tôi sẽ đến thăm các bạn”.

Những gì Suiō làm hằng ngày là chơi *go*, uống rượu *sake*, và hơn hết, là thư pháp thiền. Mặc dù Suiō không thích sống trong tự viện và bất chấp giới luật cũng như thanh quy, nhưng Bạch Ẩn đánh giá cao về năng lực thiền của Suiō và chỉ định sư làm người kế vị mình ở chùa Shōinji. Ban đầu, hàng cư sĩ thật khó hiểu nổi tính kỳ cục của sư, cho nên phần nhiều họ không đến với Tōrei hoặc các đệ tử kế thừa khác của Bạch Ẩn nữa. Tuy vậy, về sau, Suiō có hơn 100 đệ tử tu tập dưới sự hướng dẫn của mình.

Mặc dù Suiō để lại rất nhiều tác phẩm thiền họa tuyệt vời, không có gì phải ngạc nhiên là chẳng lưu lại một pháp ngữ, bài giảng hoặc chuyên luận nào của sư.

11. TỬ VÂN ẨM QUANG 慈雲飲光 – Jiun Onkō (1718-1804)

Jiun sinh trong một gia đình võ sĩ đạo gần Osaka. Cha mất lúc còn nhỏ tuổi, Jiun được đưa vào nuôi dạy trong một ngôi đền Thần giáo. Khi lên 18 tuổi, Jiun đến Kyoto để học Tiếng Hán cổ; về sau, đôi khi Jiun sống trong một thiền viện ở Shimano.

Năm 1749, Jiun sáng lập Luật tông (Shōbōritsu), căn cứ vào giới luật của tăng sĩ Phật giáo. Chín năm sau, sư lập một nơi ẩn cư tên gọi Sōryūan trên núi Ikoma và bắt đầu nghiên cứu hệ thống tiếng Phạn (Sanskrit), sưu tập và sao chép lại mọi mẫu tự Tất-đàn (Siddham) thông dụng. Năm 1798, sư tiếp quản tu viện bị bỏ quên Kōkiji ở Kawachi, lập tu viện ấy thành trung tâm hệ phái của mình. Tiếp tục sự nghiệp dạy học, sáng tác, nghiên cứu cho đến khi qua đời, Jiun cũng sáng lập phái Thần đạo Unden, có giáo lý chủ trương sự đồng nhất thể tính của Mật tông Phật giáo và Thần đạo.

Jiun có quan niệm chiết trung, phối hợp nhiều yếu tố trong thư pháp và họa phẩm của mình, mặc dù đường nét thoát nhìn có vẻ như thô cứng và vụng về, nhưng chúng thật sự tinh khiết và không hề bị vướng bận dấu vết phạm tình. Jiun rất thích dùng ngòi bút bằng lau sậy khô để vẽ tranh, và thích tạo nên những nét mạnh, đồ sộ. Giản dị, trực tiếp, và mãnh liệt, tác phẩm của Jiun là sự hòa quyện của Mật tông Phật giáo, Thần đạo tự nhiên và thiền giác ngộ.

12. ĐÔNG LÃNH VIÊN TỬ 東嶺圓慈 – Tōrei Enji (1721-1792)

Tōrei sinh trong một gia đình thương gia ở Kōshū (Shiga). Khi lên 5 tuổi, có thiên sư nổi tiếng Cổ Nguyệt Thiên Tài (Kōgetsu) đến lưu trú trong nhà, Tōrei rất cảm kích nên quyết định xuất gia. Cha mẹ đều phản đối, nhưng cuối cùng cũng đồng ý, và Tōrei được xuất gia vào năm 9 tuổi. Thời niên thiếu, sư tu tập với Cổ Nguyệt

Thiền Tài ở Kyūshū, chuyển đến Kyoto và gặp Bạch Ẩn. Khi Tōrei 21 tuổi thì trải qua một giai đoạn tu tập gay go nhất với vị sư phụ này. Năm 1748, Tōrei mắc bệnh nặng, tâm thức lơ lửng như gần chết; khi hồi phục, sư trình cho Bạch Ẩn cái thấy mà mình đạt được từ kinh nghiệm ấy, và sau đó không lâu, sư nhận được ấn khả. Tōrei phụ giúp trùng tu chùa Muryōji, và được cử trú trì chùa Ryūtakuji sau khi Bạch Ẩn viên tịch năm 1768. Tōrei trụ ở đó 20 năm, và viên tịch ở chùa Reisenji, gần quê quán của sư.

Không như một đệ tử nổi pháp khác của Bạch Ẩn là Toại Ông Nguyên Lưu (Suō), Tōrei có cá tính rất tỉ mỉ và căng thẳng. Cũng như Bạch Ẩn có lần nói: “Đứa trẻ được nuôi dạy chỉ bằng một thứ dưỡng chất thì khi trưởng thành sẽ trở nên yếu đuối.” Tōrei đạt được kiến thức thâm thúy từ Thần đạo và tư tưởng Nho gia, và còn một cái gì đó sâu thẳm, hầu như là bí ẩn, trong lãnh vực nghệ thuật của sư.

13. LINH NGUYÊN TỬ ĐIỆU 靈源慈鈿 - Reigen Etō (1721-1785)

Reigen sinh ở quận Tango gần Kyoto, xuất gia tại chùa Zenshōji. Trong một cuộc hành cước, sư gặp được Bạch Ẩn, và trở thành đệ tử nhiệt thành nhất của vị thiền sư này. Nhận vị bổn sư của mình viên tịch, sư trở về lại chùa Zenshōji, sau đó sống ẩn cư trong vùng núi Kumano. Nghe tin Bạch Ẩn đang giảng pháp trong vùng, Reigen đi theo và sau vài năm sư đã đạt được ấn chứng. Reigen được cử trú trì ngôi chùa Zenshōji quê hương của sư vào năm 1766, năm sau sư được thỉnh lập một thiền

đường ở Tenryūji thuộc vùng Kyoto, như vậy sư trở thành đệ tử trực tiếp đầu tiên của Bạch Ẩn giữ chức vị trong một thiền viện chính. Reigen làm trú trì nhiều chùa khác và viên tịch ở Kiyoharadera.

14. THÀNH CHUYẾT CHÂU XU 誠拙周擣 - Seisetsu Shūcho (1745-1820)

Seisetsu sinh trưởng ở Shikoku, xuất gia khi lên 7 tuổi. Theo truyền thống, sư trở thành một vị tăng hành cước khi đến tuổi thanh niên. Seisetsu nhập vào tăng chúng của thiền sư Nguyệt Thuyền (Gessen), sau đó, sư được ấn khả từ vị thầy này. Năm 1787, Seisetsu được mời đến chùa Engakuji ở Kamakura. Do đó, sư chuyển từ phái Myōshinji sang phái Engakuji; sư là trú trì thiền đường tại đó trong 28 năm. Seisetsu có hàng trăm đệ tử, vài đệ tử nổi pháp của sư có được những vị trí uy tín trong giáo hội.

Là một con người trí thức với nhiều tài năng và rất thân thiện, Seisetsu là một nghệ sĩ tuyệt luân trong ba môn nghệ thuật: thi ca, thư pháp và hội họa.

15. TIÊN NHAI NGHĨA PHẠM 仙崖義梵 – Sengai Gibon (1750-1837)

Sengai, đối thủ chính của Bạch Ẩn, như một nghệ sĩ thiền vĩ đại, sinh trưởng trong một gia đình nông dân ở Minō (Gifu). Xuất gia vào lúc 11 tuổi, và làm tăng hành cước khi 19 tuổi, Sengai làm đệ tử thiền sư Nguyệt Thuyền (Gessen) trong 13 năm rồi đi tham phương sau khi thấy mình viên tịch. Nghe lời khuyên của một pháp huynh, sư đến Hataka ở vùng Kyūshū, sau đó được cử trú trì chùa Shōfukuji, đứng hàng đầu trong các thiền đường ở Nhật Bản. Suốt 20 năm trong chức vụ ấy, Sengai khước từ từ tử y¹ được ban tặng, chỉ thích chiếc y màu đen bình thường. Vào năm 61 tuổi, sư giao nhiệm vụ cho đệ tử nối pháp và lui về ẩn cư ở Kyohaku.

Khi đã tự do đối với trách nhiệm chính thức, hàng ngày Sengai dành sự nghỉ ngơi trong sự hoà hợp đầy sáng tạo với thiên nhiên. Dân địa phương rất quý mến Sengai, họ thường đến nơi sư ở để mong được tặng một mẫu thư pháp hoặc tranh của sư. Hiếm khi sư từ chối những yêu cầu này – mặc dù có một lần bán khoán vì dòng thác cuộn cuộn của khách hiếu kỳ kéo đến, sư nhó đầu ra khỏi cửa và thông báo: “*Hôm nay Sengai đi vắng*” Sengai tặng riêng cho mỗi người một bức thư pháp minh họa những ý tưởng về giáo lý thiền. Đáng ngạc nhiên vô cùng và thật hài hước, các tác phẩm của Sengai cực kỳ trong sáng và tươi mát, rất sâu thẳm, nhưng không nặng

¹ Y màu tía, được triều đình ban tặng để tỏ lòng kính ngưỡng.

nề như một số thư pháp của Bạch Ẩn. Sengai viết dòng này trên một bức tranh của mình:

*Trò chơi của tôi với bút và mực
Chẳng thư pháp, chẳng hội họa;
Thế nhưng người đời nghĩ,
Đây thư pháp, đây hội họa.*

16. ẨN SƠN DUY ĐIỂM 隱山惟瑛 – Inzan Ien (Yuien) (1751- 1814)

Là con một tu sĩ thuộc Thần đạo (Shintō), Inzan sinh trưởng ở Echizen (Fukui), xuất gia làm thiền sinh vào lúc 9 tuổi. Sư tham học với các thầy Rōzan, Gessen, và sau cùng với Gasan (Nga Sơn) (một trong những vị kế thừa dòng pháp của Bạch Ẩn), trở thành thị giả và là đệ tử lớn của thầy. Sau khi được Nga Sơn ấn khả, Inzan đến chùa Kensji ở Higashiura, ở đây Inzan đã có một số đồng đệ tử đáng kể, mọi người vẫn tìm gặp sư ngay cả trong khi nhập thất ở Shikadani. Năm 50 tuổi, sư được thỉnh để giúp phục hưng Zuiryōji (Gumma).

Hầu hết các phái truyền thừa từ dòng thiền Lâm Tế ngày nay đều xuất phát hoặc từ Inzan hoặc từ Takujū, 2 vị đệ tử kiệt xuất của Nga Sơn. Người ta cho rằng hương vị thiền Inzan là uyển chuyển và phóng khoáng; thiền Takujū thì đánh mạnh vào cách ứng xử riêng của từng người và chú ý đến chi tiết hơn.

Inzan sáng tác nhiều thư pháp, thỉnh thoảng vẽ viên tương gậy thiền, và chân dung Bồ-đề Đạt-ma.

17. XUÂN TÙNG THIỆU CHÂU 春叢紹珠 – Shunsō Shōju (1751-1839)

Shunsō sinh ở Bungo (Ōita), xuất gia năm 11 tuổi, tham học với các thiền sư Razan, Eiken, Daikyu, Reigen, và cuối cùng với Sūio, ở đây sư nhận được ấn khả. Vào năm 35 tuổi, Shunsō được cử trú trì tu viện Jikōji ở Awa, và năm 1814, được thỉnh về chùa Myōshinji, ở đó sư được ban tặng tứ y. Shunsō cùng góp sức với tu viện Empukudō trong nhiều năm, đào tạo rất nhiều tăng sĩ. Mặc dù Shunsō sáng tác nhiều thư pháp thiền trong suốt cuộc đời dài 89 năm của sư, nhưng dường như chúng có vẻ thiếu tinh lực và sinh khí của những tác phẩm tạo bởi những nghệ sĩ khác trong trường phái Bạch Ẩn.

18. BÌNH SƠN TỬ LONG 平山子龍 – Hirayama Shiryū (Gozo) (1759-1828)

Mặc dù Shiryū sinh ở Edo, nhưng ông không có một sự liên quan chính thức với thiền tông hoặc các sinh hoạt Phật giáo khác, cuộc sống của ông mộc mạc như mọi tăng sĩ. Dùng gạo lứt, tương *mi-sô*, rau củ và dưa muối để sống qua ngày, Shiryū ngủ nơi góc phòng làm việc của ông và không bao giờ dùng hơn một tấm mền, và không bao giờ có hơn một chiếc áo vải. Hằng ngày, Shiryū thức dậy vào lúc 4 giờ sáng, sau đó tắm bằng nước lạnh, tập vài thế võ trong vài giờ – ông nổi tiếng thành thạo 18 môn võ, bao gồm cả cưỡi ngựa. Rồi ông nghiên cứu Nho học cổ điển và võ thuật. Shiryū thích sống vì mọi người, nhưng ông không có duyên với phụ nữ – mẹ ông là người phụ nữ duy

nhất sống trong nhà ông.

Ngoài phong cách của một võ sĩ chính thống, Shiryū còn là một học giả thông thái. Ông viết chừng 500 chuyên luận về nhiều đề tài. Thư pháp của ông là sự mở rộng của công phu võ đạo – ông bật ra một tiếng hét kinh người ngay trước lúc cầm bút lên và vung mực tung tóe khắp phòng mỗi khi viết.

19. TRÁC CHÂU HỒ THIÊN 卓洲胡偏 – Takuju Kosen (1760-1833)

Sinh ở Owari (Aichi), Takuju xuất gia ở chùa Sokenji tại Nagoya. Cuộc hành cước đầu tiên bắt đầu khi sư 19 tuổi, và cuối cùng tìm cách nhập chúng của thiền sư Nga Sơn (Gasan). Takuju tận tụy làm thi giả thiền sư Nga Sơn trong 14 năm. Sau khi được ấn khả, Takuju trở thành trú trì chùa Sokenji vào năm 1790. Năm 1814, sư được cử trú trì chùa Myōshinji, và có vinh dự được trao tứ y. Takuju truyền dạy rất nhiều đệ tử, sư viên tịch trong tư thế kiết già năm 74 tuổi.

Hệ truyền thừa của tông Lâm Tế ngày nay hoặc là từ dòng Ấn Sơn (Inzan) hoặc là từ Takuju, khuynh hướng trong phong cách riêng về thiền được phản ánh qua nghệ thuật của họ. Ấn Sơn (Inzan) uyển chuyển và phóng khoáng, sư hầu như dùng mực đậm, nét lớn khi vẽ viên tướng và thiền tượng, còn Takuju nghiêm khắc và tỉ mỉ, chủ yếu vẽ chân dung Bồ-đề Đạt-ma bằng mực loãng gồm những nét nhuyễn và chi tiết. Tia nhìn trừng trừng của Bồ-đề Đạt-ma trong tranh của Takuju mang một ý tưởng mãnh liệt của nghị lực thâm hậu

20. THÁI NGUYÊN TỬ NGUYÊN 太元孜元 - Taigen Shigen (1768-1837)

Taigen sinh ở Bichu (Okayama), năm 13 tuổi, xuất gia ở chùa Sogenji gần Bizen. Nổi tiếng là vị tăng trẻ siêng năng, năm 20 tuổi, Taigen nhập chúng của thiền sư Inzan (Ẩn Sơn), trở thành đệ tử lớn và người nối pháp của thiền sư Inzan. Năm 35 tuổi, Taigen trở lại chùa Sogenji làm trú trì. Vào năm 61 tuổi, được cử làm trú trì chùa Myōshinji; 5 năm sau, sư hoàn toàn nghỉ ngơi và viên tịch năm 69 tuổi. Là một pháp sư tài ba, có đến khoảng 3000 người tham dự những buổi thuyết pháp của ngài.

21. TƯỢNG BẢO VĂN NHÃ 象貌文雅 - Zōhō Bunga (1779-1840)

Không biết nơi sinh của Zōhō ở đâu; sư xuất gia tại chùa Jurinji ở Shimotsuke lúc tuổi rất trẻ. Zōhō tu tập với thiền sư Gyō ở Shikoku một thời gian, cuối cùng được kế thừa dòng pháp của thầy. Sư trở lại chùa Jurinji làm trú trì vào năm 1815, tiếp theo, sư trú trì các chùa Kokuseji (Izu), chùa Jōkōji (Hitachi), và chùa Shōfukuji (Osaka). Sư viên tịch ở chùa Jurinji tại vùng Izumo sau khi cử hành một buổi lễ ở đó.

Tác phẩm của Zōhō rất hiếm, hầu hết là chân dung Bồ-đề Đạt-ma, *cintamani* (*magic jewel*) và một vài bức vẽ chân dung Quán Thế Âm.

22. NGHI SƠN THIÊN LAI 儀山善來 - Ginsan Zenrai (1802-1878)

Quê ở Wakasa (Fuku), tu học với thầy là Taigen; sau khi được thầy ấn khả¹ Ginsan trở thành trú trì tu viện Sogenji, nơi sư đã nhiệt tâm giáo hóa rất nhiều môn đệ. Năm 1860, sư chuyển đến Myoshinji, và vào năm 1872, sư được mời thành lập một trung tâm tu học tại chùa Daitokuji (Kyoto), và ngài chính là tăng sĩ đầu tiên thuộc dòng thiền Bạch Ẩn phụ trách giảng dạy chính thức tại ngôi chùa này. Từ đó, Ginsan có đệ tử trong khắp các hệ phái chính của tông Lâm Tế, sư có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển truyền thống thiền hiện đại.

Sở trường của Ginsan là bố cục thư pháp treo cuốn hoành tráng đặc biệt là viên tướng và gậy thiền.

23. NGHĨA ĐƯỜNG XƯƠNG THẠCH 義堂昌碩 - Gido Shoseki (1818-1868)

Nơi sinh và năm xuất gia của sư không ai biết. Tu học với thầy Gisan tại chùa Sōgenji và sau đó sư phục vụ như một vị trú trì nơi tu viện Rokuoin tại Tenryūji (Kyoto) trong nhiều năm. Luôn luôn an tịnh và nghiêm trang, sư giữ phong thái điềm tĩnh ngay cả khi Tenryūji bị hoả thiêu trong thời kỳ Minh Trị phục hưng. Cũng như thầy mình là Gisan, và có lẽ Gido sành sỏi hơn phần nào, sư thường vẽ viên tướng và thiền trượng.

¹ Ấn khả (印可) chính thức công nhận sự chứng ngộ và truyền thừa giáo pháp.

24. THẮNG HẢI CHU 勝海舟 – Katsu Kaishū (1823-1899)

Kaishū sinh trong một gia đình võ sĩ đạo phụng sự Tướng quân Đức Xuyên (Tokugawa Shogun). Mặc dù được nuôi dạy theo tinh thần truyền thống, nhưng Kaishū ham thích học thuật phương Tây, đặc biệt là khoa học quân sự và kỹ thuật. Ông vào Học viện Hải quân từ lúc mới thành lập, và vào năm 1860, ông chỉ huy một chiếc tàu đưa phái đoàn sĩ quan Nhật Bản đầu tiên sang Hoa Kỳ. Ông bị cầm tù một thời gian ngắn khi xáo trộn quanh việc sụp đổ của chế độ tướng quân, sau đó ông tiếp tục vai trò trung tâm chuyển giao quyền lực từ quân đội Đức Xuyên sang lực lượng Thiên hoàng. Kaishū nắm giữ nhiều chức vụ quan trọng trong quân đội Thiên hoàng, là Bộ trưởng Hải quân và Cố vấn Hội đồng Cơ mật.

Thắng Hải Chu, Cao Kiều Nê Chu (Deishū) và Thiết Chu (Tesshū) là ba “chu” (shū) của thời Bakumatsu (*Mạt chũ tam chu* 幕末之三舟 – Bakumatsu no Sanshū) đồng thành tựu trong các lãnh vực chính trị, võ thuật, thiên, thư pháp và hội họa.

25. CAO KIỀU NÊ CHU 高橋泥舟 – Takahashi Deishū (1835-1903)

Deishū là anh em rể với Tesshū, sinh trong dòng võ sĩ đạo Yamaoka, nhưng về sau kết hôn với gia đình Takahashi. Là người sử dụng giáo rất điêu luyện, ông dạy cho Tướng quân nghệ thuật ấy, ông cũng phục vụ như là người trợ thủ của Tướng quân ở quận Ise. Deishū là một

gương mặt chính trị quan trọng trong những ngày cuối cùng của thể chế tướng quân Đức Xuyên, nhưng ông rút lui khỏi đời sống chính trị sau khi Minh Trị phục hưng, và hiến mình cho thi ca, thư pháp và hội họa. *Kaisho* của Deishū, một dạng thư pháp khối, rất nổi tiếng.

26. SƠN CƯƠNG THIẾT CHU 山岡鐵舟 – Yaomaka Tesshū (1836-1888)

Tesshū thuở bé là Ono Tetsutaro, sinh trong một gia đình võ sĩ đạo ở Edo, trải qua thời thiên thiếu ở Takayama (Gifu). Ông biểu hiện tài năng về kiếm thuật và thư pháp khá sớm, và bắt đầu ngồi thiền lúc 13 tuổi. Năm 17 tuổi, Tesshū trở về Edo học kiếm thuật với kiếm sư nổi danh Chiba Shusaku, ông cũng đến phòng tập của Seizan tham dự lớp học nghệ thuật sử dụng giáo. Seizan bị chết đuối chẳng bao lâu sau khi Tesshū đến dự học; Tesshū kết hôn với em gái của thầy Seizan và trở nên thành viên của dòng tộc Yamaoka.

To lớn, mạnh mẽ, Tesshū là một kiếm sĩ hung hãn; một hôm, ông bị đánh bại bởi một người nhỏ con hơn là Asari Gimei và theo như thông lệ trở thành học trò của Asari. Nhưng điều ấy chẳng làm cho Tesshū khá hơn. Tesshū trình bày mối bận tâm của mình cho thiền sư Tekisui ở chùa Tenryūji, sư trao cho Tesshū công án Ngũ vị¹ của Động Sơn² để tham cứu.

Là một trong “tam chu” của thời đại Bakumatsu,

¹ Tiếng Nhật: *goi*

² Tiếng Nhật: *Tzan*

Tessh có hoạt động trong lãnh vực chính trị. Ông giúp thiết lập hòa bình khi giao lại thành Edo, phục vụ trong chính quyền Minh Trị Thiên hoàng như một sĩ quan ở vùng Shizuoka, Ibaragi và Imari, làm việc như một thư ký và cố vấn cho Thiên hoàng. Mặc dù với trách nhiệm nặng nề của một chính khách, Tesshū không lơ là việc toạ thiền. Vào trước ngày hết trách nhiệm của mình trong Hoàng gia, Tesshū lên đường đến chùa Ryūtakuji, cách nơi ông làm việc chừng 120 cây số. Suốt đêm đi ngựa và đi bộ, ông đến chùa lúc sáng sớm để thỉnh thị ý kiến thầy trụ trì rồi quay về liền.

Sau khi ngộ đạo vào năm 45 tuổi, Tesshū được ấn khả từ cả 2 thiền sư Asari và Tekisui, được công nhận là tổ thứ 52 của trường phái thư pháp Jubokudō do Hoàng Pháp Đại sư – Kōbō Daishi khai sáng. Sau khi lập trường phái Vô Đạo, Tesshū mở thiền đường Shimpukan ở Tokyo. Dù bị ung thư dạ dày vào 4 năm cuối cùng của đời mình, Tesshū không bao giờ bỏ công phu hành thiền mỗi ngày, và ông đã qua đời trong tư thế toạ thiền.

Là một con người năng động khác thường, không có gì là nửa vời đối với Tesshū. Trong thời kỳ thanh niên chơi bời phóng đảng, mục tiêu của ông là: “Uống cạn hết rượu sake và yêu hết các nàng kỹ nữ”; và thời kỳ trước khi ông chết, mục tiêu đó là: “Chép kinh cho 35 triệu người dân quê, mỗi người một trang kinh”. Tesshū có lẽ đã chép được 1 triệu trang kinh cả thầy: mỗi năm ông chép được 180.000 trang, trung bình 500 trang một ngày.

27. NAM THIÊN BỔNG 南天俸 – Nantembō (Tojū Zenchu) (1839-1925)

Nantembō sinh trưởng trong tầng lớp võ sĩ Shioda thuộc quận Saga. Sư mất mẹ năm lên 7 và được đưa vào tu viện Yukōji làm một chú đệ khi mới 11 tuổi. Sư rèn luyện ở nhiều trung tâm, cuối cùng được thầy Ranzan ở chùa Bairinji ấn chứng. Để đạt được những kinh nghiệm khác nhau từ Inzan-Takujū thuộc dòng thiền Lâm Tế, Nantembō đã tham vấn 24 bậc thầy kiệt xuất thời bấy giờ. Sau chuyến hành hương này, Nantembō được cử trú trì chùa Daijōji ở quận Yamaguchi. Sau vài năm, Nantembō chặt một khúc gậy từ cây nanten trong quận Ōita rồi làm một chuyến hành cước nữa, lần này để tiến hành cuộc pháp chiến với những vị đạo sư khác. Sau đó, sư dùng Nam thiên bổng của mình để dạy đệ tử.

Năm 1886, Nantembō mở một thiền đường ở Tokyo; các vị tướng lãnh nổi tiếng đã đến tập thiền ở đó. Năm 1891, sư trở thành trú trì chùa Zuiganji ở Matsushima, và năm 1902, trú trì chùa Kaiseiji ở gần Kobe. Nantembō có hơn 3000 môn đệ thiền, sư ấn khả cho 6 vị tăng và 24 vị cư sĩ. Sư để lại trên 100.000 tác phẩm nghệ thuật thiền.

28. KHUYẾN DƯỠNG MỘC ĐƯỜNG 犬養木堂 – Inukai Bokudō (Tsuyoshi) (1855-1931)

Chính khách Inukai Tsuyoshi sinh ở quận Okayama, khởi đầu sự nghiệp là một nhà báo. Ông hoạt động chính trị vào cuối thời Meiji, Taishō, và đầu thời Shōwa. Cuối cùng Inukai trở thành Thủ tướng, vị trí cao nhất vào năm

1931. Không may, ông bị ám sát 6 tháng sau bởi một nhóm sĩ quan thủy quân phản loạn.

Inukai rất thân với các nhà lãnh đạo các phong trào tự do ở châu Á như Kim Ok-kyan của Cao Ly, Tôn Dật Tiên của Trung Hoa, và R. B. Bose của Ấn Độ. Ông được công chúng ngưỡng mộ như một nhà hoạt động văn hóa, một chính khách liêm chính.

Suốt cuộc đời ông là nổi khao khát được làm một họa sĩ và nhà thư pháp – Bokudō là bút danh của ông. Các tác phẩm của Inukai được đánh giá rất cao.

29. SƠN BẢN HUYỀN PHONG 山本玄峰 - Yamamoto Gempō (1866-1961)

Gempō, thường được gọi là “*Bạch Ẩn của thế kỷ 20*”, bị bỏ rơi ngay sau khi sinh tại khu nghỉ mát suối nước nóng Yunomine ở Kishu (Kyushu). Được một người chủ đất giàu có phát hiện, cứu sống bằng cách nhỏ vài giọt rượu *sake* vào miệng. Về sau Gempō thường đùa rằng đây là lý do khiến ông nghiện rượu. Gempō được nuôi nấng như con trai của người chủ đất. Từ đó, Gempō dành thời gian thiếu niên của mình để phục vụ trong gia đình với công việc đốn gỗ và đóng bè. Vì mất hơi yếu, nên ông hầu như bị thất học khi trưởng thành. Khi lập gia đình năm 19 tuổi, bệnh mắt của Gempō bỗng trở nên nặng hơn, sau 4 năm điều trị tại một bệnh viện ở Tokyo, bác sĩ bảo rằng ông sẽ bị mù, không hy vọng phục hồi. Thất vọng, Gempō ly dị, khước từ mọi quyền thừa kế, thực hiện một cuộc hành hương đến 88 ngôi chùa ở vùng Shikoku, mong tìm thấy phép lạ.

Chân trần áo rách, Gempō trải qua quá trình gay go khắc nghiệt 6 lần trước khi ngã gục lần cuối tại ngôi chùa thứ 33, chùa Sekkiji, thuộc dòng thiền Lâm Tế, trong sự nỗ lực lần thứ 7, Gempō thưa với vị thiền sư đã cứu ông: “Con gần bị mù, con không biết đọc, con hoàn toàn ngu dốt. Con có thể xuất gia được chăng?” Thiền sư Yamamoto Taigen bảo ông ta: “Con sẽ học cách thấy bằng tâm.” Và nhận cho ông xuất gia. Lúc ấy Gempō đã 24 tuổi, tự rèn luyện tinh cần trong 13 năm tiếp theo tại nhiều trung tâm thiền khác nhau, nhân lực của sự tiến triển đôi chút và sư có thể tự học đọc viết. Vào năm 37 tuổi, trở về lại chùa Sekkiji kể vị trú trì sau khi thầy Taigen viên tịch, nhưng 5 năm sau, sư lại từ chức để tham học với thiền sư Sohan tại chùa Empukuji. Năm 49 tuổi, Gempō nhận được ấn khả từ thiền sư Sohan, và đến trùng hưng chùa Ryūtakuji, là ngôi chùa cổ của Bạch Ẩn đã suy tàn theo sự khắc nghiệt của thời gian. Gempō phụng sự như một vị tăng ở Mãn Châu (Manchuria) vào những năm 1930, và vào năm 1947, bảy giờ đã 82 tuổi, sư miễn cưỡng đảm nhiệm cương vị trú trì chùa Myōshinji.

Là người lập dị một cách sinh động, niềm say mê nhất của Gempō là rượu *sake* và hành hương chiêm bái (sư đã hành hương một vòng đến 88 ngôi chùa vùng Shikoku trong 17 lần); sư cố vấn cho nhiều bộ trưởng và thân thiện với mọi tầng lớp dân chúng – những nhà ái quốc cánh hữu, những chính trị gia cấp tiến cánh tả, các tướng quân, người ăn xin – và rất quan tâm đến phụ nữ. Năng động đến những ngày cuối cùng của tuổi 96, sư còn đi sang các nước Ấn Độ, Phi Châu, Âu Châu và Hoa Kỳ.

Vì thị lực yếu, nên các mẫu thư pháp của sư được thực

hiện với sự cẩn trọng tối đa. Đến năm 92 tuổi, sư nói: “Cuối cùng thì ta cũng nắm bắt được nó”.

30. GIA ĐĂNG CANH SƠN 加藤耕山 - Katō Kōzan (1876-1971)

Kōzan sinh ở Quận Aichi, lên 9 tuổi thì xuất gia trong một thiền viện của tông Tào Động. Sau khi tu học ở đây một thời gian, sư theo học với một thiền sư tông Lâm Tế là Shaku Sōen, người nổi tiếng khi trình bày về thiền Phật giáo trong Hội nghị Tôn giáo Thế giới họp tại Chicago năm 1893. Một tuần sau khi sư đến, Sōen bảo sư: “Con phải được kiến tánh”. Kōzan nghĩ: “Nếu đối với thiền điều ấy là tất cả, thì nó chẳng đáng giá bao nhiêu” Và sư khước từ việc công phu. Sau vài năm, nhân khi đọc tập Chánh Pháp Nhân Tạng Tùy Văn (Zuimonki) của Đạo Nguyên (Dōgen), sư quyết định dành cho thiền một cơ hội nữa. Sư kiên trì tu tập gần suốt 20 năm, và vào những năm cuối của tuổi 40, Kōzan được thiền sư Kakuzen trú trì tu viện ở Kyūshū nhận làm người truyền thừa.

Kōzan thay đổi lối pháp hệ chính thức của mình từ tông Tào Động sang tông Lâm Tế, được giao trú trì thiền viện Bairindō. Nhưng rồi sư vướng vào chuyện tình ái và có một đứa con. Chuyện này khiến Kōzan rút về vùng Tokuinin gần Tokyo, nơi sư sống như một vị du tăng trong thời gian còn lại của đời mình.

Có một điểm thú vị nhất trong tác phẩm của Kōzan: ông có lẽ là thiền sư duy nhất vẽ Bồ-đề Đạt-ma cười.

31. SƠN ĐIỀN NGHIÊN TRAI 山田研齋 - Amada Kensai (1911-1974)

Kensai sinh ở quận Saitama, say mê kiếm thuật cổ điển Nhật Bản từ nhỏ. Ở trường trung học, Kensai được học những thế kiếm bí truyền từ Sugimoto Jiro, cố vấn của Ngự lâm quân Hoàng gia, và từ tướng Yamaoka Jūkō. Năm 1948, Kensai là giám đốc Hiệp hội Kiếm thuật Trung tâm (Chuo Token Kai) ở Tokyo để đánh giá và phục hồi lại những tuyệt kỹ của kiếm thuật.

Kensai học thư pháp và hội họa với Yokoyama Tenkei và đã nghiên cứu sâu vào thể loại viết chữ bằng kiếm pháp. Tranh vẽ phong lan của Kensai được đánh giá là tuyệt hảo. Là cư sĩ tu tập thiền lâu năm, Kensai được ấn khả từ lão sư Ōmori.

MỤC LỤC

GHI CHÚ VỀ BẢN ANH NGỮ	5
LỜI NÓI ĐẦU	8
GIỚI THIỆU	11
THIỀN VÀ NGHỆ THUẬT THỂ HIỆN	12
Thiền và sự thắm định cá tính con người	12
Thiền và nghệ thuật thể hiện	15
Giác ngộ và kỹ thuật	18
Khí hợp và nghệ thuật	25
MẶC KHÍ VÀ SỰ CHUYỂN BIẾN TRONG THƯ PHÁP	30
Sự chuyển biến trong chữ ký của Thiết Chu	40
Thật hay giả	43
CHỮ NHẤT	46
MINH HỌA	51
NHỮNG MẪU THƯ PHÁP THIỀN	52
NHẤT CÚ CỦA CÁC THIỀN SƯ	56
NHẤT CÚ CỦA CÁC VÔ SĨ	63
NHỮNG PHÁP KHÍ TRONG THIỀN TÔNG	69
VIÊN TƯỚNG	79

MỤC LỤC

BỒ-ĐỀ ĐẠT-MA VÀ BỐ ĐẠI	90
NÚI PHÚ SĨ	106
THƯ PHÁP THIỀN	113
PHƯƠNG PHÁP CỦA THIỀN HỌA	114
VÔ TỰ BỔNG: ĐƯỜNG NÉT THIỀN HỌA	116
THỰC TẬP HITSUZENDŌ	120
Dụng cụ	120
Lễ bái	120
Cầm bút	121
Vẽ nhất tự bổng (Mujibō)	122
Minh họa – Thực hiện một bức thư pháp	123
TIỂU SỬ CÁC NGHỆ SĨ THIỀN	128